

**ĐẠI TẠNG KINH ĐẠI CHÁNH TÂN TU
KINH ĐẠI BÁT NHÃ**



**BÁT NHÃ LÝ THỨ PHÂN THUẬT TÁN
Quyển 33, số hiệu 1695**

**Sa Môn KHUY CƠ tuyển dịch tiếng Phạn sang tiếng Hán
Đời Đường (618-907) Chùa Từ Ân
Tỳ Kheo THÍCH BẢO LẠC dịch Hán sang tiếng Việt
Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc Đại Lợi**

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 20 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời nói đầu

Giới thiệu tổng quát

I/ Phần Tựa hay Tôn Chỉ Kinh:

II/ Nêu Rõ Tính Chất Kinh:

III/ Sự rõ ràng trong sáng của Kinh:

QUYỂN I

Giải Thích Văn Kinh

QUYỂN 2

QUYỂN 3

Lời nói đầu

Đức Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề, phải trải qua một quá trình thể nghiệm chuyển mê khai ngộ, qua ý thức tự giác tuyệt vời của một bậc phi phàm xuất chúng, vượt qua không thời gian tồn tại mãi tận muôn sau.

Tuệ giác siêu việt (Bát Nhã trí) Phật và Bồ Tát chứng nhập và chỉ bày cho chúng sanh "mở khai tri kiến Phật" (Kinh Pháp Hoa) là bài pháp hùng hồn sống động nhất, như đôi đũa thần vạn năng quét tan bóng tối vô minh dày đặc ngự trị trong ta từ vô lượng kiếp. Bài Tâm Kinh Bát Nhã 262 chữ thâu tóm toàn bộ Kinh Đại Bát Nhã 600 quyển, nói về trí tuệ rộng lớn cùng tột, đó là Tâm. Câu thần chú ở cuối bài Tâm Kinh nói rằng: "vượt thoát ! vượt thoát ! Mau lên vượt thoát ! Hãy nhảy vọt thoát ra ngoài mọi khổ đau, ách nạn ..." (gate, gate, Paragate, Parasamgate, Boddhi Svaha). Để đạt được Bát Nhã trí, hành giả phải thể nghiệm bằng cách học hỏi, suy niệm, thực hành, tức ứng dụng vào đời sống tu tập hằng ngày, mới mong thể hội được chân tinh thần lời dạy cốt lõi này.

Đây cũng là lý do chính thúc đẩy người dịch vượt qua những chướng duyên, cặm cụi ngồi dịch Kinh Bát Nhã Lý Thú này, gửi đến độc giả như món quà tinh thần cao quý, làm hành trang nhảy vọt ra ngoài mọi khổ ách, để phục vụ chúng sanh, tức là cúng dường chư Phật.

Ngưỡng nguyện thập phương chư Phật, Bồ Tát, lịch đại Tổ sư mật thù gia hộ bản dịch kinh này của đệ tử tránh bớt được những sai sót vụng về, những lỗi lầm căn bản mà có nhiều lúc do mê vọng thảng lớt, không thể lột tả được hết tinh nghĩa văn kinh. Đệ tử xin nguyện sám hối để sửa sai những chỗ chưa hoàn chỉnh, khi cuốn kinh này có đầy đủ nhân duyên được tái bản. Kinh này dịch từ bộ Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu, quyển 33, số hiệu 1695.

Xin chân thành ghi nhận công đức pháp thí của những vị có phương danh ân tống (ở cuối sách) đầy đủ phước đức và trí tuệ để con đường tu tiến được vẹn toàn, việc lợi mình, và lợi người được thành tựu viên mãn.

Nguyện đem công đức ấn tống kinh này hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Khởi dịch mùa an cư năm Mậu Dần,
hoàn tất mùa Vu Lan báo hiếu
Phật lịch 2542 (tháng 8 năm 1998).

Dịch giả cần bút,
Sydney ngày 20 tháng 11 -1998

Sa môn Thích Bảo Lạc

Giới thiệu tổng quát

// Phần Tựa hay Tôn Chỉ Kinh:

Sau khi Phật diệt độ khoảng 900 năm có bậc đại sĩ ra đời quyết chỉ rõ chỗ trong sáng, giống như một vài nhà luận sư, nêu chỗ chấp của vô bè đảng, tâm xử theo lý của Phật Thích Ca, tông chỉ theo tình không biếng trệ. Người đương thời gọi là Diệu Kiết Tường Bồ tát, thần kỳ oai đức như sách ghi rõ. Ngài tạo Chương Trần luận, luận rằng phạm những cảnh ta biết gồm có hai loại: 1/ hữu vi, và 2/ vô vi. Với hạng phạm phu mê muội không hiểu rõ nghĩa chân rốt ráo về hữu vi, về vô vi, về tánh không điên đảo. Vọng chấp các pháp tự tánh sai biệt, làm gia tăng tà kiến dày đặc. Như trên đời có một họa sư vô trí, họa một tượng qui cầm dao dử tợn hoặc tượng người đàn bà hoa mắt loạn tâm giống như người thật. Vì cho đó là thật nên mọi người sanh lòng sợ hãi, hoặc sanh tâm đắm nhi-m vào cảnh mà phần nhiều do nhà họa sĩ tạo nên, làm gia tăng lưới nghi phân biệt.

Với kẻ trí biết rõ nghĩa chân rốt ráo về hữu vi, vô vi và về tánh không điên đảo.

Lúc ấy trong đời có một họa sĩ tài trí không cho bức họa của mình là thật. Không giống như người đã đề cập trên chấp về hữu vi, vô vi, cảnh sai biệt để tự buộc mình như con tầm làm kén tự giam hãm mình. Vì vô trí, y không thể phân biệt được các hạnh nên không đạt trí vô phân biệt xuất thế. Cần phải tu tập mới trừ được tà kiến do con mắt nhận lầm, không quán thiên lệch về không mà biết chuẩn bị như dùng thuốc hay. Quán như vậy là không rơi vào không quán sai lệch mà lưu lại tự tánh văn huệ đã duyên mới có thể nghe

được kinh Bát Nhã sâu mầu này. Cứ theo lời đây làm tông chỉ thì thật tánh pháp hữu vi là không, là như huy-n do các duyên sanh. Pháp hữu vi không thật hữu, không phát khởi giống như không hoa. Trong đó một số người cho là có, còn nếu y theo pháp chân thật thì tất cả đều không. - đây đưa ra hình ảnh thí dụ nhà điêu khắc đủ trí không sợ còn như vô trí thì sợ hãi lo lắng bất an. Phật và Bồ tát khác thường hơn, biết do nghiệp mình tạo chiêu lấy ghét yêu, như người trí biết rõ hình tượng vẽ nên không sợ sệt. Kinh Di Lạc Trung Biên Tụng nói rằng: do hư vọng, phân biệt nên có đây, kia; song cả hai đều không. Trong cái không đây chỉ "không" đối với kia mà "có" đối với đây. Cho nên nói: tất cả pháp phi không, phi hữu, có mà không có tức là hợp trung đạo. Đây lấy vô chấp về hữu vi, vô vi làm tông chỉ.

II/ Nêu Rõ Tính Chất Kinh:

Bát Nhã có năm nghĩa như sau: 1- thật tướng, 2- quán chiếu, 3- văn tự, 4- cảnh giới về chân đế và tục đế, 5- bao hàm cả phước lẫn trí như trong phần đầu có nêu rõ.

Thể Kinh chia hai phần: 1- văn, 2- nghĩa. Văn là văn tự; nghĩa: nghĩa lý, gồm có:

- 1- Thật tướng thuộc Bát Nhã tánh
- 2- Quán chiếu thuộc Bát Nhã tướng
- 3- Văn tự là Bát Nhã nhân
- 4- Cảnh giới là Bát Nhã cảnh
- 5- Quyển thuộc là Bát Nhã bản.

Cả năm loại này gọi chung là Bát Nhã. Sách Long Mãn giải thích, căn cứ theo nghĩa chân rốt ráo thì thấy đều là không, như dạy cũng như không dạy, song không phải chẳng dạy; thể cũng chính là vô thể, song không phải chẳng thể mà trong tục đế cũng cho là có. Câu, lời, chương, luận, tiếng là thể của giáo, rộng như trong Bát Nhã Thanh Biện Đăng có đề cập. Sách Hộ Pháp giải thích: giáo thể có bốn:

1- Mượn tướng quy tánh. Bát Nhã luận nhận định: ứng hóa chẳng phải chân Phật mà cũng không phải người chân thật thuyết pháp. Thuyết pháp thì không mắc hai chấp thủ: vô thuyết và lìa tướng nói năng. Kinh này dạy rằng: tất cả các loài hữu tình và các pháp đều là chân như thâm sâu vi diệu thuộc về trí tuệ siêu việt, đây cũng tức là chân như. Kinh Vô Cấu Xung nói: lìa văn tự, không chấp văn tự là được giải thoát mà tướng giải thoát là các pháp vậy. Vì tất cả mọi pháp cũng đều như vậy, cho nên biết thể tánh là chân như.

2- Mượn chỗ thừa quy về thức: Thập Địa luận rằng: ba cõi do tâm. Duy Thức Nhị Thập Tụng nói: thức phân biệt liên tục nên có sự sai biệt liên tục thức sanh dần dà bổ xung cho nhau làm tăng thượng duyên, nên người nói pháp, kẻ nghe pháp dụng tâm làm thể.

3- Mượn giả dẫn tới chân: đối với pháp mà luận thì chỗ thành đưa lại thanh, là lời các bậc thánh nói ra, nên biết chỉ lấy tiếng làm thể. Mượn danh và các pháp giả hiển bày lời chân.

4- Tướng-dụng-thể khác nhau: người nói pháp nơi thức hiện ra tiếng nói, danh tự, câu văn để nương đó dạy dỗ. Mượn giả hiện thật làm thể cho việc giáo hóa. Thập Địa luận rằng: người giảng pháp và kẻ nghe pháp đều lấy hai việc này làm điểm tựa: a- tiếng nói, b- chữ viết. Do sự huân tập lâu dài và do thức biến hiện trong khi thuyết pháp ý thức hiện ra những điều huân tập, như trong chương riêng có nói rõ, ở đây không dẫn dài dòng.

III/ Sự rõ ràng trong sáng của Kinh:

Kinh này nêu rõ đức tánh hơn cả, gọi tổng quát là Bát Nhã Lý Thú; nghĩa lý chính xác, còn tên riêng có 14 loại:

1/ Pháp sâu thăm vi diệu là pháp thanh tịnh, tuyệt đối khiến người nghe tin hiểu thực hành thì đạt được kết quả thù thắng; cho đến chứng quả Bồ Đề hết thảy phiền não đều không tập nhi-m. Đó là ba chướng: phiền não chướng, nghiệp chướng và pháp chướng (sở tri chướng), dù tích tập lâu ngày vẫn không bị nhi-m.

2/ Tuy tạo bao nhiêu nghiệp ác cũng d- dàng tiêu diệt

3/ Không đọa vào ác thú

4/ Như người mỗi ngày tinh tấn đọc tụng không gián đoạn suy nghiệm nghĩa lý kinh, thì đời này sanh định, được các pháp bình đẳng vững chắc như kim cương.

5/ Đối với hết thảy mọi pháp đều được tự tại

6/ Luôn luôn được sự an lạc tuyệt vời

7/ Kinh này có 16 vị đại Bồ tát tu định được kiên cố như đức Như Lai

8/ Mau chứng đạo quả Vô Thượng giác, là pháp vắng lặng đưa đến quả Đăng Giác.

Nếu có người nào nghe kinh này mà tin hiểu, giảng rộng, suy niệm, đọc tụng, ứng dụng vào việc tu tập sẽ được hai kết quả thù thắng: 1/ Nhẫn đến lúc ngồi tòa Bồ Đề, dù có tạo bao nhiêu ác nghiệp sâu dày, vẫn được thoát khỏi không đọa vào đường ác. 2/ Mau chứng quả Vô Thượng giác, là người đã trừ các việc ác, ban rải pháp môn sâu rộng khắp nơi.

Nếu người nào nghe Kinh tin hiểu, giảng rộng, suy niệm, đọc tụng, ứng dụng vào việc tu tập thì được bốn kết quả thù thắng:

- Giả sử có phạm tội sát hại chúng sanh trong ba cõi, do đây khỏi đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh. Vì đã chế ngự được tất cả phiền não và tùy phiền não ác nghiệp v.v...
- Thường sanh về cõi thiện lành được an lạc
- Tu các hạnh Bồ tát hay hạnh đại Bồ tát
- Mau chứng quả Vô Thượng giác. Hiểu rõ pháp môn thanh tịnh bình đẳng.

Như có người nghe kinh tin hiểu, giảng rộng, suy niệm, đọc tụng, ứng dụng vào việc tu tập thì được ba kết quả thù thắng:

- Dù ở trong tham-sân-si, trần lao, phiền não ô nhiễm vây hãm, vẫn như hoa sen thanh khiết không bị đắm nhiễm, tội lỗi vây phủ.
- Luôn luôn tu tập hạnh nguyện Bồ tát

- Mau chứng quả Vô Thượng giác.

Người dùng pháp môn quán đánh thì được hai kết quả thù thắng, dùng trí ẩn Kim Cang của Phật thì được năm kết quả thù thắng, lìa các pháp hý luận (nói bàn suông) quán tự luân được hai kết quả thù thắng. Nhập pháp bình đẳng quán vòng tròn lớn được hai pháp thù thắng.

9/ Cúng dường pháp vô thượng được hai kết quả thù thắng

10/ Khéo điều phục tâm đạt được sáu kết quả thù thắng

11/ Tánh bình đẳng, tánh pháp môn tối thắng được ba kết quả thù thắng

12/ Mọi loài hữu tình duy trì pháp tâm biến khắp được hai kết quả thù thắng

13/ Pháp Kim Cang Lý Thú rốt ráo vô biên không ngần mé được ba kết quả thù thắng

14/ Lý Thú pháp môn vô cùng vi diệu, cao tột, người thọ trì được 18 điều công đức:

1- mọi chương đều tiêu, 2- tùy tâm ưa muốn việc nào đều thành tựu, 3- là mẹ chư Phật, 4- người hay tụng trì kinh này các tội tiêu diệt, 5- thường thấy chư Phật, 6- biết được kiếp trước, 7- như loài hữu tình đa phần chưa gieo căn lành nơi Phật, chưa phát đại nguyện, đối với kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Lý Thú sâu xa vi diệu này không thể nghe, biên chép, đọc tụng, cúng dường, suy niệm, tu tập, thì phải gieo thiện căn, phát đại nguyện để có thể nghe một câu một chữ lý thú kinh sâu xa này, huống gì đọc tụng thọ trì đầy đủ, 8- Như có chúng hữu tình cung kính cúng dường, tán thán tôn ngưỡng 80 ức các đức Phật, nhẫn đến nghe được kinh Bát Nhã vô cùng lý thú này, thì được 13 vị trời thường theo ủng hộ. 14- Không bị chết oan, 15- Không gặp các tai biến, 16- Được chư Phật, Bồ tát thường hộ trì làm cho mọi thời tăng thiện diệt ác, 17- Tùy duyên vắng sanh các cõi Phật, 18- Cho đến khi chứng quả Bồ tát không đọa đường ác. Chúng hữu tình nào thọ trì kinh này được vô biên công đức thắng lợi ngàn ấy. - đây chỉ lược nói một ít như thế.

QUYỀN I

Giải Thích Văn Kinh

Kinh văn: "tôi nghe như thế ". Lời người thuật: Kinh gồm có ba phần:

- Phần đầu từ "Tôi nghe như thế ... phạm hạnh thanh bạch" đây là phần tựa.
- Phần chánh tôn từ "Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì chư Bồ Tát mà nói pháp thậm thâm vi diệu ... lược nói một ít như thế ".
- Phần lưu thông (kết) từ "Lúc bấy giờ đức Bạc Già Phạm ... hoan hỷ tin tưởng phụng hành ".

Phật Địa Luận chia ba mục từ xưa đã định rõ để thuyết minh. Nay giải ba phần riêng biệt này như sau:

- 1- Phần đầu: Tựa thuật
- 2- Phần hai: Theo căn cơ mở rộng nói pháp
- 3- Phần ba: Cảm nhận tu hành

Trong ba phần này xưa nay đều cùng ý nghĩa. Song phần đầu y cứ bài kệ Đăng Luận của ngài Thiên Thân Bồ tát chia làm 6 điểm. Ngài nói rằng trước nêu cho đệ tử rõ ba điểm, sau thầy trình bày ba điều chứng minh.

Thứ nhất: Niềm tin của người đệ tử là như vậy. Nói "như thị" mà ngày nay chúng ta gọi là không hư dối, đúng như thật.

Thứ hai: "ngã văn" chính tôi chứ không ai khác hư truyền.

Thứ ba: "nhứt thời" thời gian nghe pháp. Luận Trí Độ giải rằng, lúc nói có người nghe khiến sanh niềm tin đúng sự thật.

- Thứ tư: chủ (đức Phật)
- Thứ năm: nơi chốn nói kinh
- Thứ sáu: căn cơ người nghe

Nay căn cứ bộ Phật Địa Luận thì phần đầu có 5 mục:

- 1- Nêu việc đã nghe: Tôi nghe như thế ...
- 2- Thời gian
- 3- Chủ trì
- 4- Nơi chốn
- 5- Căn cơ chúng hội.

Bây giờ theo như kinh này phân thành sáu mục; năm phần như Phật Địa Luận đã nêu trên, phần thứ sáu: tán thán pháp với 10 công đức thù thắng. Tuyên nói chánh pháp đầu, giữa, cuối đều thiện. Tiếp theo thứ tự thuật lời Phật dạy, xác định vị trí, cũng là lời Phật thuyết. Tập Pháp Kinh ghi: A Nan hỏi Phật bốn việc: - lấy ai làm thầy, - y pháp nào an trú, - làm thế nào đối trị tánh ác, - đâu các kinh nên đề lời gì ?

Phật dạy: giới để răn dè, nên lấy giới làm thầy. Nên an trú trong việc xử phân đúng pháp. Xử phạt kẻ phạm lỗi xấu. Nơi đâu các kinh nêu lên sáu việc: một là chánh hạnh, hai là chánh giải, ba là giải hạnh khéo đối trị chướng ngại tu hành. Ba pháp này y theo thánh giáo, bốn là việc hỏi không tăng giảm.

Luận Trí Độ luận rằng: Ngài A Nậu Lô Đà dạy A Nan thừa thỉnh Phật bốn việc; còn theo như Kinh Đại Bi thì nói ngài Ưu Ba Ly dạy. Nay ta có thể nói: cả hai Ngài cùng dạy để nêu rõ việc kết tập. Như mục ghi chú, ngài Chân Đế nói: giới luật nêu rõ những việc tinh tế, ngài A Nan lúc thăng tòa tuyên dương pháp, thân như thân Phật đầy đủ tướng tốt. Nay tra cứu thấy việc kết tập kinh tạng lưu truyền cũng nêu lại thuyết này - Lúc ngài A Nan rời tòa ngồi trở lại vị trí, chúng hò nghi ba việc:

- 1- nghi Phật từ bi từ cõi Niết Bàn hiện thân nói pháp.
- 2- nghi có một đức Phật từ phương khác đến cõi này thuyết pháp.
- 3- nghi ngài A Nan biến hình thành Phật, nói pháp cho thính chúng nghe.

Cho nên nơi đầu các kinh đề: "như thị ngã văn" (ta nghe như thế này) để mọi người tin tưởng, không nghi.

Kinh Pháp Hoa giải thích: như thị là điểm tốt của sự cảm ứng. Theo đúng căn cơ là "như", đúng thật không sai là "thị". Chúng sanh do sự thật mà cảm, chư Phật do hợp căn cơ mà ứng. Người truyền kinh nêu danh dạy điều cảm ứng cho nên nói như thị. Ứng đây đương nhiên đã tỏ rõ. Theo kinh Vô Lượng Nghĩa giải thích: chí như người giảng pháp làm hiển như, duy chỉ "như" là thật, nên nói như thị.

Dao Công nói: Xa lìa hẳn năm sự hủy báng là như thị. Trước hết lìa bốn việc: tăng-ích-đẳng-báng, và thứ năm là "như thị". Kinh này nhân quả không phi hữu chẳng phi không nói là phạm lỗi hý luận, thứ tư lỗi ngu dốt.

Ngài Quang Trạch nói rằng: Như thị là phần mở đầu kinh nêu lên tường thuật những lời, những điều đã được nghe. Như thế toàn bộ kinh chính tôi (A Nan) đích thân nghe từ đức Phật, tức là tôi nghe thấu triệt vậy.

Lương Võ Đế nói: Như là lời, người đang nói; thị là những gì Phật đã nói, cho nên gọi là như thị. Trở lên là năm giải thích của ngài Kiết Tạng Pháp sư đã dẫn giải. Ngài Chân Đế và Trường Nhi đều nhận định: Như thị có ba điểm: 1- Tin theo Phật, ba đời chư Phật đều nói không khác là "như", giống nhau nên gọi là "thị". Do đó có thể tin các đức Phật thuyết như nhau, không sai khác. Đúng theo nghĩa lý rõ ràng thật tướng mọi pháp xưa nay không khác. 2- Tin lý rõ ràng minh bạch: thật tướng vạn pháp xưa nay không khác nên gọi là như, đúng thật mà nói nên gọi là thị. Nói theo lý thì không tăng không giảm, quyết định phải tin nên gọi là như thị. 3- Tin người, ngài A Nan cầu Phật truyền dạy có thật nên là như, không sai là thị.

Bên trên là ba lối giải thích rõ của các pháp sư đã dẫn cũng giải thích thêm như thị nêu lên một phần của huyền tông tức là chân đế và tục đế, chân là như, tục là thị, tức muốn nêu ra điểm rõ ràng không hai khác. Hay cũng có thể nói: thuận theo lý là như, tìm ra chỗ hư vọng là thị hoặc nêu rõ đối với hai trí chỉ bày là nhân của cả hai, chẳng hạn sở hữu tánh là như, trừ hết tánh sở hữu là thị, cho nên sau đây nói: trí biết mọi lẽ tức tướng, biết rõ mọi tướng là thị. Cũng có thể nói: nhân của hai món trang nghiêm là phước và trí, mà phước là như, còn trí là thị vậy. Hoặc dạy những điều thuận lý là như, y theo lời dạy để tu hành là thị. Nêu lên hàng đầu quán chiếu thật tướng các pháp sở năng, tức cảnh là như, trí là thị.

Từ như thị cũng có thể gọi là điềm lành vậy. Muốn nêu rõ đầu đề kinh đều phải để lời này vào. Những kinh điềm của các đạo khác mở đầu đề hai chữ: a uu. Lại nữa, như thị là từ khẳng định bác chỗ sai lầm để nêu rõ phần đúng tiếp sau. Trở lên là tám cách giải thích được lưu truyền từ các bậc tiên đức.

Sau đây cũng giải thích như thị theo bốn nghĩa để chuyển ý. Một: y thí dụ, chẳng hạn nói: giàu sang như thế chẳng khác trời Tỳ Sa môn. Như thế được truyền lại những pháp đã nghe đúng như lời Phật thuyết, quyết định là nhân làm phương tiện lợi lạc. Hoặc nói câu như thế này: như tôi trước đây đã nghe ... Hai: y lời dạy, như có người bảo: người nên đọc tụng kinh luận như thế. Trong câu đó, lời dạy bảo như của Phật mà kỳ thật là lời dạy của người truyền pháp. Hoặc có lúc bảo đại chúng nên nghe những gì tôi đã nghe như thế. Ba: y theo lời vấn đáp. Tôi nghe như vậy, di-n thuyết thế này. Như có người hỏi người nên đáp rằng trước đây đã được nghe thế. Lời đáp đây nói là tôi nghe như vậy. Bốn: y lời chấp thuận, như có người nói: tôi vì ông (người) mà làm như thế, nghĩ như thế. Khi kiết tập kinh điềm các vị Bồ tát chung hợp lại thỉnh cầu lời này: như ngài đã nghe như thế nào nên nói lại như thế. Vị Bồ tát truyền pháp hứa: tôi chỉ nói những gì đã được nghe hoặc tin những gì đã được nói. Việc đó như thế, nghĩa là tôi từng nghe pháp như vậy. Việc như thế nào thì nên nói như thế quyết định không có sai khác. Bốn cách giải thích trên dựa vào Phật Địa Luận như Thân Quang Bồ tát đã giải.

Cũng có lối giải thích như thị là lời tín thuận như Luận Trí Độ giải rằng: tôi nghe rồi phát niềm tin như thế, tin rồi chấp nhận thực hành sanh trí vậy. Tin là có khả năng thu nhận, trí là có khả năng vượt qua. Tin là tiếp nhận pháp sơ cơ, trí là đạt tới chỗ sâu xa rốt ráo. Tin là lời nói thuận theo lý, thuận thì hợp tư cách bậc thầy.

Tin pháp đã thuyết là thuận theo, do thuận theo mới tin nghe pháp. Đứng trên hai lãnh vực thầy trò thành lập đối với tín, lược giải có 10 điểm khác nhau mà khởi sự là phát khởi niềm tin.

1/ Thành Duy Thức nhận định rằng, tín như ngọc sáng, trong nước đục có thể làm sạch nước dơ. Tín để đối lại tánh vẩn đục của bất tín. Vì thế quân đội tin ba việc không thể thiếu một (thiên thời, địa lợi, nhân hòa).

2/ Luận Du Già nhận định: Tin là theo ý muốn, muốn là theo sự tinh tấn. Cho nên khi thấu đạt mọi pháp thì dục là căn bản. Tác ý móng khởi thì việc xúc chạm tới chấp nhận theo liền. Định huệ là phần cao tốt không gì bằng,

giải thoát là kiên cố. Giải thoát có sau khi tin như lòng mong muốn. Vì thế tin đứng đầu.

3/ Người học Phật như đại long tượng lấy tín làm tay, lấy xả bỏ làm răng, lấy niệm làm cổ, lấy huệ làm đầu, trong khi lấy hai vai gánh vác thiện pháp. Đây là nói theo luận Đại Tỳ Bà Sa ghi nhận như vậy.

4/ Pháp là cánh tay chư Phật, tin là cánh tay của chúng sanh. Cho nên luận Câu Xá nói rằng, nhờ sạch chúng sanh khỏi bùn lầy sanh tử. Phần chánh tông là tay Phật, phần tựa khởi tin là tay chúng sanh. Hai tay dắt qua bờ giác ra khỏi bùn lầy sanh tử.

Sau đây hai điểm giải theo ý kinh Tới Thắng Quân Vương.

5/ Rộng mệnh mong như biển Đại Hồng mượn tay bơi thuyền qua sông sanh tử phải tin để có trí tuệ.

6/ Đi dạo trong cánh đồng rộng mệnh mong tay cầm gậy ngăn giặc sanh tử mà tin là cánh tay nắm con dao trí tuệ ngăn chặn giặc phiền não.

7/ Thấy vật quý của báu đưa tay nhặt lấy; nghe pháp bảo phải tin chắc chắn.

8/ Tin là bước đầu của thánh tài nên trước phải phát khởi lòng tin. Luận Hiền Dương nói: Trong thất thánh tài thì tín-giới-văn trừ được tâm tà quý (hỗ thẹn), cho nên trước tiên phải sanh niệm tin.

9/ Tin là nấc thang tiến lên bậc thánh, cho nên bốn mươi tâm lấy tín làm đầu, có tín căn và tín lực. Có tín căn cho nên muôn điều thiện nhân đầy phát sanh; có tín lực cho nên bốn loài ác ma không làm hại. Sách Thập Chư Luận nhận định: tín có thể vượt qua đường ác, xa hẳn nhân nghèo khó. Có bốn điều tin không hư hoại. Do nghĩa này cho nên ở đầu tất cả các kinh đều đề "như thị" khiến chúng phát lòng tin. Ta nghe là đích thân vị Bồ tát truyền pháp thuật lại pháp ấy. Chính người nghe từ đức Phật nên đề là "ta nghe". Ta là cái thân giả của thế tục do ngũ uẩn hợp thành. Song cái ta có ba: a- do vọng mà chấp ngã. Ngoại đạo và những ai không tu ôm chấp lấy cái ta, song nó cũng như hư không như hạt cải mọn. b- giả mượn cái ngã trong thường-lạc-ngã-tĩnh dẫn dắt hàng nhị thừa đạt đến vô ngã từ bỏ luôn quả vị vô ngã của tiểu thừa. Như trong kinh Phật hoặc nói "ngã" hay có lúc nói "vô ngã". Song thật tướng của các pháp là vô ngã, vô phi ngã, vì hàng Thanh Văn nói vô thường v.v... để trừ dứt bốn món điên đảo của phàm phu. Nói không có

ngã loài hữu tình là pháp có nguyên nhân, nên sau tu chứng bậc Bồ tát nói là thường-lạc-ngã-tịch. Trừ hàng nhị thừa khởi bốn pháp chấp. Do đó bản tánh các pháp đều lìa ngã, từ vô ngã nêu lên cái thường ngã, cho nên gọi là giả thiết vậy. Cái ngã chuyển từ ba đời, vì thế người đời truyền tụng rằng ông Trương Vương tánh do trời phú, danh lưu lại ở đời. Người truyền pháp cho đời tùy thuận thế gian tự xưng "ta" không giống như chấp ngã đã đề cập trên, không vọng chấp nên không giả thiết. Song cái thể nó là ngã của vô ngã.

Hỏi: Chư Phật nói pháp để phá trừ ngã chấp, tại sao ngài A Nan không xưng tên lại nói là "ta".

- Đáp: Theo như lý mà nói thì phải xưng tên, song tóm lược có ba nghĩa cốt để nói tổng quát cái ta như:

1- Nêu rõ điều không trái tục: tông chỉ tuy nêu rõ tông, song không trái tục. Tuy không có ngã mà có ngã thành lập, là muốn nêu rõ chân đế không lìa khỏi tục đế.

2- Ngã là chủ thể có nghĩa là tự tại. Ngài A Nan bậc đa văn, nghe mà ghi nhớ kỹ những gì đã được nghe. Ba món tuệ có đầy đủ văn nghĩa, trong thánh giáo gọi là định tự tại.

Nếu chính ngài A Nan nghe pháp như thế, tuy là đủ phép nhưng đối với pháp thì không đạt được nghĩa tự tại. Muốn nêu rõ nghĩa tự tại của pháp nên nói ta nghe thay vì gọi là Khánh Hỷ.

3/ Ngã có nghĩa là thân chứng. Người đời thường nói tôi nghe thấy như thế là thân chứng. Nếu chỉ gọi tổng quát A Nan nghe hoặc không đích thân nghe từ những lời Phật dạy. Nay nêu rõ chính ngài đích thân nghe Phật thuyết chứ không phải nghe người nào khác truyền nên gọi "ta" là vậy. Do ba nghĩa nêu trên nên không xưng Khánh Hỷ mà nói tổng quát là ta nghe. Nghe có nghĩa là cái biết của tai phát ra nhận những điều đã được nói. Giờ bỏ tai riêng nói ta tổng quát nên là ta nghe. Các bộ phận khác nghe, nói mỗi mỗi khác nhau. Nay y theo Đại Thừa thì cái biết của tâm sở hòa hợp với cảnh nên gọi là nghe. Song năm căn có nghĩa thù thắng đối với thức nên gọi là nghe. Đối với các pháp ngài Long Thọ đều nói như thế. Như nghe tiếng tức chỉ tai nghe, còn nếu nói chung nghe ghi nhận thì phải do ý. Do đó, chỉ ý mới đủ tánh cách nghe. Cho nên Luận Du Già giải rằng, nghe là cân nhắc, tai chỉ nghe tiếng là cửa ngõ của ý mà người nghe từ lỗ tai. Nghe là nói tổng quát do tai

nghe nên lỗ tai gọi là nghe. Song tai không đủ khả năng nghe phân biệt được các pháp, như nghe một vấn đề nào đó rồi trình bày lại chẳng hạn. Vì cách nghe đây ta quen gọi tai nghe. Như quan sát mặt trăng thứ hai thấy có vòng lửa chung quanh. Như vua Tỳ Lưu Ly dùng lời mạt sát giòng họ Thích là do ý thức, lỗ tai không liên can tới. Hỏi: Ngài A Nan trong lúc nghe Phật nói thì cũng suy nghĩ biết Phật nói gì, thế tại sao không nói: tôi thấy như thế, tôi ghi nhận như thế, tôi biết như thế, lại chỉ nói tôi nghe ?

Trả lời câu hỏi này có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất: Muốn chứng minh lý sâu xa mà người ngộ chỗ rốt ráo phải y nơi văn giáo. Thấy, biết, phân biệt v.v... không phải từ sự đạt rõ lý. Tuy có thấy thật đấy, song chỉ nói nghe thôi.

- Thứ hai: Cõi Ta bà này dùng âm thanh làm Phật sự, nên muốn chỉ rõ sự khác nhau giữa các cõi Phật thì chỉ nói nghe. Ngoài ra, nơi các cõi Phật khác dùng ánh sáng vi diệu, hương thơm, vị lạ để làm Phật sự, nên đầu các Kinh đều nêu câu ta thấy, ta hiểu, biết. Nay muốn nêu rõ chỗ khác nhau với các cõi Phật nên chỉ nói nghe mà thôi.

- Thứ ba: Muốn nêu rõ tuệ giác Bồ đề mà căn yếu là do huân tập (tích lũy mỗi khi một ít) mới thành. Nếu không nghe chánh pháp thì tam huệ (văn-tu-tu) không do đâu phát sanh. Cho nên ở đầu các kinh nói nghe khiến sự tập nhi-m hữu lậu thế gian dần dần tiêu diệt để tăng trưởng quả vô lậu xuất thế. Cho nên chỉ nói "nghe" thôi.

Hỏi: Kinh Đại Bát Nhã Phật dạy: từ thành đạo cho đến lúc nhập Niết bàn, trong khoảng thời gian đó ta chưa hề nói một chữ. Tại sao A Nan hủy báng Phật cho rằng Phật có thuyết pháp và tự nói rằng ta nghe ? Ngoài ra kinh Ba Diệp thí dụ nói: Những pháp đã nói như lá trong tay; những pháp chưa nói như lá trong rừng. Rõ ràng Phật có nói pháp. Nay nói ta nghe, rồi lại nói Phật không nói lời nào. Tại sao có sự trái ngược như vậy ?

Đáp: Phật Địa luận rằng: Như Lai sẵn lòng từ bi cùng lực bốn nguyện làm tăng thượng duyên. Người nghe, nghe trên văn nghĩa mà có. Văn nghĩa đây tuy dựa vào lực thiện căn sẵn có phát sinh nên gượng ép gọi là Phật nói. Sức nghe của chính tai do tâm hiện khởi nên nói ta nghe. Ý nói: Phật có đủ ba pháp: định, trí, bi. Ba pháp này trên thực tế là không có thuyết pháp. Do bốn nguyện lợi sanh đại bi tâm phát khởi mà chúng sanh tu hành lâu nay có duyên được gặp Phật. Ngày nay đã thuận thục từ trong tâm thức nghe Phật

có nói pháp giáo hóa độ sanh, song kỳ thực là không nói. Như mẹ Tăng Sâm dứt ngón tay, lòng Tăng Sâm đau xót biết là mẹ gọi trở về. Thật ra mẹ Tăng Sâm không thốt một lời mà chỉ luôn nghĩ tưởng tới con. Như gió gặp mây, tâm mẹ nghĩ con, con nghĩ tới mẹ có sức thu hút như mẹ gọi con, nên con gấp rút trở về như ta đã biết. Phật cũng như bà mẹ, chúng sanh cũng như Tăng Sâm, dù nói hay không đại loại giống nhau. Một thí dụ khác, có một tín nữ mời một vị Tỳ Kheo tới thuyết pháp; khi thầy ra đi rồi không để lại lời nào mà người tín nữ ngộ đạo. Bà ta nói: do nhờ ân đức thầy và nương nơi vị Tỳ kheo làm tăng thượng duyên tu tập để thoát sanh tử chúng đạo quả. Chúng sanh y Phật làm tăng thượng duyên, do tâm phân biệt mà ba thừa giáo hình thành. Do gương ép cho là Phật nói pháp, song kỳ thật Phật không hề nói. Lời nói: ta nghe này ý nghĩa cũng thế. Có người nghe nhờ căn lành sức bản nguyện làm tăng thượng duyên mà Phật biết rõ qua nghĩa tương duyên này. Nghĩa tương duyên đây là Phật vì lợi ích cho kẻ khác phát khởi thiện căn nên gọi Phật nói. Người nghe không trực tiếp như A Nan, nên ngài thuật rõ ràng lại từng chi tiết, nên nói ta nghe. Ý nói, Phật hiện thân đầy đủ 6 căn tiếp xúc 6 trần và 6 thức phân biệt, rõ ràng Phật có thuyết pháp vì sự nghiệp lợi sanh, không tâm phân biệt, không niệm vương mắc, do ý nguyện hợp với căn cơ nói pháp làm lợi lạc mọi loài. Như ngọc ma ni, trồng trời Đế Thích vô tâm mà tự trời không đợi Thiên Đế bảo hay không bảo. Thiên Đế do thiện nghiệp cảm, nên trồng trời không trời tự kêu, Thiên Đế nghe tự đề phòng cẩn thận. Phật cũng như thế, tâm không phân biệt nói hay không nói. Chúng sanh có duyên lành được nghe pháp thì lãnh hội được những pháp Phật thuyết. Việc thuyết pháp cũng như người huy-n nói pháp cho người giả nghe, tự tánh vẫn tự lìa hẳn vẫn tự, như thế mà rõ biết. Không nên vọng chấp danh tự cho nhất định có thật pháp, có người nói pháp, có kẻ nghe pháp. Vì thế Phật bảo ta không nói một chữ. Luận về thuyết pháp thì không pháp để thuyết, vì pháp không hiển lộ. Như nhà ảo thuật là người bày trò giả tức không phải không có. Kinh nói rằng thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không, đợi đủ duyên các pháp thành tựu. Phật thuyết pháp ngài A Nan đích thân nghe nên gọi là ta nghe. Trong đó có hai ý: Một là thấy mà vô chấp, hai là hộ pháp của bậc thầy sáng suốt. Nên biết rằng nói ta nghe như thế ý hàm mọi sự tăng giảm, sai biệt, lỗi quấy khác nhau, chính ta nghe nơi Phật, pháp như thế, chứ không phải người nào khác nói, chúng tỏ người nghe có sức kiên nhẫn nghe những gì cần nghe, còn gạt ngoài tai mọi sai biệt lỗi quấy. Không như người ngu không biết kiên nhẫn nghe những gì đáng nghe nên không nhận được điều phải bỏ việc trái.

Thời kỳ kiết tập giáo pháp để lưu truyền lời Phật dạy, đều căn cứ những lời Phật nói này, làm cho chúng sanh tín kính thọ trì lời dạy. Pháp này chính ta

nghe từ Phật, nghĩa lý đúng đắn không sai. Người nghe phải thuật rõ ràng chính xác, suy nghĩ hợp lý tinh tấn tu tập.

Trong kinh nói: một thuở là do người thuật nói lại để chứng minh thời gian nói kinh, tức xác nhận thời điểm vậy. Thời điểm Phật nói pháp cùng thì giờ đại chúng nhóm họp dự nghe liên tục không gián đoạn, tức xác tín việc nghe hoàn toàn đúng sự thật. Theo thói quen ta gọi tổng quát là "một thuở nọ" mà không nghe vào một lúc nào khác. Thế tại sao gọi "một" ? Đây là từ bất định, không nói rõ giây phút, cũng như không nêu rõ thời gian kéo dài bao lâu. Vì không xác định rõ thời khắc là bao lâu như lúc Phật thành đạo, nên gọi chung thời gian là một thuở nọ. Chỉ người nói và người nghe có thể xác định, còn nói cho đại chúng gọi tổng quát là một thuở nọ, vì người nói pháp (Đức Phật) thâm nhiếp được mọi pháp nên di-n thuyết ở bất cứ mọi thời. Hoặc cũng có thể người nghe nhiếp căn thanh tịnh hiểu rõ từng chữ, ngoài thời gian tất cả đều rõ suốt. Hoặc cũng có thể nói người nói pháp trải qua thời gian trong nhiều kiếp mà người nghe cũng qua nhiều kiếp dự nghe như thế. Nên không xác định ý niệm về thời gian trong kiếp số lâu xa ấy căn cơ số thính chúng trong một pháp hội có chậm, nhanh không giống nhau. Đức Phật đủ thần lực gia giảm thời gian kiếp lâu xa thâm ngắn lại. Luận về thời gian có hai cách giải:

- Thứ nhất: Xác định thời gian theo pháp hữu vi về mặt đạo lý thì người nghe và người nói pháp thân tâm đều do niệm niệm biến diệt vô thường bất định, có khắc trước, khắc sau, hiện tại, tức là pháp có qua lại, có di-n tiến nên tạm gọi là có quá khứ và hiện tại. Giữa kẻ nói và người nghe là việc thật đã di-n ra trong một điểm thời gian nhất định, nên gọi chung là một thuở nọ. Như nhà toán học dùng bàn toán để tính được các con số từ đơn vị chục, trăm, ngàn, vạn, ức v.v... song kỳ thực chỉ một bàn toán do tính ngang tính dọc mà có các con số khác nhau, chẳng đồng nên có sự sai khác. - đây người nghe pháp do hợp thể ngũ uẩn nên có quá khứ, hiện tại, vị lai. Hiện có thuộc hiện tại, lúc nói đã thuộc ba đời. Nay gộp chung ba việc trong khoảng thời gian ấy lại gọi là một thuở nọ.

- Thứ nhì: Thời gian do tâm thức biến hiện có ba thời kỳ. Thông thường trong một niệm hay nhiều kiếp cũng có thể tạm gọi là nhứt thời (một thời). Như người trong giấc chiêm bao mộng thấy mình bị trôi lăn sinh tử trong ba đời. Ý thức đó hoàn toàn do tâm hư vọng khởi, trên thực tế làm gì có ba đời. Nay dùng lý để luận về thời gian cũng vậy. Chỉ do vọng chấp mà dường như có ba thời, thực sự gọi tổng quát là một thời (một thuở). Nói theo nghĩa nên dựa vào ý có chỗ duyên, hành uẩn, các pháp mà thành có pháp giới. Tại sao

không nêu sự khác biệt của 12 giờ đồng hồ ? Như nói sạch dơ, ngày đêm, giờ khắc, các phương đều khác nhau. Xứ là phương cố định nên trong ý niệm thời gian nói chung là một.

Hỏi: - mọi nơi có sự sạch dơ khác nhau nên nói một. Thời khắc các nơi sai biệt làm sao phỏng định được ? Phạm phu ở cõi bất tịnh, thánh nhân ở cõi Tịnh độ làm sao phân biệt được sự khác nhau này; thời gian làm chuẩn ở đây ta biết lại khác thời gian các nơi khác ?

Đáp: Như khoảng thời gian trong một sát na (tích tắc) với thời gian lâu dài nhiều kiếp thì không thể xác định được, vì tiêu chuẩn không rõ ràng. Do đó một cách tổng quát gọi "nhứt thời". Sự kéo dài thời lượng kiếp số nói theo Duy Thức là do chấp mà có mau chậm không giống nhau hoặc tự khởi hoặc y tha khởi. Đó là do pháp vọng hay pháp chân, bình đẳng hay thánh lực nhờ sức gia trì nên có mau chậm, không nên phí sức đi tìm nghĩa chuẩn xác. Kinh điển gọi là Bạc Già Phạm. Trong phần thuật từ đây trở đi nói theo cách thứ ba là giáo chủ để tán thán bậc hơn người mà giáo pháp của Người cũng vượt trội hẳn. Giáo chủ mang tải hai nghĩa: trước chỉ tên sau ca ngợi cái đức. Nghĩa trước có tên là Bà Già Bà mà người đương thời gọi danh hiệu là đức Thế Tôn. Vì quan hệ nghĩa này nên không dịch, vả lại tiếng Tàu không có từ tương đương. Luận Du Già quyển 83 luận rằng: Phật thân nhiên ngồi tĩnh tọa nơi cõi Bồ đề vận dụng trừ diệt tất cả ma quân, đầy đủ đại trí lực nên gọi là Bạc Già Phạm. Kinh Phật Địa luận nghĩa Bạc Già Phạm căn cứ theo sáu nghĩa khác nhau: tự tại, oai đức, đoan nghiêm, xứng danh, kiết tường, bậc tôn quý. Phật đủ sáu nghĩa khác nhau như thế nên gọi chung là Bạc Già Phạm. - đây chỉ lướt ý từ Bạc Già là người mẫu mực đầy đủ các đức. Nói chung chư Phật đều đầy đủ các đức tính mẫu mực không thiếu nên Như Lai được gọi là Bạc Già Phạm có nghĩa là chư Phật vĩnh viễn không bị phiền não cấu thúc và được đại tự tại. Như mãnh hỏa cháy hết sức nhanh nên có nghĩa là xí thanh. Phật có đủ 32 tướng đại trượng phu để trang sức nên thân đoan nghiêm, đầy đủ công đức viên mãn không thể tính lường nên xưng danh, được thế gian mọi người thân cận xưng tán cúng dường là đại kiết tường, đầy đủ các đức thường thể hiện qua các phương tiện làm lợi ích an lạc mọi loài hữu tình không còn giải đãi trì trệ nên đầy đủ sự tôn quý, là người hay phá dẹp bốn loài ác ma nên gọi là Bạc Già Phạm. Bốn loài ác ma là: ma phiền não, ma ngũ âm, ma chết, ma thần tiên (Tự Tại thiên). Chúng phá khuấy thiện pháp loài hữu tình làm ngăn ngại sự tu hành nên gọi là ma. Tu hành được định liền phá trừ phiền não, ma chết, là sắp đạt tâm Kim Cang (bền chặt không lui sụt) và phá cho bằng được các loài thiên ma, đến khi đạt giải thoát liền phá trừ luôn ma ngũ âm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Luận về

tướng, tâm Kim Cang là dùng ngũ lực phá trừ ma phiền não, như Phật ngồi dưới cây Bồ đề phá diệt thiên ma, nhập đại định tới canh năm nhập Vô dư định phá sạch ma ngũ âm, còn lại ba tháng sau rốt phá dẹp hết tử ma (ma chết). Theo đúng nghĩa thật những gì làm não loạn Bồ tát tâm đều gọi là phiền não. Kim Cang tâm vĩnh vi-n phá trừ hai chướng là phiền não và nghiệp chướng. Hai chướng tiêu trừ là được giải thoát và phá diệt nốt hai thứ ma ngũ âm và tử ma. Đây chỉ đề cập hai loại ma: ma chết, ma thần tiên mà không luận về thiên ma. Nên nay căn cứ vào một nghĩa mà nói. Còn theo như thập tín của Bồ tát thì lúc Phật thành đạo mới phá diệt được thiên ma. Trong Thập trụ phần thứ sáu là hàng phục thiên ma trong đó hành giả vĩnh vi-n lià sanh tử ra khỏi ba cõi nên có thể hàng phục được thiên ma, như hàng sơ địa mới bề dẹp thiên ma. Kinh Phật Địa luận rằng: chứng bậc sơ địa trở lên dẹp trừ được bốn loài ác ma, tùy ý thủ hoặc xả, nên kẻ phá dẹp được bốn loài ma ấy gọi là Bạc Già Phạm.

Hỏi: Phật có đủ 10 hiệu, tại sao ở đầu các kinh Phật còn dạy ngài A Nan gọi là Bạc Già Phạm ?

Đáp: Đây là tiếng mà người đời tôn trọng Phật thường gọi và chúng ngoại đạo cũng xưng đức Bổn Sư là Bạc Già Phạm. Hơn thế, danh hiệu này bao hàm các đức tính mà các tên gọi khác không có. Vì thế ở đầu các kinh gọi là đức Bạc Già Phạm. Song các kinh, ở đầu đề, tên đức giáo chủ không giống nhau. Vả, như các bản tân dịch kinh Đại Thừa xưng tán công đức thì chư Phật trụ nơi pháp giới đạt được đại công đức trang nghiêm đứng về mặt giới tánh và pháp thân mà nói; như kinh Phật Địa nói: Phật là tối thắng chiếu diệu bảy báu trang nghiêm phước tướng. Nói rộng ra ta nên lập đại cung điện tôn trí đức Phật, bậc Đại Bảo Hoa Vương. Căn cứ báo thân nói về Tịnh Độ viên mãn điều thứ mười tám thì như ở đầu kinh này là nêu lên thật đức của Phật hơi khác các kinh khác. Phật ngự tại nội điện cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương hóa thân ra đời thuyết pháp. Song cõi pháp tánh chỉ có Phật nêu rõ đức Nghiêm Hoa Bồ Tát cùng ở cõi đó, cùng trong cõi Tịnh Độ không chỉ các vị Bồ tát mà kinh còn đề cập các chúng long thiên. Riêng đối với Kinh này chỉ nói cõi Tha Hóa Tự Tại cùng gồm các loài trong thập địa luôn cả các bậc đại Bồ tát; - đây nêu rõ một tính chất là chỗ thấy khác nhau. Kinh Kim Cang luận rằng, ứng hóa chẳng phải chân Phật cũng chẳng phải thuyết pháp. Thuyết pháp bất nhị giữa có-không, lià cả ngôn thuyết, đối qui về gốc lấy pháp thân làm thân, ngoài thân ấy không còn thân nào khác. Pháp thân là nói cả hai thuyết, phi thuyết thể đều y nghĩa tích tụ gọi chung là thân. Nói tổng quát pháp thân cũng dựa nơi thân là gốc chấp có hai thân nên khởi niệm thị phi cho rằng có thân thường hằng và thân hoại diệt. Hai thân là nói

có hai tức có tướng. Bát Nhã lấy pháp tánh làm tôn chỉ, tức quên phần tướng, nên nói là không thân. Hai thân đây cũng nương thân mà nói, vì muốn làm sáng danh nghĩa uyên áo của Đại Thừa chứng lý nhị không mới thấu triệt được nghĩa này. Cho nên mượn cõi vi diệu chuyển tải lời kinh thâm mật ở cõi pháp tánh dùng lời nói xung tán công đức kinh đại thừa. Đúng lý chân Tịnh độ là cõi trang nghiêm cực đẹp mà không là cõi pháp tánh. Cõi pháp tánh không thân, không thuyết Bồ tát do đâu có thấy nghe? Vì muốn hiển bày chánh trí chứng ngộ chân không là cõi pháp tánh. Sau khi đạt hậu đắc trí phát khởi lòng bi hóa độ nên ở cõi Tịnh độ cũng không hề trái nhau. Chúng long, thiên và tám bộ chúng được hóa độ như Kinh Phật Địa nêu rõ 18 tướng viên mãn cõi Tịnh độ. Như Lai thật đức chứng năm pháp mượn Tịnh độ thuyết minh để hiển bày áo nghĩa Kinh mà hàng Bồ tát đại trí li-u ngộ cũng từ cõi pháp tánh. Chúng long, thiên nghe pháp đều được độ thoát mà trí Bát Nhã là pháp dùng để quán chiếu thật tướng. Chư Bồ tát, chư Phật đều quên tướng là chính, vì các ngài đồng cư cõi pháp tánh mà hiện thân trong cõi Tịnh độ. Song Phật thể hiện tâm từ bi rộng lớn qua báo thân ra đời thuyết pháp hóa độ chúng sanh mà kỳ thật người nghe pháp cũng phải khác hơn người xung tán thật tướng đức Phật trong việc hóa độ, ý này sau đây sẽ nói rõ hơn. Gọi Bạc Già Phạm là tùy chỗ ứng hiện ba thân ra đời thuyết pháp, chúng đệ tử thấy có ba cõi, song chỉ nêu rõ cái đức của báo thân. Nhưng kinh văn không thấy đề cập cõi cho báo thân riêng biệt. Do ý đây mà rõ được Phật đức, để biết rõ cõi Phật. Từ đây trở đi Bạc Già Phạm là chỉ đức riêng của Phật, tức là nơi trụ của báo thân, là thân ra đời hóa độ, thân vượt thường hiện ra nói pháp vi diệu, để hóa độ hiển bày kinh thâm áo, là muốn thể hiện từ bi trong sự nghiệp tu hành nên không phải thân cõi pháp tánh.

Kinh nói:

- Thứ nhất: bậc trọn lành thành tựu Như Lai Kim Cang trụ trì bình đẳng tánh trí, có đầy đủ công đức hy hữu không ai bằng.
- Thứ hai: đạt được pháp quán đánh Như Lai (mảo báu) vượt hơn ba cõi.
- Thứ ba: khéo thành tựu Như Lai trí Kim Cang đại quán tự tại.
- Thứ tư: đạt được viên mãn Như Lai quyết định các pháp đại trí ẩn.
- Thứ năm: chứng Như Lai thành tựu rốt ráo vắng lặng bình đẳng tánh ẩn.

- Thứ sáu: đối với sự nghiệp năng tác sở tác đều khéo léo thành tựu không thiếu.
- Thứ bảy: tất cả mọi loài hữu tình có mong cầu chi tùy theo chỗ vô tội đều được mãn nguyện cả.
- Thứ tám: khéo an trụ ba đời bình đẳng quảng đại biến chiếu thường, không, đoạn, diệt.
- Thứ chín là thân, miệng, ý như Kim Cang sánh với chư Phật không động, không giao.

Chín câu nêu trên là để tán thán công đức Như Lai. Y cứ các kinh luận tóm lược có ba cách giải thích như sau:

- Một, y cứ Kinh này giải thích thì câu 1 tán dương chung đức Phật gồm đủ các đức tướng. Tám câu còn lại tán thán riêng từng đức tánh. Qua phần chánh tôn sau đây phân thành 14 đoạn tán dương 14 đức tướng của đức Thế Tôn. Câu đầu nêu lên đức tướng tổng quát, các câu khác nêu riêng từng công đức Kim Cang trụ trì bình đẳng tánh trí cho đến hết câu hai, ca ngợi đức quán đảnh Như Lai bảo quan vượt hơn ba cõi, tức trong 14 đoạn là đoạn thứ ba. Ngăn dứt các điều ác là pháp cao tột hơn cả, là pháp thứ năm hiển bày pháp môn trí vương quán đảnh, cho đến sau rốt là một đức tướng hai pháp môn mà trong đó chứa nhóm không biết bao nhiêu món công đức hy hữu. Nói chung, bảy câu kế tiếp là nêu lên công đức vượt thắng của Phật. Mười hai đoạn khác nói riêng các pháp môn nên không thể liệt kê ra đầy đủ ở đây được. Đó là lược nơi phần giải thích tổng quát, còn đi vào chi tiết phần giải thích riêng như sau: diệu là công đức vi tế; thiện (khéo léo) trừ Phật không ai có thể thấu đạt được. Người trong đạo còn chưa hiểu rõ là diệu, ngoại đạo cũng không hay biết là thiện. Lại nữa, trí sâu khôn dò là diệu, phước mỏng khó soi là thiện. Nói thành tựu là người tự tại việc đời, là mọi việc đã đạt đến viên mãn rất ráo. Tất cả Như Lai là nói chung cái thật đức của chư Phật. Phật đức do đây mà thành tựu bậc đáng tôn là chân thật đức. Tiếng Phạn là Dao Tha Yết Đa, trước đây dịch là Đa Đà A Gia Độ. Trung Hoa gọi là Như Lai. Kinh Bồ tát Địa nói rằng: không hư vọng là Như Lai. Kinh Niết Bàn giải: quá khứ Phật thuyết khế kinh đến hiện tại không thay đổi là Như; từ trí Ba La Mật đến 37 phẩm, 11 pháp không đến Niết bàn gọi là Lai. Ý này thuyết minh: chư Phật thuyết pháp mau, tu vạn hạnh, chứng Niết bàn nên nói không hư, chính đó là nghĩa Như Lai vậy.

Có thể nói không hư là khéo nói lời chân thật cho đến khi thành Phật nên gọi Như Lai. Luận Du Già nói: trong 10 Phật hiệu, hiệu đầu (Như Lai) là tiếng gọi chung. - nơi sanh tử thực hành diệu hạnh đến khi thành Phật gọi là Tô Yết Đa. Còn hiệu Thiện Thế, xưa dịch là Tu Già Đà, bậc trụ Niết bàn mà thành Phật gọi là Như Lai. Yết Đa có nghĩa là đi đến, như nói "mật đa" có nghĩa là lia đến. - đây cũng vậy, Kim Cang là dụ, bình đẳng tánh trí có thể trừ diệt chúng ác, hàng phục phiền não, vượt hơn hết thảy nên gọi là Kim Cương. Chất Kim Cương tánh hay phá hủy vậy. Nói trụ trì là khi đạt đến Pháp Vương (Phật) có thể làm chủ ba cõi. Thế gian đạt được pháp thù thắng là do trí Kim Cang này làm chủ khiến không hoại diệt gọi là trụ, giúp cho mọi việc sanh trưởng là trì. Trí bình đẳng đây bao hàm luôn trí tạng, phước trí đều do đây làm nhân, vì thế nên gọi là trụ trì. Các công đức chư Phật đoạn diệt mọi xấu ác, là trụ trì Kim Cang vậy. Đây là diệu dụng của bình đẳng tánh trí. Trong thì giữ gìn, ngoài thì phá hủy. Bình đẳng tánh trí đây không nằm trong bình đẳng tánh trí thứ hai của tứ trí, mà là trí rốt ráo vắng lặng bình đẳng pháp tánh nên gọi là bình đẳng tánh trí, tức là trí vô phân biệt, trí đoạn mê lầm mà không ngăn cách đạo. Trí Kim Cang là chánh trí trong Diệu Quan Sát trí. Cũng như trụ trì được gốc chúng đức là nền tảng của việc phá diệt (ác). Trí này là đại viên cảnh trong bình đẳng tánh trí, có thể phá hủy chấp trước sanh tử, Niết bàn, trụ trong vô sở trụ, là thức thứ bảy đã trở thành bình đẳng tánh trí. Có thể phá hủy câu chấp nhị thừa tất cả mọi phiền não, an trú nơi công đức từ bi, lợi tha, là thành sở tác trí. Nay lấy nghĩa chính trong các trí theo chỗ thể chúng tánh bình đẳng mới có thể phá trừ niệm phân biệt và nhị chương. Gốc của các đức gọi là Kim Cang trụ trì bình đẳng tánh trí. Chư Bồ tát cần được mào báu ở quán đánh vị, đạt tới vô lậu lia ba cõi hoàn toàn trí vô phân biệt. Từ trước tới đây đã nói công đức thứ nhất của Phật, những đức tánh khác có nhiều tên gọi mà từ trước chưa có được nên gọi là hy hữu. Chỉ có Phật thành tựu được nên gọi là thù thắng. Phải dồn năng lực tu tập mới đạt thành nên gọi là công đức. Đức đây bao hàm cái thấp bé, thấp bé tự biết. Câu thứ hai nói rằng "hay đạt được pháp quán đánh Như Lai quý hơn ba cõi", là công đức thứ ba điều phục điều ác, pháp môn này vượt trội hơn hết. Công đức thứ năm hiển bày pháp quán đánh trí tạng. Có thể giải thích rõ như sau: nếu lấy pháp quán đánh thế gian thì triển thì đạt quả vị quán đánh xuất thế gian. Giòng Sát Đê Lợi bên Tây Vực (Ấn Độ) thái tử sắp lên ngôi đế vương, trước hết phải thỉnh các vị danh sư Bà la môn tới làm l-quán đánh cỡi voi đi ngàn dặm, dùng nước trong bốn biển; lấy cỏ kiết tường nhúng vào nước biển rảy lên đỉnh đầu thái tử để được thanh khiết. Làm như vậy là đại an lành khiến tứ phương quy phục, sau đó thái tử nhận vương vị. Theo kinh cữ dịch thì gọi nước Sát Lợi nhi-u giọt trên đầu vua. Nay kinh tân dịch nói giòng Sát Đê Lợi làm l-quán đánh tân vương. Thân của vua hẳn

là giòng Sát Đế Lợi, thỉnh các vị Bà la môn làm thầy làm 1- quán đánh trên đầu vua. Bà la môn là chủng tộc tu hành giữ giới thanh tịnh nên giòng Sát Đế Lợi thỉnh làm 1- quán đánh trên đầu vị tân vương. Đây là một tập tục theo nghi thức thọ pháp của Pháp Vương (Phật), cũng gọi là địa thứ 10 của hàng Thập địa Bồ tát cứu cánh sanh cung trời Đại tự Tại thuộc sắc giới, giữa đài liên hoa nhập Kim Cang định thọ ngôi vị Phật. Hơn nữa các vị Bồ tát là hàng chúng trung tôn, là trưởng tử của Phật, là thái tử. Mười phương chư Phật là thầy các vị Bồ tát. Bồ tát trợ thủ chư Phật làm cánh tay mặt lấy nước pháp thanh tịnh ba đời chư Phật rưới lên đầu vị quốc vương vì đánh là giữa đầu, đầu là phần cao khiết nhất để tẩy trừ hai chướng từ đời vô thủy tới nay bị bao nhiêu cấu uế, hữu lậu ô nhiễm, biến thành thanh tịnh vô lậu tinh khiết để ngôi vị pháp vương thù thắng. Cũng như ở đời thái tử đã làm 1- quán đánh mới thọ nhận vương vị, đội mũ vua, mặc triều phục, ngồi vào cung vua. Thái tử trong Phật pháp cũng thế, phải thọ pháp của Pháp Vương mới đội mũ Phật gọi là nhứt thiết trí hay nhứt thiết chủng trí, là nơi giữ gìn tâm Phật, tức quán chiếu bằng trí tuệ Bát Nhã. Đây mới thật là công đức pháp bảo trân quý. Trong bảy món thánh tài gọi là huệ tài, cho nên mũ này chính là mũ báu vậy. Pháp y công đức chư Phật hai đời là chiếc y của tâm quý, nhu hòa, nhẫn nhục. Mũ trí huệ này là đại trí tạng nên mọi thiện pháp nhân trí đây phát sanh. Mười phương chư Phật nhất loạt đều đắp mặc y phục, đội mũ như thế. Ác hữu trong vô thủy lấy nước phiền não rưới lên đỉnh đầu, trong kiếp sanh tử tâm là đầu mối chứa mầm ngu si xấu ác. Sanh tử chứa chấp vô tâm vô quý, can cường các lớp sơn ngũ nghịch, sân giận, bần dơ, hãnh được tiêu trừ, vĩnh viễn xa lìa, hoàn toàn không rơi vào lao ngục ba cõi, nên gọi là hàng phục chúng ác, pháp môn tối thắng hay cũng gọi là pháp môn quán đánh trí tạng. Do thế bậc tam giới chủ (Phật) thoát ra khỏi mọi ràng buộc sanh tử hữu lậu ngoài ba cõi. Vô lậu cũng gọi là biến khắp. Kinh còn giải thích rằng: như thực hành pháp quán đánh thế gian thì hiện đời được quả vị pháp vương xuất thế về sau. Câu ba nói biến trí Kim Cang đại quán tự tại mà trong 14 đoạn thuộc đoạn thứ 12 là khắp mọi loài chúng sanh trụ trì pháp môn biến mãn thắng tạng. Vì Phật chứng được đầy đủ Như Lai tạng. Bồ tát Phổ Hiền tự thể có nghĩa biến khắp là chứng Như Lai tạng biến khắp hết mọi loài hữu tình. Đây nói về trí chúng tức là trí Kim Cang biến khắp diệt sạch sanh tử, tất cả phiền não chướng. Sau đó dùng tâm bi quán sát thân, miệng, tâm, hạnh chúng sanh để tận diệt sạch phiền não rồi tùy thời mà ứng hiện, chúng hữu tình đều có trí Kim Cang tạng này. Dùng Kim Cang tạng làm phép rưới rảy gọi là chánh pháp tạng. Mọi việc do từ chánh ngữ chuyên nên đều thành tịnh nghiệp (nghiệp thanh tịnh) và hết thấy sự nghiệp về sau đều nhờ lực gia trì này mà thành tựu. Do quán sát loài hữu tình khởi ba thiện nghiệp nên gọi là quán tự tại. Người trong lúc làm 1- như món pháp khí lợi

lạc không mất thời gian nơi chốn, nên gọi là đại quán tự tại. - nước Qui Tu có vị thánh tỳ kheo ni đã hóa hiện phép đại quán tự tại vậy. Câu thứ tư nói rằng: quyết định chư pháp đại diệu trí ấn, trong 14 đoạn là phần thứ hai về pháp tánh tịch tịnh Bát Nhã lý thú thuộc Đẳng giác. Nói chung tất cả pháp không ngoài hai pháp: một là trí, hai là cảnh. Trí là trí Kim Cang, cảnh nói chung là mọi pháp. Cũng có thể nói có hai pháp: một là năng tác, hai là sở tác. Năng tác có thể là pháp, sở tác là nghĩa. Nay nói rõ đức Thế Tôn có hai pháp, trong hai pháp này chắc chắn phải hiểu rõ không hề nghi. Năng trí là trí tức là đại diệu trí ấn. Trí ấn có hai loại hay hai pháp. Lià hẳn các lưới nghi không phải phàm phu ngu mê lường được nên là diệu; dùng thần lực cũng khó nghĩ lường được nên là đại; trí ấn này quán sát các pháp không còn nghi ngờ nữa. Câu thứ năm nói rằng tất cả chư Phật rốt ráo vắng lặng bình đẳng tánh ấn, là pháp thứ năm trong 14 đoạn. Một, tất cả các pháp thậm thâm vi diệu là pháp môn thanh tịnh. Bốn, bình đẳng trí là pháp thanh tịnh. Bảy, lià các hý luận là pháp chuyển từ tâm. Tám, nhập cỗ xe lớn là pháp tánh bình đẳng, mười một: tánh bình đẳng là pháp tánh cao tột nhất mà trước đây do bao nhiêu vọng tưởng, cố chấp tác thành, nay vĩnh viễn xa lià vọng tưởng, cố chấp. Câu chấp không còn thì chỗ chúng ngộ hiển lộ, vọng tưởng tiêu diệt nên tâm được thanh tịnh. Mọi vọng tưởng hoàn toàn dứt sạch thì cho dù nhập hay xuất thế, các pháp nhi-m hoặc tịnh cũng đều vắng lặng. Thế tánh của vắng lặng là chân như, có nghĩa là tất cả các pháp tánh bình đẳng. Điều này chắc chắn có cùng khắp các pháp nên gọi "ấn" là vậy. Phật đã đạt được pháp này, hoàn toàn viên mãn nên nói khéo chúng ngộ. Song Trung Biên Luận giải thích 20 tánh không trong đó rất ráo là không và rằng: vì muốn làm lợi ích mọi loài chúng sanh nên quán không hoàn toàn là không. Theo ý này có thể giải thích: vì chúng hữu tình nên quán riêng không hoặc quán hữu, là vì chúng sanh thấy không. Sự quán sát này của chúng hữu tình hoàn toàn không đạt tới cứu cánh nên quán không rốt cuộc hoàn không. Cái không đây hoàn toàn vắng lặng mà chúng sanh thấy giống nhau nơi các pháp. Đó là giữa pháp, người tánh bình đẳng thì biết chắc rằng các pháp hoàn toàn là không. Do biên kế chấp hoặc do chấp lý nhị không là hoàn toàn rỗng không. Đây lược giải câu một tất cả pháp thậm thâm vi diệu là nghĩa yếu của pháp thanh tịnh. Ngoài ra, bốn pháp môn khác đều có giải thích đầy đủ. Đây sợ rườm rà nên không giải thích thêm. Câu thứ sáu giải rằng, đối với việc năng tác, sở tác đều khéo hoàn thiện đầy đủ. Thứ 10: khéo điều phục là hiển lộ đức tánh trí tạng. Người điều phục được sân, giận, phiền nhi-u, lỗi quấy v.v... chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể điều phục chúng. Phật cũng có thể điều phục phiền nhi-u, sai quấy cho chúng sanh tùy theo mỗi trường hợp thiện ác lớn nhỏ ra sao và bị cấu nhi-m thế nào. Phật khéo léo điều phục tất cả, hoàn toàn được là do trí này và thấy đều dứt sạch không còn sót thừa.

Đức Thế Tôn tự chiết phục điều phục xấu ác, hoàn toàn viên mãn và Ngài còn điều phục xấu ác, cầu nhi-m cho chúng sanh làm cho tất cả đạt được giác ngộ Phật quả. Nên gọi đây là khéo hoàn thiện đầy đủ không còn dư sót thừa. Chỉ khi nào dứt hết được cầu nhi-m mới có thể đầy đủ cách khéo hoàn tất những việc khác, nên nói là khéo hoàn tất không còn thừa. Người đủ trí tuệ khôn khéo mới làm nên sự nghiệp. Như chế ngự được cơn nóng giận chẳng hạn cũng gọi là làm nên sự nghiệp. Hơn thế nữa, người trí tuệ biết khéo léo làm việc, tức biết giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý xa lìa cầu nhi-m, là đã hoàn tất việc làm. Đây là tán thán đức Phật có đầy đủ trí phương tiện khéo điều phục sân giận giữa mình và kẻ khác một cách hoàn toàn không thiếu sót. Câu 7 giải rằng: hết thảy mọi chúng sanh có những mong cầu chi theo chỗ vô tội của chúng mà đều được mãn nguyện tất cả. Câu thứ 14 nói về lý thú thậm thâm là pháp tối thắng hơn cả mà đức Thế Tôn đầy đủ trí Bát Nhã Ba La Mật khéo phương tiện lập nên trí thù thắng này. Cũng khéo hoàn thành tất cả sự nghiệp thanh tịnh làm cho mọi loài được thanh tịnh. Vả lại, tánh tham đã được chế ngự mỗi thời mỗi lúc cho đến các loài hữu tình khiến tự chúng đều được thanh tịnh. Khi lòng tham lớn đã được trong sạch thì được đại lạc, đại tài. Vào ra ba cõi một cách vững bền tự tại làm lợi ích chúng sanh dùng ngôn từ mật ngữ di-n chú Đà La Ni này cho tất cả. Người nào thọ trì chú Đà La Ni này mọi chướng đều tiêu tan, tùy theo sở cầu đều được như nguyện. Cho đến vì người nói rộng làm cho họ xa lìa phiền não, ác nghiệp, lập nguyện nhập thế, xuất thế, đời này hoặc đời sau, do vô tội báo nên thảy đều được mãn nguyện. Nếu như dấy khởi phiền não ác nghiệp gây nên tội lỗi, và như thế là các nguyện không thể thành tựu. Nên biết đức Thế Tôn không đoạt nguyện của chúng hữu tình, song mọi nguyện vọng không thành tựu là đều do chúng tạo tác cả. Điều cần yếu là phải vô tội, nếu như dấy khởi phiền não và ác nghiệp thì cho dù có chí thành khẩn thiết vẫn không định, nguyện vẫn bất thành. Lòng trong sáng như ngọc như ý phát thiện nguyện thì ắt mọi việc đều được thành tựu.

Câu tám giải rằng: khéo an trú bình đẳng trong ba đời là người tồn tại mãi danh đồn khắp nơi. Đoạn 13 trong số 14 đoạn nói về lý rốt ráo vô tận pháp Kim Cang. Đây là nói chung về Bát Nhã Ba La Mật Đa. Thế hoặc dụng, rộng hoặc sâu đều không khác chỗ rốt ráo tốt cùng. Vì thế chư Phật từ vô thủy trở lại chỉ có mỗi một vị là rốt ráo (giải thoát), là quán chiếu Bát Nhã, thế-dụng-sâu-rộng vô cùng tận. Trí Bát Nhã năng biến khắp nên không ngần mé. Vì không dứt đoạn nên nói chỉ một vị, vì không cùng tận nên nói là hơn hết. Cho nên quán chiếu trí Bát Nhã thâm diệu biết được ba đời; biết quá khứ, vị lai cũng như biết được hiện tại nên gọi là bình đẳng. Hơn nữa quán chiếu tới tận cùng vô biên không ngần mé cũng chỉ một vị là rốt ráo. Cũng như quán

sát ba đời sự hoặc lý mỗi mỗi phân minh hiểu rõ thông suốt nên gọi là bình đẳng; lý của pháp cùng một tướng cũng gọi là bình đẳng. Dù lý hay sự đều thông suốt cả nên bình đẳng cộng thông cả lý và sự. Tác dụng của trí Bát Nhã là biến chiếu cùng khắp sâu rộng thường hằng không gián đoạn. Người nào khéo an trú nơi trí này có thể quán chiếu tới chỗ thâm diệu hiểu rõ tam tế (quá khứ, hiện tại, vị lai) gọi là khéo an trú. Trong lý-sự đều không tán loạn nên nói là khéo an trú. Trong mọi lúc trí Bát Nhã biến chiếu cùng khắp là ý này vậy. Câu 9 giải thích: thân-miệng-ý bền chắc như kim cương nên chư Phật như như bất hoại, như đoạn 6 trong 14 đoạn nói về trí ấn Kim Cang của Phật. Đoạn 9 nói về chân pháp cúng dường là pháp vô thượng bậc nhất. Đức Phật hàm thâm tất cả Như Lai Kim Cang thân ấn nên chứng được pháp thân chư Phật mới thâm nhiếp được ngũ ấn Kim Cang của chư Phật. Đối với các pháp chuyển hóa tự tại mới thâm nhiếp tâm ấn Kim Cang của chư Phật. Trong các phép định đều được tự tại, thâm nhiếp được trí ấn Kim Cang của chư Phật mới đạt đến vô thượng diệu thân, miệng, ý bền chắc như kim cương, như như bất động, không bị hủy hoại, không bị phiền não làm khuynh đảo, cũng không bị ngoại đạo, ma vương phá quấy, làm cho ba nghiệp hành giả lảng sạch. Dùng ba nghiệp Phật trí làm tiên đạo để xa lánh tội lỗi. Không gì có thể xâm phạm làm cho tội lỗi khởi lên, nên nói là như như bất động. Người đạt đến như như bất động sánh với chư Phật không khác, nên nói so sánh với. So sánh chư Phật như trước đã nói là tất cả diệu nghĩa của Như Lai, như như bất động như chất kim cương đây vượt thắng luôn cả ba nghiệp. Do đời trước gieo nhân lành đúng pháp ba nghiệp cúng dường chư Phật. Vì nhân cúng dường đến khi đạt được quả là thành Phật. Chân thật cúng dường ắt được thiện báo, nên nói là như như bất động. Như ba nghiệp đây không do ngoại đạo hoặc ác hữu tạo, thì dù thiên ma hay bạn bè xấu của chúng cũng không phá quấy được. Do bền rắn như kim cương hay phá diệt sanh tử trong đó có ba nghiệp. Tánh của ba nghiệp cũng là thể của chúng, không có nghĩa nào khác. Trong đoạn 9 này nêu rõ công đức của Phật. Nay tán dương Phật đức là muốn chúng sanh biết chư Phật đầy đủ các đức tướng để phát tâm tôn trọng kính ngưỡng thọ nhận lời Phật. Dạy hoặc nghe kinh này phát tâm Bồ đề đồng mãnh mong cầu chứng quả; hoặc nêu các đức tướng của Phật là hơn hết không ai bằng. Vì thế, nên nói lý thú vi diệu rất là thù thắng ta có thể nương theo đó tu học. Đoạn 2 còn giải thích: căn cứ vào các kinh nói thì Phật có đầy đủ 21 đức, có giải riêng phần này trong đoạn 9. Kinh văn có nêu: Kim Cang trụ trì bình đẳng tánh trí là nói Phật hiện thân bất nhị nhất hướng tới công đức thù thắng không chướng ngại và nêu rõ chỗ Phật đạt được đến tánh bình đẳng, được Phật tướng đồng nhất trong sự tu hành là công đức hơn hết. Trong câu này đã nêu lên được cả hai đức tướng, vì đức Thế Tôn lia sanh tử mà hiện trong phàm phu đủ mọi tạp

nhi-m chấp trước của sanh tử. Người lia nhị thừa hưởng Niết bàn đạt đến một phương nhắm tới lợi lạc tha nhân, là còn trụ bám vào Niết bàn. Đức Phật không còn hai chướng hiện hữu Niết bàn nên gọi không còn hai món hiện hành. Bi và trí tròn đủ đối trong sanh tử hay Niết bàn đều không trụ nên gọi là bình đẳng. Hành giả phá trừ được hai chướng này có thể ví như kim cương. Trụ nơi vô sở trụ nên không trụ Niết bàn, vì thế gọi là trụ trì. Giữ giữ bi và trí nên sớm đạt được tánh bình đẳng của chư Phật so với lý sở chứng, trí năng chứng để thân, nghiệp, ý hạnh bi bình đẳng. Do tâm bình đẳng này hay phá trừ sanh tử gọi là Kim Cang bình đẳng, căn cứ việc năng duy trì chúng đức nên gọi là trụ trì. Nay chỉ nêu lên một việc duy trì này so sánh với rất nhiều công đức khác nên nói mỗi một công đức thù thắng. Câu 2 trong Kinh giải rằng 1- quán đánh lên chiếc mào báu vượt ngoài ba cõi để nói rõ Phật đủ ba đức. Một là chư Bồ tát cầu mong đạt được chánh trí, hai là cực cùng ở cõi pháp giới, ba là việc làm vô ngại. Trong câu này phần đầu nói muốn thành tựu Phật chủng thì không thể bỏ pháp phương tiện, là công đức thù thắng hơn cả. Nghĩa là chư Bồ tát vì muốn Phật chủng không đoạn diệt nên chuyên cần tu tập gia hạnh, không thể sánh với hàng nhị thừa. Vì thế, Phật trí chỉ có chư Bồ tát mới thành tựu. Do ý nghĩa này, phép quán đánh vương tử lúc lên ngôi thuộc địa thứ mười trong thập địa. Đội mào báu của Phật, đứng vào chỗ đứng của Phật chẳng phải hàng nhị thừa có thể kham được, là khiến chúng sanh cầu nghe được Kinh Bát Nhã thâm thâm vi diệu để đạt được giác ngộ, cũng như để kế thừa ngôi vị pháp vương. Vì thế, nếu bị các chướng ngăn chận chúng sanh không thể tu học Kinh Kim Cang Bát Nhã được, tức là đã đoạn mất giống Phật. Đoạn thứ 2 nói về công đức thù thắng quả chứng đắc, là đạt đến pháp giới cùng cực thanh tịnh. Quả tu chứng cõi tịnh pháp giới này quán chiếu tâm hiện tiền, dù cho đỉnh đầu có thể đội mào báu. Mào báu là đồ trang sức trên đầu. Pháp giới là nền tảng công đức nên dụ cho mào báu. Câu 3 giải thích: hàng phục ma oán là công đức vượt hơn cả. Vì thế, hành giả cõi sắc trở lên bị cảnh làm tâm nhi-u loạn chướng ngăn thiện pháp nên gọi ma oán là vậy. Chư Phật tâm khéo trụ nên cảnh hoàn toàn an lạc tự tại không còn dấy động, nên được công đức tối thiện hoàn toàn. Tất cả mọi điều ác không tác dụng mới chế phục được cảnh. Mọi việc làm đều được thông suốt không bị trở ngại hẳn xa lìa điều ác cho đến khi thành Phật siêu xuất ba cõi. Câu 2 để tán dương đức Thế Tôn, trước chưa thành tựu nay hợp thời mới thành tựu nên gọi là hoạch (đạt được). Câu 3 giải thích: trí Kim Cang biến khắp đại quán tự tại ẩn, là ba công đức của Phật: một là pháp bất khả chuyển, hai là trụ chỗ Phật trụ, ba là các hạnh hoàn toàn giác ngộ. Câu 1 nói rằng hàng phục ngoại đạo là công đức hơn cả có nghĩa là Phật dùng chánh pháp hàng phục ngoại đạo không thoái chuyển. Để hàng phục ngoại đạo Phật đã chứng tỏ đạo mình chân chánh. Phật thành tựu trí

Kim Cang biến chiếu nói pháp vi diệu hàng phục chúng ngoại đạo. Hơn nữa, do thành tựu trí tuệ rộng lớn Phật đủ khả năng thuyết pháp mâu độ chúng ngoại đạo. Cho nên dùng trí đây dụ cho sự cứng rắn của kim cương. Nói trí biến khắp là trí hiểu rõ tường tận các pháp vậy. Câu 2 nói quán xét nơi hóa sanh là công đức thù thắng. Vì đêm ngày 6 thời đem lòng đại bi quán sát mọi sự thế gian. Câu 3 nói rằng nương nơi các thừa hóa độ chúng sanh. Phật tùy trường hợp ứng hiện là công đức tự thân thù thắng. Phật biết rõ tâm tánh chúng sanh không đồng nên theo đó hiện thân nói pháp, gọi là đại quán tự tại. Quán tâm chúng sanh sai biệt bất đồng để tùy loại mà hiện thân. Do đây có thể nói Phật tùy cơ ứng hiện. Điều này chứng tỏ rằng Phật đầy đủ trí quán chiếu khắp mọi loài. Vả lại, câu 1 nói: trí Kim Cang biến khắp là công đức thứ hai mươi một. Nói tóm lại là trí giác thanh tịnh tuyệt vời. Đối với pháp hữu vi, vô vi phải xem là cảnh giải thoát để khai mở tuệ giác. Thanh tịnh viên mãn chính là cửa ngõ tuệ giác. Ngoài ra, đối với tâm tánh biết rõ tâm chúng sanh là khai mở tuệ giác nên gọi là trí Kim Cang biến chiếu c?g khắp. Trong hai công đức đây, nay nêu lên một tròn đủ gọi là "đắc". Câu 4 giải thích quyết định các pháp là đại diệu trí ẩn. Trí đây hàng thập địa đã đạt được. Bây giờ nêu lên hai loại công đức viên mãn: một là đối với các pháp trí biết không còn bị ngăn ngại, hai là với các pháp trí không còn nghi ngờ. Trong câu này giải nghĩa: đoạn tất cả nghi là công đức thù thắng tức là đối với các pháp hần trí đã đoạn dứt hết mọi nghi ngờ. Cho nên câu 2 nói khéo đạt được như thiết trí, tùy theo hoàn cảnh đem giáo pháp dạy chúng là công đức thù thắng. Có nghĩa là đối với các pháp không còn nghi ngờ, tận lực tùy theo hoàn cảnh dạy dỗ họ, thì chỉ có đức nên Thế Tôn chứng ngộ được pháp mà thôi. Dùng trí hay khéo quyết định tùy trường hợp dạy dỗ không lay chuyển, không bỏ phước cho nên nói đối với các pháp nào chưa quyết định dứt khoát về lý thì không thể được. Vả lại đã hiểu ba pháp ẩn: chư hành vô thường, Niết bàn tịch tịnh, các pháp vô ngã, là đã phân biệt rõ các pháp ẩn cùng khắp. Ba chân lý nhiệm mầu này quyết định được các pháp nên gọi là ẩn (chứng biết) vậy. Phật đạt đến trí này gọi là trí ẩn. Câu 5 giải: rất ráo vắng lặng bình đẳng tánh ẩn là nêu lên hai đức: Một: Phật vô nhị đạt Niết bàn tối thắng; hai: chúng cảnh Phật bình đẳng không thiên lệch hai bên. Câu trên nói tự chứng ngộ là công đức thù thắng. Phật không phân hai tức pháp thân chân như đã chứng tướng vô sai biệt. - đó hai tướng phân biệt không còn hiện tiền mà do pháp định thường tại, nên gọi là trụ, tức không trụ hai bên thì đạt đến giác ngộ. Phật đạt đến cùng nên gọi là đắc. Pháp thân chư Phật có tánh bình đẳng đã trừ được hai ngã quán, hai ngã không mới chứng ngộ viên mãn. Câu 6 nói: chúng được chân như là công đức thù thắng, có nghĩa rằng tướng chân như xa lìa hần hai bên hữu vi, vô vi, cũng như lìa luôn cả mọi phương, xứ, vì cảnh giới Phật bình đẳng. Tánh bình đẳng châu

biến khắp các pháp không còn nhi-m. Chân như ẩn đây đối với các pháp hoàn toàn là không. Chứng như vậy mới ngộ được Phật là chỗ chứng viên mãn. Câu 6 giải thích: đối với mọi việc năng tác hay sở tác đều khéo thành tựu không còn thừa sót. Điều này nêu rõ hai loại công đức của Phật: một là thân Phật lưu biến khắp mọi cõi, hai là các cõi Phật thành lập không thể nghĩ bàn được. Câu trên nói Phật hiện từ cung trời Đâu Suất Đà đến là công đức thù thắng. Nghĩa là Phật hóa hiện thân khắp cùng ở mọi thế giới, đại châu và đồng thời Ngài cũng nhập vào thai mẹ. Đây là 8 tướng thành đạo của Phật. Điều này nói lên rằng đức Phật thành tựu được sự nghiệp là nhờ biết khéo léo. Hóa thân cũng như báo thân đều do nơi sự ứng hóa hiện lý giống nhau. Câu sau nói: thành lập giáo pháp để giáo hóa là công đức thù thắng, nghĩa là Phật thiết lập giáo pháp dạy đạo ngoài sự nghĩ suy của các cảnh giới. Vì thế nên gọi chỗ làm nên sự nghiệp đều hay khéo. Nhân tu ba kiếp làm người, hiện đời thành Phật thuyết pháp đem lại đại lợi lạc, công việc được viên mãn trọn vẹn nên gọi là thành tựu khéo không còn dư thừa. Câu 7 giải thích: tất cả các loài hữu tình mong cầu chi theo chỗ vô tội đều được mãn nguyện. Điều này nêu rõ hai đức tánh của Phật: một là đạt được vô tướng pháp, hai là tướng liên tục không gián đoạn. Như Lai giải thoát đạt được diệu trí viên mãn. Câu này hàm ý rằng Phật đã điều phục là công đức phương tiện thù thắng. Vô tướng là Niết bàn. Phật biết rõ chúng sanh của ba thừa nên Ngài kham nhẫn phương tiện giáo hóa. Vì chúng sanh nói sự thật khiến chúng ngộ được Vô tướng pháp. Ý nói: tất cả hữu tình muốn cầu ra khỏi sanh tử đạt đến Niết bàn. Hàng tam thừa nguyện lực thâm thiết do vô tội đạt được Phật quả viên mãn. Câu sau nói: Phật hiện thân ra đời là công đức thù thắng, có nghĩa là Phật thọ thân không bị gián đoạn. Các đức Phật thọ thân mỗi vị thân tướng khác nhau. Phật đầy đủ diệu trí khiến chúng sanh được giải thoát. Nói Như Lai giải thoát bậc trí tuệ siêu việt, vì Phật trí đã được viên mãn rất ráo. Trí tuệ này của Phật không bị gián đoạn. Nơi cõi Tịnh Độ Phật hiện thọ dụng thân cũng không gián đoạn. Giữa những cuộc tập hội đông đảo Phật hiện nhiều thân để cùng chư Bồ tát thọ được pháp lạc, đều liên tục không xen tạp. Phật dùng trí mầu hiện thân đạt đến rất ráo. Ý đây nhằm nêu rõ trí của Phật và sự hiện thân của Ngài đều được viên mãn. Tùy theo chúng sanh hoàn toàn vô tội với sở thích, mong mỏi Phật hiện pháp khéo cứu độ họ xa lìa sanh tử được toàn thành sở nguyện. Câu 8 giải thích: khéo an trụ bình đẳng trong ba đời biết rõ pháp thường, đoạn, pháp vô thật rất ráo, phổ biến cùng khắp. Việc này nêu rõ ba loại công đức của Thế Tôn: một là qua lại ba đời tự tại an nhiên, hai là tánh biến khắp cùng hư không, ba là đến cùng tận vị lai. Câu trên nêu rõ công đức thù thắng ba đời, nghĩa là nhìn việc hiện tại để biết qua việc quá khứ, vị lai thông suốt. Cho nên kinh nói rằng Bát Nhã ở phương đông phương bắc hưng thịnh sau cùng và tiêu diệt trước nhất. Cũng

như giáo pháp lúc tận diệt ở nước Chiêm Ba (?) diệt trước. Lúc giáo pháp hoại diệt trong Kinh đều nói rõ, cũng như ghi hai trụ đá hai bên cây Bồ đề "thân Bồ tát hoại diệt thì chánh pháp diệt". Qua thời gian không còn lưu lại những dấu ấn sự tàn phá để khảo chứng. Người ta căn cứ nơi bi ký vua A Dục ghi dấu để chứng minh. Hai câu sau nêu đức tự lợi và lợi tha là hai công đức vô cùng thù thắng. Ví như hư không trải qua kiếp thành, kiếp hoại vẫn nguyên vẹn không hoại diệt. Công đức chân thật của Phật cũng thế, luôn luôn tồn tại bất hoại, cho đến vị lai vô cùng tận. Công đức lợi tha cũng thế, tới cùng tận vị lai thường làm cho tất cả chúng sanh được an vui lợi lạc, nên nói rằng trí này biến chiếu cùng khắp mọi nơi, tức tác dụng công đức đây biến khắp không mất.

Câu 9 giải thích: thân, miệng, ý chắc như kim cương làm cho chư Phật bất động, không hư hoại. Điều này nêu rõ hai nhóm công đức của Phật: một là đến mọi nơi mọi chốn không bị chướng ngại, hai là chỗ hiện thân không phân biệt. Đoạn này, câu trên nói đã tu sửa mọi chướng kết buộc là công đức đối trị thù thắng, tức là đã tu tập đối trị hai chướng tới thánh đạo, là đạt đến giải thoát tất cả mọi chướng ngại làm chỗ y cứ, chỗ nhắm tới nên gọi là Xứ. Do đó ba nghiệp của Như Lai thuần thanh tịnh như Kim Cương, vì chư Phật bất động không hoại. Câu sau nói khéo nhiếp thọ thân không nhi-m là công đức thù thắng. Vì tự thân Phật không khởi phân biệt hư vọng, không phiền não tạp nhi-m. Thân Phật là thân không còn tạp nhi-m không khởi phân biệt. Vì không phân biệt nên ba nghiệp Phật không còn sai lầm sánh với chư Phật như chất kim cương không hư hoại. Câu 9 dùng văn nghĩa để tán thán chung 21 công đức của Phật, nhưng e văn rườm rà ở đây không nêu ra hết. Luận Nhiếp Đại Thừa theo chỗ thích ứng rộng mà giải cũng không như thiết từng điểm. Câu 3 cũng giải: trong 9 câu này của Kinh, 4 câu đầu tán thán báo thân. Câu 1 tán thán tổng quát bốn trí thông suốt thật đức báo thân không luận pháp giới. Câu 2 tán thán đạo là hơn cả đáng tôn; Câu 3 tán thán bi rộng trí khắp hai quả đều viên mãn; Câu 4 tán thán huệ rộng trí sáng. Nói chung tất cả sự lý, hữu vô đều chứng biết không lầm. Câu 5 tán thán đức vắng lặng sáng soi, tức tán thán pháp thân. Phần còn lại tán thán hóa thân. Câu 6 tán thán ân đức khéo thành tựu. Câu 8 tán thán chung về thần thông tự tại nên được mãn nguyện thù thắng. Câu 8 tán thán công hạnh thuyết pháp. Câu 9 tán thán các lậu (phiền não) đã sạch, hiện tại liả nhi-m để dạy dỗ, khuyên răn. Câu 10 tán thán chung bốn trí hoàn toàn viên mãn báo thân. Kim Cang là nói ví dụ chung chỗ sở y kiên cố của tứ trí mà tánh sắc bén là chất kim cương, chứ không phải do sự phá hủy của tác dụng. Nói trụ trì là trí đại viên cảnh, tức là chứng tới chỗ trụ vào trí Kim Cang chân như. Đây là gốc các món thiện thế gian và xuất thế gian cũng là căn bản các trí khác, nên gọi là

trụ trì vậy. Theo kinh Phật Địa có 9 ví dụ trí viên cảnh: 1/ y trí viên cảnh những hình ảnh khởi hiện, như trí Phật chiếu khắp mọi nơi, mọi cảnh, thức; thì hình ảnh phát khởi, do đó gọi là như thiết trí. Phật thân có đầy đủ các đức này gọi là trụ trì. Vì trí đại viên này liên tục không gián đoạn ở xuất thế gian xứ, cảnh, thức đều nương đó phát sanh, nên gọi là trụ trì. 2/ Trí viên cảnh không động không giao quán sát tự thân chúng sanh mọi việc đắc thất, muốn giữ tánh đức, bỏ việc sai quấy. Trí viên cảnh của Như Lai trải khắp pháp giới không gián đoạn nên không bị giao động, quán sát vô số chúng sanh pháp nhi-m, tịnh muốn giữ pháp tịnh, bỏ pháp nhi-m. 3/ Như tấm kiếng sạch lau lau không dính bụi có thể sáng chiếu khắp. Ví như trí viên cảnh Như Lai đã đoạn hẳn nhị chương nhi-m ô, dùng định lực sắc bén nhiếp trì, tâm tịnh không như đem đến sự an lạc lớn lao nên sáng chiếu khắp nơi. 4/ Tấm kiếng nương theo bản chất các cảnh duyên mà hiện rõ hình tướng. Đây nói trí viên cảnh Phật hằng nương các duyên để ảnh hiện phát khởi. 5/ Kiếng chiếu soi mọi phía mọi nơi hình ảnh nương do tùy duyên phát hiện. Dụ cho trí viên cảnh Như Lai không gián đoạn, vô lượng thiện lành, là chỗ nương tựa của hàng tam thừa. 6/ Kiếng như đất bằng nơi đó núi non, nhà cửa, cung điện mọc lên phẳng lặng mà vẫn không tăng không giảm. Trí viên cảnh Phật ảnh hiện khắp thập địa soi sáng khắp hình ảnh thế, hay xuất thế mà phân lượng thì chẳng đồng. 7/ Vã lại trí viên cảnh không bị ngăn ngại nên do duyên mà hình ảnh hiện, trí viên cảnh Như Lai không bị ác hữu ngăn che, chánh pháp không bị chướng ngại, do trí chúng sanh phát khởi vì đó không phải là vật. 8/ Trí viên cảnh không chỗ tối tăm nào ngăn được hình ảnh phát khởi. Trí viên cảnh Phật thì không chỗ nào xấu ác ngu muội chúng sanh nào mà không hiện rõ, vì đó không phải là đồ vật. Vì ngu si sâu dày nên tuy có ruộng phước Tam bảo phát sanh thiện pháp, chúng sanh vẫn mê muội không muốn nghe, không muốn quay về, trái lại vẫn dong ruổi ở ngoài đạo. Dầu chẳng bị ngu si sâu nặng che lấp, nên nói chẳng phải là đồ dùng. 9/ Trí viên cảnh phi xứ do duyên hình ảnh từ xa tới gần mà phát hiện. Trí viên cảnh Như Lai phi xứ, là pháp thanh tịnh không thể nghĩ bàn. Chúng sanh không tin trí phát sanh hình ảnh, đó chẳng phải là đồ vật. Thân đời trước phỉ báng giáo pháp nên trải qua vô lượng kiếp không nghe được chánh pháp là do nghiệp chướng ràng buộc. Hoặc không tin nhân quả, cho đó không phải thánh pháp nên không để ý tới. Do chín thí dụ trên theo chỗ ứng dụng tự hoặc tha thân, hữu tánh hay vô tánh, nhập thế hoặc xuất thế đều do nhân duyên nên gọi là trụ trì.

Pháp tánh bình đẳng có 10 điểm như dưới đây: 1/ Tất cả mọi tướng trạng lẫn lẫn như mừng, vui, thích đều là pháp bình đẳng. Như gặp hoàn cảnh tốt thì sanh mừng, ưa thích nên nay ngộ pháp tánh bình đẳng tất cả.

2/ Tất cả mọi sự thọ nhận là pháp duyên khởi bình đẳng, vì biết đó là do nội ngoại duyên mà sanh.

3/ Lìa hết mọi dị tướng, phi tướng là pháp bình đẳng vì hình dạng các pháp tướng trạng luôn luôn biến đổi khác nhau nên gọi là dị tướng. Sự cách ly mỗi mỗi khác biệt thì dị tướng tức là tướng chung. Như thế, tướng chung lấy phi tướng làm tướng là pháp bình đẳng. Kinh nói rằng, hết thấy các pháp đều đồng một tướng mà bị gọi danh là phi tướng.

4/ Lòng từ sâu rộng bao la là pháp bình đẳng. Lòng từ có ba loại: một là gieo duyên chúng sinh. Gieo duyên với chúng sanh là sơ phát tâm của Bồ tát lúc khởi tu. Hai là duyên pháp, có nhân duyên gặp giáo pháp làm cảnh mà Bồ tát tu chánh hạnh có nhiều phần vụ hóa độ chúng sanh. Ba là vô duyên, lấy chân như làm cảnh Bồ tát tu pháp vô sanh nhẫn, lòng từ do cảnh duyên, pháp duyên nên cũng còn gọi là vô duyên, tức là vô phân biệt. Chư Phật có đầy đủ phước nghiệp bình đẳng lâu dài không gián đoạn, tích lũy không dư thừa nên nói sâu rộng bao la.

5/ Lòng bi bình đẳng vô giới hạn. Lòng bi hàng nhị thừa chưa nhỏ sạch hết khổ mà chỉ trừ tạm ở cõi dục thôi, chư Phật mở rộng tâm bi khắp ba cõi luôn luôn hằng chuyển, quán tới không không còn gì để quán, hằng cứu vớt không bỏ sót nên nhỏ sạch ba khổ mà chúng sanh đang thọ, xem chúng sanh như con ruột không niệm phân biệt đây là con hay chẳng phải con, cần cứu hay không nên cứu, chư Phật đã đạt được đại giác luôn luôn niệm nghĩ như vậy: ta thường đem đến chúng sanh điều chính là việc thiện lành. Nếu ai chưa ngộ ta phải khai ngộ, làm cho họ giác ngộ. Đây cũng gọi là ba tâm từ tiêu chuẩn phải hiện rõ.

6/ Tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà Phật đem đến tâm bình đẳng. Tuy chư Phật đã đạt được vô hý luận (không nói bàn suông) do trí bình đẳng làm lực tăng thượng, nên đại viên cảnh trí tương ứng thức vắng lặng hiện sắc thân sáng rõ như lưu ly khiến cho chúng sanh thành tựu căn lành nơi tự tâm làm cho thân tướng cũng thanh tịnh như vậy. Có nghĩa tự tâm thấy được thân Như Lai.

7/ Hết thấy mọi loài hữu tình đều tôn trọng pháp bình đẳng Phật dạy. Tùy theo chúng sanh ưa thích Phật khéo dùng lời hay làm cho tất cả đều hoan hỷ. Phật hiện thân do lòng bi nguyện thuyết pháp hợp căn cơ không làm thương tổn. Cho dù có những chúng sanh không thuận theo lời Phật dạy, nhưng đây

là lời giáo hóa có tác dụng ngay bây giờ hay lợi lạc về sau nên ắt phải tin tưởng thọ nhận.

8/ Thế gian này vắng lặng cùng một pháp vị bình đẳng; song còn hữu lậu, ngũ uẩn nên gọi là thế gian, chỉ khi nào những thứ kia diệt hết mới được gọi là vắng lặng hoàn toàn. Pháp sanh tử hay Niết bàn cả hai đều bình đẳng nên gọi là đồng một vị. Vả lại, để phá chỗ chấp không theo bản tánh có hữu thế gian nên cho là vắng lặng. Điều này nêu rõ pháp vô sai biệt nên nói là một vị.

9/ Những việc khổ vui ở thế gian đều cùng một vị. - đời có tám việc: lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc (lợi lộc, thất bại, hư hoại, khoe khoang, ca tụng, xấu hổ, khổ, vui) như việc nào được vừa ý là lợi, việc nào không vừa ý là suy, hiện không xài được là hủy, được ca ngợi tán dương là dự, trước mặt được người tán dương là xung, hiện bị người bôi bác là cơ, thân tâm bút rút phiền muộn là khổ, trong lòng thư thái vui sướng là lạc. Bậc thánh trong khi hành xử thường giữ mực thường là được lợi không ham, gặp việc không vừa ý vẫn thản nhiên không chán nản, cho chí gặp khổ cũng không lo mà được vui vẫn không ham thích.

10/ Xem mọi việc như gió thoảng giữa hư không bình đẳng như nhau, là đã gieo trồng được 10 trong vô lượng công đức bình đẳng rất ráo. Công đức này đã huân tập trưởng dưỡng thành thực giải thoát pháp tu Bồ đề phân nên gọi là gieo trồng. Hoàn thành 10 công đức này thì được bình đẳng tánh trí. Bình đẳng có hai là tất cả chúng sanh bình đẳng, chư Phật bình đẳng. Luận Nhiếp Đại Thừa giải rằng: chuyển thức thứ bảy thành bình đẳng. Do trước chấp ngã, bỉ, thử, bất đồng; nay lìa ngã, chấp, bỉ, thử nên gọi là bình đẳng. Mỗi mỗi công đức hy hữu rất ráo là nói về diệu quan sát trí và thành sở tác trí, mỗi trí đều có 10 nhân. Mười nhân của diệu quan sát trí như:

1/ Kiến lập nhân: Trí này lưu giữ tất cả pháp đà la ni (ấn chú), thiên định (Samadhi) là vô ngại diệu pháp của chư Phật, gọi là 10 lực.

2/ Sanh khởi nhân: Trí này phát khởi mọi hiểu biết vô ngại mỗi mỗi tương thức nhân duyên. Tức là nhứt thiết trí có thể hiểu rõ tất cả cảnh duyên. Mọi cảnh duyên là nhân sanh khởi.

3/ Hoan hỷ nhân: Trí này có thể đạt đến bỉ ngạn, pháp Bồ đề phân, thập lực, vô sở úy, bất cộng Phật pháp, là chỗ thật trang nghiêm an lạc.

4/ Phân biệt nhân: Mọi việc hưng suy nhân quả của Tam Thừa thể gian hay xuất thể gian đều viên thành không dư thừa. Quán sát tinh tường chi li thiện ác thể gian trong vòng nhân quả thanh suy. Xuất thể có nhị thừa mà Đại Thừa nêu rõ nhân quả việc thanh suy. Cũng có thể giải cách khác trong Kinh Phật Địa phẩm năm nói rõ.

5/ Thọ dụng nhân: Trí đây giúp làm tăng thượng duyên cho bình đẳng tánh trí, như kiếng soi; trí này cũng là tịnh thức hiện thân thọ dụng, mỗi mỗi chứa nhóm đầy đủ oai đức chan hòa pháp vũ nhuần thấm đại pháp, làm cho hàng thập địa Bồ tát thọ được nhiều pháp lạc, cũng như trợ lực thành tựu biến hóa thân, cũng khiến cảnh trước mắt biến thành an lạc.

6/ Thú sai biệt nhân: Trí đây trải rộng khắp nhân quả sai biệt trong 5 đường (ngũ thú).

7/ Giới sai biệt nhân: Trí này trải rộng khắp nhân quả sai biệt ba đời hiện bày đầy đủ.

8/ Vũ đại pháp vũ nhân: Trí này rải mưa pháp chan hòa khắp nơi Chư Phật, Bồ tát đủ thần lực dẫn dắt thấm nhuần sâu rộng giáo pháp vi diệu.

9/ Hàng phục oán địch nhân: Trí đây đối với thiên ma ngoại đạo, dị nhân thủy đều không làm khuynh động lung lạc, vì đạt đến cõi pháp giới vi diệu.

10/ Đoạn đứt thiết nghi nhân: Diệu quan sát trí không mê muội về các tướng riêng tướng chung vây bức. Luận rõ tướng riêng tướng chung, tức nhân số mười đây luận rộng về các tướng như Kinh Phật Địa luận dẫn ... Thành sở tác trí có 10 nhân thuộc 3 nghiệp hóa. Thân nghiệp hóa có ba: một là hiện thân thông hóa, do Phật khéo léo hóa hiện ở mọi nơi để trừ những chúng sanh ý lại, ngạo mạn; Phật dùng phương tiện lực khéo dẫn dắt chúng sanh đưa vào con đường thánh thiện để được giải thoát. Hai là hiện thọ sanh hóa: do Phật đạo qua các cõi chúng sanh hiện thân đồng loại song phẩm vị cao tôn hơn. Vì Phật hiện thân hình đồng như chúng sanh nên nhiếp phục được mọi loại dị loại khác hình. Ba là hiện nghiệp quả hóa: Do Phật thị hiện như kinh Bốn Sự Bốn Sanh tu hạnh khó hành. Trong Khế Kinh nói: kiếp trước của Phật vào thời Phật Ca Diếp ra đời, Ngài dùng những lời mạ ly? nói rằng, nơi đâu ông thầy tu cạo bỏ râu tóc đắc đại Bồ đề, thì cũng khó thành đạo vô thượng giác. Do ác nghiệp của Ngài gieo kiếp trước như thế nên nay phải thọ quả báo khổ nạn. Đây cũng là lời dạy dứt ác hành thiện trong đời này. Nếu không được như thế thì luông phí một đời hệ lụy ích chi ? Chư Bồ

tát từng thân cận vô lượng các đức Phật gieo trồng căn lành, nhớ biết được kiếp trước mà còn phát ra ngôn ngữ hành động xấu ác như thế. Nên biết rằng đây là lời Phật muốn giáo hóa những ai nghe đều được hóa độ, để họ đối với chư Phật tránh xa không dùng những lời thô ác như thế.

* Khẩu nghiệp cũng có ba loại: một là lời an ủi, do đó Phật tùy nghi tìm mọi phương cách làm vui; Văn từ êm nhẹ làm cho chúng sanh trí thấp mới nghe tin ngay. Ngôn từ của Phật đầy đủ 16 đức, phàm phu trí thấp nghe xong sanh lòng tin tưởng ngay, huống gì là người thông minh trí tuệ có thừa. Hai là phương tiện ngữ hóa: Phật lập chánh học xứ phá trừ kẻ buông tung giữ cho không buông lung. Do tâm đại bi, Phật cũng lập tùy hạng người tin, tùy pháp thực hành v.v... Vì chúng sanh lập học xứ khiến chúng diệt ác tu thiện. Ngài cũng lập pháp phần Thánh đạo sai biệt làm cho chúng sanh nhập vào chánh đạo thoát ngoài ba cõi. Ba là biện dương ngữ hóa: Phật đoạn lia nghi ngờ cho vô số chúng sanh thành trí hiểu biết chân chánh, tùy tâm ưa thích sai biệt của chúng sanh mà biểu tỏ lòng cảm hóa. Nói pháp để đoạn trừ hồ nghi, phát ngôn một lời tiêu biểu hàm nhiều nghĩa làm cho chúng sanh tùy từng loài mà được lợi lạc. Phật dùng một thứ âm di-n nói pháp, chúng sanh tùy loại được hiểu rõ thông suốt. Tất cả những việc như thế là do bản nguyện lực Phật bất khả tư nghĩ (không thể nghĩ bàn) dẫn đạo, hoặc hiện hóa thân đồng hình trông khác để được lợi lạc mọi loài.

* Ý nghiệp có bốn loại: một là ý quyết định chọn lựa: do đó Phật tùy theo tám vạn bốn nghìn trần lao phiền não của chúng sanh tâm sai khác mà chọn 84,000 pháp môn tu khác nhau. Đây là sự chướng ngại của 84,000 pháp Ba La Mật Đa, đà la ni (ấn chú), Tam ma địa (Samadhi, thiền định). Như kinh Hiền Kiếp có giải rõ. Có thể nói lúc đầu tu pháp Ba La Mật Đa, về sau đi vào chi tiết chi li của Phật, Ba La Mật Đa gồm 350 pháp; mỗi pháp có đầy đủ sáu pháp đạo bỉ ngạn (đến bờ giác). Như thế nhân lên tất cả là 2100 pháp để đối trị tham, sân, si, đặng phần tâm sai biệt của 8400 chúng sanh. Ngoài tứ đại, lục độ, thập chuyển hợp thành 84,000 pháp môn tu. Tu tập các pháp này về sau thành tựu 84,000 pháp đà la ni, Tam ma địa (ấn chú, thiền định). - đây chỉ giảng sơ lược, còn nói rộng thì vô cùng. Hai là tâm tạo tác, do vậy Phật quán chỗ thực hành của chúng sanh. Hành hay không thực hành, được hoặc mất làm cho chúng sanh đối trị việc lấy hay buông bỏ; theo đó quan sát việc làm của chúng sanh. Như làm những điều ác không tu các việc thiện là mắc lỗi lầm. Còn nếu làm những việc thiện là có thiện đức không phạm lỗi quấy. Quán sát như thế là muốn làm cho chúng sanh lấy đức bỏ lỗi. Tạo đức để đối trị lỗi lầm, như đã tạo nên lỗi lầm thì cần phải xa lánh. Ba là ý phát khởi: Phật muốn nói pháp đối trị lỗi lầm kia nên bày tỏ sự an thái của Ngài

bằng văn tự, câu lời. Có nghĩa tùy chỗ ưa thích của chúng sanh mà nói pháp để đối trị lòng ưa thích của họ. Bốn là ý lãnh thọ: do pháp này Phật đối với pháp định hay bất định, nói ngược lại để nêu ra vấn đề riêng biệt, tùy chỗ thọ nhận của chúng sanh ở quá khứ, hiện tại hay vị lai mà đáp ứng. Bốn pháp đây cùng một hướng phân biệt, ngược lại như đặt lại bốn vấn đề luận thuyết. Vì Tam Bảo là ruộng phước điền tốt làm cho ba nghiệp thay đổi thành ba pháp thần biến, tức ba loại thần thông biến hóa trừ dứt ba nghiệp. Do nghĩa này nên gọi đức Thế Tôn là bậc đại y vương (hay Đại Thánh trí dược) có tài trị được tất cả bệnh phiền não. Diệu quan sát trí, thành sở tác trí, mỗi thứ có 10 nhân, nên nói rằng mỗi mỗi có những công đức hy hữu. Câu này nêu tổng quát thật đức của báo thân nên dùng bốn trí đầu trình bày. Ngoài ra những loài hữu tình cõi sắc, vô sắc có thật đức nên dùng theo thứ tự bốn trí nhiếp độ. Câu sau nói: phép quán đánh đội mao báu vượt ngoài ba cõi. Đây là tán thán đạo lý tôn quý hơn cả, vượt ngoài thập địa mà người nhận 1- quán đánh mao báu của Phật thật là vi diệu thù thắng, thân thể thanh tịnh không còn phiền não, xa hẳn mọi sự ràng buộc ngoài các cõi. Từ vượt quá này đối với hàng nhị thừa và ngoại đạo đều là thấp kém. Kinh Thập Địa nói rằng cõi Tịnh Độ đây vượt ngoài 3 cõi. Hàng Thập Địa Bồ tát nên sanh vào cõi đó. Cõi Tịnh Độ không lìa ba cõi mà chỉ xa lánh sự ràng buộc nên gọi là vượt qua, vì chẳng phải cõi đó tự nhiếp độ. Phật thân cũng vậy, chẳng còn hữu lậu (phiền não) nên gọi là siêu việt mà vẫn không ngoài 3 cõi thác sanh vào một nơi đặc biệt. Câu 3 giải thích: trí Kim Cang biến khắp thành đại quán tự tại để tán thán hai đức viên mãn của bi và trí sâu rộng. Nhân tu hành tự lợi, lợi tha đầy đủ, nên quả là bi, trí thành tựu viên mãn. Quả đã thành tựu nên gọi là trí Kim Cang biến chiếu, là trí có thể biến khắp nên cũng có thể trừ sạch được hai chướng, dụ cho chất kim cương. Như việc phá trừ hai chướng kiên cố khó trừ mà trừ được cũng dụ cho kim cương. Trí rõ biết khắp như kim cương chặt đứt phiền não. Đây là chân thật diệu trí tên là biến Kim Cang trí. Đạt tới trí này mới đủ lòng bi nhỏ sạch gốc khổ chúng sanh. Tự lợi viên mãn, lợi tha do bi nguyện gọi là quán tự tại, tức tùy theo 3 nghiệp chúng sanh mong cầu mà thể hiện lòng bi nhỏ sạch hết mọi khổ ách không bỏ sót gọi là đại quán tự tại. Phật thể hiện các đức không ngoài hai đức bi và trí. Các pháp vô cùng tận tùy theo sự cảm ứng để công cuộc nhiếp độ sâu rộng. Câu 4 giải thích: pháp quyết định trí ẩn vi diệu vô cùng để tán thán huệ rộng đức dày. Nêu tổng quát mọi vấn đề sự lý, có không thật chúng không làm. Trí này có hai loại, hai loại vô trí đều dứt sạch đạt được hai trí: trí hữu vi biết việc hữu vi, vô thường; trí vô vi biết việc vô vi, tịch tịnh, định. Đây cũng là hai thứ ẩn pháp vô ngã chắc chắn không còn do dự gì cả. Như dùng từ thật kêu gọi là đại diệu trí ẩn. Nếu không có trí này đối với các pháp hẳn không thể phân biệt được.

Câu 5 nói: Tất cánh không tịch bình đẳng tánh ân là ca ngợi tánh đoạn đức vắng lặng. Tán thán pháp thân cần đoạn trừ nhị chương mới chứng được nhị không. Lý nhị không định rõ mọi pháp đều bình đẳng. Từ nhị không biết rõ các pháp tánh đều bình đẳng. Song nếu cho rằng rốt ráo không thì chỉ đưa tới chỗ phi bình đẳng tánh. Tánh bình đẳng là thể của chân như thuộc phi hữu phi không. Giờ đây do phương tiện nói rằng rốt ráo không, vì quán sát chúng sanh hoàn toàn đều không nên biết rõ điều này mà Phật đã viên thành nên gọi là chúng. Câu 6 nói rằng, đối với mọi việc năng tác sở tác đều thành tựu khéo léo không còn thừa sót. Còn bốn câu tiếp theo tán thán hóa thân Phật. Đây là tán thán ân đức tuyệt vời mà đức Phật do lòng đại bi phổ nhuận sáu thời ban rải khắp nơi, vì lợi ích chúng sanh, vì phương tiện hiện báo thân, hóa thân trong việc thuyết pháp lợi lạc cho hàng Bồ tát và nhị thừa, với bình đẳng tánh trí khác đại viên cảnh trí, vì lợi lạc hàng Bồ tát Phật hiện báo thân. Đối trong diệu quan sát trí thuyết pháp dứt hết lưới nghi. Thành sở tác trí khác với đại viên cảnh trí trong việc hiện biến hóa thân, vì hàng nhị thừa v.v... Phật hiện hóa thân thuyết pháp. Đối trong diệu quan sát trí thuyết pháp dứt hết lưới nghi. Thành sở tác trí ở trong ba nghiệp cộng chung có mười. Trong đây giải thích câu đầu nêu tổng quát các đức. Hai trí thành sở tác và bình đẳng tánh trí đây thường được gọi là năng tác động. Trong mười môn bình đẳng tánh trí này so với những gì được thực hiện gọi là sở tác sự nghiệp. Chư Phật đối với việc năng tác, sở tác đều thành tựu khéo léo không thiếu sót, nghĩa là hết thảy mọi việc đều hoàn thành viên mãn tốt đẹp. Câu 7 nói rằng, hết thảy mọi chúng sanh đều có những mong cầu riêng, tùy theo chúng vô tội mà được đáp ứng thỏa mãn tất cả. Ca ngợi phép thần thông biến hóa làm cho tất cả mãn nguyện. Vì Phật đầy đủ lực thần thông, tất cả chúng sanh cõi thế hay xuất thế, nếu vô tội mà mong cầu thì đều được thỏa mãn, song chưa được đầy đủ nên nói là có thể vì sợ chúng sanh tạo thêm ác nghiệp. Như ta thấy người nghèo thường hay cầu được của thì cũng nên cho họ. Song một khi đã được thỏa mãn lòng mong cầu thì ác nghiệp lại tiếp tục gia tăng, nên không ban phát vô điều kiện. Nhiếp Đại Thừa luận rằng, thà chịu nghèo khó của cải mà xa lìa cõi ác, nghiệp xấu còn hơn, chớ để các căn khởi niệm xấu ác dấy lên thì đời sau phải thọ khổ, các căn thiếu khuyết hay thân thể không toàn vẹn. Những việc tương tự như thế cũng cần nên biết. Nếu người cầu trí sáng suốt vô tội, có phước huệ mới ban cho. Chẳng hạn Mạt Lợi phu nhân nguyện làm vương phi về sau chứng được thánh quả, 500 vị thánh mong gặp Phật nghe chính lời Phật nói sự tích kinh Bốn Sanh, như vợ chồng ông Ca Diếp muốn phát tâm tu hành mà cả vợ chồng và thân thuộc, về sau chứng được thánh quả. Con gái vua A Dục trước mong có tiền làm việc bố thí sau được làm con vua. Những thí dụ như trên đây đều là

mong muốn vô tội, nên đều được thỏa mãn tất cả. Không như cha mẹ cho con thì không luận vô tội hay có tội mới cho. Phật thị hiện thần thông, tùy theo căn cơ đáp ứng sự mong cầu đầy đủ. Như Ngài vì độ cho ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp mà hiện thần thông; cũng như Phật hàng phục ông Kiếp Tỷ Noa mà hóa hiện thần thông khiến họ vào đạo hoàn toàn mãn nguyện. Câu 8 giải: khéo an trú bình đẳng không gián đoạn ba đời phổ biến sâu rộng cùng khắp là để tán thán đức Thế Tôn đem tâm quảng đại thuyết pháp độ sanh không niệm phân biệt. Thiên nhân thông biết đời hiện tại như biết người đời nuôi trâu để giúp việc, biết sanh tử, biết vị lai, cũng biết sau này dòng Bà La Môn phỉ báng giống Chiên Đà La thất bại ra sao. Phật cũng biết rõ ông Uất Đầu Lam Phát sanh lên cõi trời đấng nhi-m mà về sau đọa thành kiếp con hồ ly tinh (con chồn tinh) sa vào địa ngục. Dùng hiểu biết kiếp trước nói rõ việc sau mong làm phát khởi thiện căn mà Phật vì chúng sanh nhỏ bặt sanh tử, lợi ích ba đời trong việc thuyết pháp làm lợi ích không niệm phân biệt là thực hiện hạnh bình đẳng. Thử quán sát bình đẳng này liên tục ở hiện tại không gián đoạn, không nơi nào không biết gọi là phổ biến rộng rãi cùng khắp. Câu 9 giải thích: thân, khẩu, ý bền chắc như kim cương để so sánh sức vững chải bất động không hư hoại như chư Phật, để tán thán Phật đã diệt sạch vi tế phiền não, lia hẳn ô nhi-m răn nhắc dạy dỗ. Ba thân Phật hoặc nghiệp đã sạch như chất kim cương sáng chắc đồng như chư Phật không bị thiên ma, bạn ác, ngoại đạo, sống chết chi phối, phá hoại, thì ác nghiệp lắng yên không còn dấy khởi nữa. Phiền não vi tế ba nghiệp đã dứt sạch mới răn dạy chúng sanh nên gọi Phật là bậc lậu tận (dứt sạch phiền não vi tế). Như ở phần luận giải 1, cũng như luận giải 4 đã giải thích rõ. Đây 9 câu thì câu đầu tán thán chung tứ trí của pháp thân và báo thân. Hai câu tiếp theo tán thán tánh đức rộng dung cao quý của Phật, ba câu kế tán thán riêng về ba đức và 3 câu sau chốt tán thán về 3 pháp thần thông biến hóa, là muốn làm cho chúng sanh thấy công đức chư Phật sanh lòng hoan hỷ mà trân trọng nghe pháp để cầu giải thoát.

Phật đầy đủ các công đức để tán thán khiến người nghe Kinh này nhận biết Ngài đã nói pháp thâm diệu rất ráo.

HẾT QUYỂN 1

QUYỂN 2

Kinh giải rằng đức Bạc Già Phạm ở trên tột cùng cõi dục nơi cung Tha Hóa Tự Tại Thiên. Giải thích: từ đây trở đi 4 câu là nói rõ nơi giáo hóa, cũng như khi hóa độ Phật đầy đủ bốn đức được đề cập để việc giáo hóa thành tựu, trong đó bao hàm thật đức của báo thân và pháp thân là:

- thứ nhất: nơi tôn quý cõi dục, chỗ tột cùng ở Cung trời Tha Hóa.
- thứ nhì: cùng tọa nơi đại bảo điện chư Phật.
- thứ ba: tướng hảo quang minh trang sức chất vàng kim ngọc Ma ni vô giá.
- thứ tư: được trọng kính hơn các bậc hiền thánh, thiên tiên mà nhiều người ưa thích.

Nói tôn quý, theo như câu 1 thì Bạc Già Phạm chỉ cho đức giáo chủ Thích Ca là người thuyết giáo. Trú nghĩa là nơi ở, chỗ nương tựa. Dục là tham ái như dâm dục, tiếp xúc, ăn uống. Giới là biên cương của mọi quốc gia. Cõi này do lòng dục sanh trong dục nhi-m gọi là dục giới: như uống hồ tiêu, đeo vòng ngọc quý. Đảnh là chỗ cao nhất trên đầu. Đây nói tới lục dục thiên cõi trời dục giới, là nơi cao tột đỉnh gọi là lục giới đảnh. Tuy nói là chỗ tột đỉnh nhưng chưa thấy rõ nên nói hiền thiên. Tiếp theo Kinh cũng giải thích các trời, Tha Hóa Tự Tại đầy đủ phước báu như muốn thế nào thì được như thế ấy. Song cõi trời thứ năm do nghiệp vượt thắng không do dục mà hóa sanh, tức chỉ do lực biến hóa sanh ra, thành vô số những vật thọ dụng đầy đủ. Bây giờ nói riêng về cõi trời thứ sáu nghiệp cũng thù thắng. Mặc dù những vật dụng tùy tâm ưa muốn đều hiện ra, cũng như biến hóa ra các món đồ dùng đầy đủ mà không xử dụng; chỉ thọ dụng những âm nhạc cõi trời khác biến hóa ra. Vì ở cõi này lực của nghiệp thọ dụng đã vượt thắng tất cả. Do đây nên gọi là trời Tha Hóa Tự Tại. Đặc điểm ở cõi trời này là không còn phân biệt giàu nghèo, vua tôi nữa. Chỗ ở của vua trời cõi đó cũng không khác chỗ ở của thần dân hạ liệt. Kinh cũng nói rõ trong cung vua trời, là muốn phân biệt chỗ tôn quý cao tột nhất mà không phải một nơi nào khác thấp kém hơn. Bạc chứng đạo vững chãi như tòa Kim Cang, nói pháp thù thắng tại cung Tha Hóa, như kinh Thập Địa nói là nơi thắng xứ (vượt trội hơn các nơi khác). Báo thân sạch màu như thế trong cõi Tịnh Độ cũng như pháp thân lia hẳn tham dục đạt tới pháp giới thuần thanh tịnh. Chứng đắc pháp thân là đủ năng lực ưu việt làm việc lợi tha, nên cũng gọi là cõi lợi lạc cho kẻ khác ở Tịnh Độ và là cõi pháp giới. Vô phân biệt trí và hậu đắc trí hoạt dụng tự tại vô danh. Đây cũng là cung của các vị vua các cõi trời từng cư ngụ mà trong kinh thường nói là nơi gia hương rớt ráo vắng lặng. Cho nên ba thân (báo

thân, hóa thân, pháp thân) trong việc lợi tha hẳn không giống nhau, và vì thế chỗ ở cũng khác nhau. Nơi thiên cung rất tôn quý gọi là pháp thắng tiêu biểu cõi giới cao tốt vi diệu cao thâm. Trong kinh nói rằng chư Phật thường dạo qua những chỗ mà nơi đó được tôn xưng là đại bảo điện. Nói rõ hơn, đây là nơi cao tốt thứ nhì; còn thường là hằng hay đã từng trải qua. Du là dạo chơi, xứ là một nơi cố định. Chỉ có một điều duy nhất là Phật trụ chỗ chư Phật an trú; chỗ Phật không an trú thì không phải là chỗ hoàn hảo. Mười phương ba đời chư Phật đã từng dạo qua cung trời Tha Hóa này và tất cả các vị thánh cũng được cộng hưởng ở đó, nên biết đó là nơi thắng xứ. Về sau chư Phật hiện thân không trụ ở đó cũng đều được xưng tụng là cung điện của các Ngài. Xưng là ca tụng, mỹ là nêu cái hay cái đẹp. Nói về cung điện các vua trời thì vô số kể, song đây chỉ nêu cung Đại Bảo Tạng nơi Phật ngự, do các thứ trân báu kết thành nên gọi là bảo. Dùng các món báu che kín để trang hoàng là bảo tạng. Nói cách khác Bảo Tạng là tên của cung điện trang hoàng vật quý báu. Điện là chỗ cao tốt rộng lớn và cũng là nơi kết toàn các món báu trang nghiêm gọi là đại bảo. Phật ngự nơi cung trời tại điện Đại Bảo Tạng này. Ý nghĩa tổng quát về báo thân và pháp thân của trí vô phân biệt và trí hậu đắc thì chư Phật quá khứ, hiện tại đã từng dạo qua đây, đều xưng tán là điện Đại Bảo Tạng. Đó cũng là nơi mà chư Phật đồng cư trụ nên được ca tụng: nơi thù thắng cao tốt. Phật với thọ dụng thân, trụ cõi báo độ và trí hậu đắc phân biệt thường cư cõi pháp tánh. Trí vô phân biệt trụ cõi pháp tánh thường dạo đi tự tại vô ngại. Cõi thọ dụng có đầy đủ 18 đức của cõi pháp tánh tức hoàn bị các pháp lành. Chư Phật thường ca ngợi hai cõi này nên nói là cùng tán thán, xưng là xưng tụng mà lời thì không thể di-n tả hết ra được. Mỹ là dùng lời ca ngợi cái đẹp. Quảng là rộng, như pháp giới gọi là đại. Vạn đức nương đó thành tựu nên là báu, bao hàm các việc thiện là tạng, căn nhà tinh lặng là điện. Hai thân, báo thân, pháp thân; hai trí vô phân biệt và trí hậu đắc thường cư tại đây như chư Phật đồng cư dạo chơi khắp đó đây thuyết pháp lợi tha.

Nêu rõ ba đức tiêu biểu là đã nói lên đầy đủ các đức ẩn tàng khác vậy.

Kinh giải rằng điện Bảo Tạng ở cõi trời có các thứ báu như mặt ni vô giá trang hoàng nghiêm tốt và giải thoát. Từ đây trở đi nói về ba món báu trang nghiêm tốt đẹp như: một là nói tổng quát màu thanh sáng, hai là đề cập chi tiết các món báu, trang hoàng, và ba là liệt hết những phần còn lại. Phần tổng quát đặc biệt có thứ châu mặt ni là tiếng Phạn, Tàu dịch là ngọc như ý. Đại điện Bảo Tạng dùng toàn thứ ngọc vô giá này để trang hoàng. Thậm chí còn dùng tới các loại ngọc xanh, hồng ngọc, bảo thạch, ngọc giao, là bốn loại châu báu có bốn màu sắc khác nhau, cùng bảy thứ báu (lưu ly, san hô,

xa cừ, xích châu, mã não, pha lê, hổ phách) bảy màu óng ánh xen nhau phát ra ánh sáng vàng tía. Đây là phần tổng quát nói cách trang hoàng điện Bảo Tạng bằng loại ngọc như ý, tượng trưng vạn đức trang nghiêm để thêm phần trang trọng. Thọ dụng thân lầy Bát Nhã làm thể cũng như ngọc như ý, tiêu biểu những việc thiện trong đời trang sức; ý nghĩa cũng giống như sự trang hoàng các món khác nhau xen tạp lẫn nhau. Hai loại đại điện thích hợp để hai thân nương trụ được trang hoàng bằng ngọc như ý, nói lên ý nghĩa muốn cầu việc gì cũng được thành tựu viên mãn. Ngọc như ý vô giá dùng trang trí rồi dùng bảy báu hợp thành là nêu tổng quát vạn đức trang nghiêm không còn gì tuyệt bằng. Kinh cũng nói rõ, những màu sắc giao nhau như thể phát ra ánh sáng vàng rực rỡ. Nói qua phần hai sau đây là chi tiết các món báu trang hoàng. Tổng cộng có 14 loại và hai món trang nghiêm. Bảy báu xen nhau có nhiều màu sắc, phóng ra ánh rực rỡ thành bốn sắc hồng tía. Trong đó màu tử ngoại tuyền xen tạp màu vàng phóng ra ánh sáng giao nhau. Đây là ý nói cõi pháp tánh không còn nhi-m các duyên nữa. Niết bàn phân thành bốn, dụ màu sắc giao nhau hợp thành; cũng như phân ra chân đế, tục đế hai phần giao nhau cũng giống như các màu sắc vậy. Phần thứ hai đây nói lên sắc thái giáo hóa như màu sắc phát ra ánh sáng, đủ sức chiếu phá những chỗ tối tăm mê mờ, tức là thỏa đáp hai món trang nghiêm.

Kinh giải rằng các món như chuông báu, linh vàng treo khắp đó đây hòa theo gió phát ra tiếng pháp âm vi diệu. Dùng bốn món trang hoàng như: chuông báu, linh vàng, tiếng gió vi vu phát ra điệu hòa nhã khiến người nghe để ý lắng đọng trừng tâm thanh tịnh. Ý nói vận dụng sáu pháp thần thông như chuông báu, linh vàng làm kinh động khắp mọi loài để tùy cơ nói pháp cho khắp nơi được thấm nhuần lợi lạc. Lời nói bỏ lửng này cần làm cho sáng tỏ. Nếu không nhờ gió đại bi réo gọi thì âm thất biện không kêu vang. Hề cảm ứng giao nhau thì trí bi thành tựu. Thất biện là bảy lối biện luận tài tình như sau: biện giỏi, luận nhanh, ứng hợp không sai lạc vấn đề, không lẩn lớt người, di-n tả được ý nghĩa phong phú của câu chuyện, cách nói vượt trội hơn tất cả người đời là diệu biện. Còn về ý nghĩa sáu phép thần thông sẽ giải thích sau.

Kinh nói bảo cái, tràng phan, tràng hoa, tờ nhi-u, bảo châu, anh lạc kết nên vòng bán nguyệt và giải rằng việc này hợp thành 8 món trang nghiêm: Bảo cái thối nhẹ hoa nở nhụy thắm, tràng phan phảng phất khúc cầu vòng, tràng hoa phơn phớt thiên không, tờ nhi-u thả thòng chầm đất, ngọc quý sáng rỡ như sao, châu anh lạc sạch lầu như gương sáng, vòng xoay rưới thấp màu xanh biếc sáng rỡ soi hình bán nguyệt, tường xanh lam như ánh trăng rằm ... Cách trang hoàng ở thiên cung cực kỳ lộng lẫy như thế. Đây lấy ý nghĩa hai

phần: báo thân, pháp thân. Bốn pháp tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) như bảo cái che chở quần sanh. Bốn pháp tổng trì (pháp, nghĩa, chú, nhẫn) như tràng phan chuyển tải đẩy lùi điều ác. Ba pháp thiền định ví như tràng hoa đẹp của trăm nghìn món công đức trang sức. Bốn nhiếp pháp như dải lụa che phủ chúng sanh quét phủ bụi trần. Bốn pháp tổng trì, ba phép thiền định sẽ giải thích sau. Tứ vô lượng tâm, bốn nhiếp pháp không xa lạ như những việc thông thường. Ba niệm trụ thường bình đẳng như châu báu. Bốn nguyện rộng lớn là châu anh lạc trang sức hạnh đức. Tâm vô úy là vòng bán nguyệt trừ ngoại đạo, dứt tà ác. Thập lực là ánh trăng rằm đẹp thiên ma, trừ điều ác. Lục độ như món châu báu liên quan tới vạn hạnh. Ba niệm trụ là một mặt được tán dương không sanh tâm ưa thích, mặt khác bị hủy nhục không sân hận. Trong đó nữa khen, nữa chê không ham, không giận. Cả ba khía cạnh trên đều lấy tâm đại hỷ xả mà an trụ vững nên gọi là niệm trụ. Bốn nguyện rộng lớn như: 1/ chưa hết khổ, nguyện hết khổ, 2/ chưa được vui nguyện được vui, 3/ chưa diệt sạch phiền não phát tâm nguyện diệt, 4/ chưa thành Phật, nguyện sớm thành. Vô úy, thập lực sẽ giải thích sau. Từ đây trở đi là nói phần hai về sự trang hoàng nghiêm túc. Và trở xuống là đề cập phần ba về những lối trang hoàng khác ở cung điện. Kinh giải rằng dùng đủ loại châu báu trang hoàng nghiêm tịnh, như mặt ni, lục điện là những thứ cực kỳ trang nghiêm thật là trang nhã; như cửa, tường, hiên, cửa sổ, mái, sườn, lan can, vòng rào bao bọc xung quanh đầy đủ ... để di-n tả sự giải thoát của cảnh thù thắng, rộng khắp, không còn tranh cãi, do nguyện lực, vĩnh vi-n đoạn dứt tập khí, đạt được diệu trí và trăm nghìn công đức khác; theo như lý là để trang nghiêm hai cõi hữu vi và vô vi (1). Kinh giải thích rằng đó là nơi ưa thích của các vị thánh tiên. Nói rộng ra, đây là món báu cao đẹp thứ tư. Hiền thánh là sao? Chúng phàm phụ thuộc về ngũ thừa (2) là phàm, bậc chứng quả tam thừa là thánh. Hàng trên cùng của ngũ thú là trời, người có đức linh gọi là tiên. Bảo là trọng kính yêu mến, mong cầu khao khát có được an lạc, người cõi này là vậy. Về tam thừa, dù phàm hay thánh đều khao khát mong được chứng quả trong sự yêu thích. Đây nói rõ tùy quốc độ hiện thân, hoặc báo thân hay pháp thân.

Kinh nói rằng cùng tám mươi ức vị Bồ tát câu hội, giải thích từ đây trở đi là phần trang nghiêm thứ năm tùy cơ giáo hóa. Kinh này bao hàm cả hiền thánh sẽ đi vào phần chi tiết hơn ở sau. Ngài Kim Cang Thủ, các vị đại Bồ tát và chư thiên nghe Phật nói kinh xong đều tin thọ thực hành. Bồ tát Kim Cang Thủ, các bậc thánh chúng và ngoài ra còn có chư thiên và chúng phàm nhân đồng nhóm họp, nên có thể nói đây là một hội tập họp gồm đủ hai thành phần: phàm, thánh. Các ngài đều hóa độ ở cung trời Tha Hóa và lý hiển nhiên ở cõi đó giáo hóa. Thiên cung không phải là Tịnh Độ, như hàng

thập địa (3). Các vị đại Bồ tát nơi thích ứng hóa độ không thể nói là ở thiên cung. Do ảnh hưởng các bậc thánh ở đây phân biệt được thiên cung; còn chúng phàm phu thì ở cõi ô trược. Chư Bồ tát là bậc đại sĩ sáng suốt ở cõi Tịnh Độ nên việc giáo hóa cao xa vời vợi khôn dò làm sao phàm phu đo lường biết được.

Song chư Bồ tát tùy cơ ứng hóa mà nơi giáo hóa thì thù thắng hơn cả gọi là thiên cung. Thính chúng là nói chung mà đặc biệt là chư Bồ tát tôn quý. Pháp môn tu cho người nhắm đạt tới nhất thừa (thành Phật) mà Lưu Khuyếch Toại phái Huyền Tông lại phân thành nhị thừa. Hiểu theo lối văn Tàu có bốn nghĩa: một là nêu con số, hai là tỏ đức, ba là nêu danh, bốn là quy tắc rõ ràng. Theo thứ tự trước hết nói về số là bao hàm chung, có nghĩa là nhóm họp như chữ "dữ", gồm con số mười vạn, một ức, 80 ức, tám trăm vạn. Riêng tiếng "đại" có bốn nghĩa: một là con số lớn 800 vạn Bồ tát cùng hội họp nghe pháp, hai là đức lớn có đủ phép thiên định được mọi công đức, ba là nghiệp đại tức là đầy đủ biện tài thuyết pháp làm lợi lạc chúng sanh, bốn là danh đại như Bồ tát Kim Cang Thủ và hàng thập địa ... Bồ tát câu hội là nêu rõ việc giáo hóa của hàng thiện căn để cho chúng sanh nghe pháp hiềm có mâu nhiệm mà phát tâm tinh tấn, tin tưởng tu hành.

Kinh nói rằng, chư Bồ tát đầy đủ pháp đà la ni (4), tam ma địa (5), vô ngại biện tài v.v... Và giải thích rằng, từ đây trở đi là nêu tỏ đức. Nói về đức có hai: trước hết nêu danh, sau đó nói ý nghĩa. Thứ nhất là nêu danh, như Đà la ni Tàu dịch là tổng trì, lấy niệm, huệ làm thể, có bốn loại: pháp nghĩa, minh chú, pháp vị, nghĩa vị. Pháp vị và minh chú giúp cho Bồ tát hành hạnh nhẫn. Pháp vị sáng tỏ một là biết được tất cả mọi pháp. Nghĩa vị là làm rõ một nghĩa tức rõ tất cả nghĩa. Minh chú giải thích như sau: có thể làm Bồ tát hay nhẫn, nhờ câu chú Bồ tát chóng đạt vô sanh pháp nhẫn (6). Bồ tát Di Lặc nói: một đề, mật đề, kiết đề, tư lý đề bát đà nê xá ha.

Tam ma địa Tàu dịch là Đẳng Trì, theo cựu dịch là Tam muội, nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu bình đẳng tâm đối cảnh, nên gọi là đẳng trì. Đại, không, đẳng là ba; ba món tam muội vô ngại biện; đối với các pháp có tài biện thuyết vô ngại. Đây là đức thứ hai nêu lên hạnh tự lợi; đức thứ ba nêu lên hạnh lợi tha. Ba thể tánh của chúng y cứ, pháp tu, quả vị, về ý nghĩa sẽ giải thích ở một phần khác.

Kinh giải rằng vô lượng công đức như thế mà các kinh nói trải qua nhiều kiếp cũng không thể nói hết được. Đây chỉ lược giải như sau: Kiếp dịch nghĩa là thời phận (phân số thời gian), chư Bồ tát tu tập thời gian lâu dài trải

qua vô số kiếp để tán dương công đức chuyển pháp luân đạt pháp vô sanh nhãn. Song e rằng văn rườm rà nên chỉ nói sơ lược một ít. Tại sao phải tán dương công đức chư Bồ tát ? Vì chư vị không còn tâm khinh mạn đối với chúng sanh, nên có lời tán rằng: chúng Thanh Văn trải qua thời gian lâu dài tu phạm hạnh nên chư Bồ tát phải kính l- để làm cho chúng sanh khởi tâm thanh tịnh. Chư Bồ tát còn tạo công đức như thế huống nữa chư Phật ư ? Cho nên chúng sanh chí thành hướng về chư Phật mong chóng chứng nên.

Kinh giải rằng: tên các vị Bồ tát là đại Bồ tát Kim Cang Thủ, Quán Tự Tại, Hư Không Tạng, Kim Cang Quyền, Diệu Kiết Tường, Đại Không Tạng, Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân đại Bồ tát, Tồi Phục Nhứt Thiết Ma Oán đại Bồ tát v.v... Từ đây trở xuống giải thích danh hiệu tám vị đại Bồ tát này. Bồ tát hay đại Bồ tát là nói tánh giác, tức tánh hay biết khắp cả. Bồ tát nói cho đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Tát Đỏa là giác hữu tình, ý nói chúng sanh cầu chứng ngộ trí giác. Đây là cách dùng thông dụng cả ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát). Từ Ma Ha dịch là đại; còn Tát Đỏa như trên đã lược giải. Đại là bao la rộng khắp. Bồ Đề là quả đạt đến trí giác. Tát Đỏa là làm cho chúng hữu tình giác ngộ, tức là gồm đầy đủ hai đức tự lợi và lợi tha. Từ Tát Đỏa còn hàm ý nghĩa là dũng mãnh nữa. Người tinh tấn dũng mãnh đạt tới giác ngộ viên mãn gọi là Bồ tát. Từ đây trở xuống giải thích hai phần phàm và thánh. Nay nêu điểm 10 nói về tâm Kim Cang nên còn gọi là ma ha tát. Giảng về Kim Cang Thủ, chữ thủ là lấy, cầm giữ. Khởi niệm tin thường hay nắm giữ các pháp công đức. Khởi trí huệ nắm giữ pháp Kim Cang chắc trên tay. Hai tay giữ hai phần tín, trí vững chắc không bị thế lực của tà ma hay bạn ác nào có thể phá hoại nổi. Quán Tự Tại tức là Bồ tát Quán Thế Âm. Quán là xem xét; quán xem hết thấy ba nghiệp: thân, khẩu, ý của chúng sanh bị khổ bức bách như thế nào, hoặc lúc cầu nguyện ra sao để kịp thời tới cứu giúp. Quán Tự Tại là sức oai thần khắp mọi phương sở một cách an nhiên tự tại không bị ngăn ngại. Hư Không Tạng là lấy không để che đậy các thứ trân quý, khi thấy chúng sanh nghèo khó không có của báu thì từ hư không mưa xuống các món báu ban cho kẻ bần hàn. Kim Cang Quyền hay quyền; quyền là sức mạnh có thể phá sạch tất cả, khi có trí huệ kiên cố phá dẹp sạch nghiệp chướng, phiền não sanh tử, như dùng nắm tay rắn rỏi đánh bạt mọi vật vậy. Diệu Kiết Tường tức là Bồ tát Văn Thù, theo cựu dịch là Diệu Đức. Diệu nghĩa là thiện, do thiện nên làm được nhiều việc phước đức lợi ích chúng sanh. Vì thế Bồ tát Văn Thù tên Diệu Kiết Tường là do ý nghĩa này vậy. Đại Không Tạng, Đại Không là cùng khắp pháp giới. Chân như tức lý không, lấy lý không đây làm nơi ẩn tàng, vì chúng sanh thuyết pháp không. Đem pháp không này ban cho chúng sanh làm cho tất cả đều thấm nhuần pháp giải thoát là danh hiệu của Bồ tát. Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân,

Luân có nghĩa là xoay vòng hay di chuyển. Pháp là giáo pháp, làm cho giáo pháp chuyển tải xoay vòng như bánh xe, nghĩa là làm cho Phật pháp thấm nhuần ở khắp mọi nơi mọi chốn. Vị đại Bồ tát này từ khi mới phát tâm cho tới chứng đạt thập địa, phạm mỗi động tác do ba nghiệp thân, khẩu, ý đầy khởi đều vì chúng sanh thuyết pháp mưu vi diệu làm lợi ích cho tất cả, là chuyển tải bánh xe pháp đến khắp mọi nơi chốn ... Tội Phục Nhứt Thiết Ma Oán là gì ? Ma có bốn loại như trên đã giải thích. Bốn loài ma này phá khuấy việc lành của chúng sanh gây ra nhiều chuyện oán đối nhau. Vị đại Bồ tát này trụ tâm Kim Cang lià phiền não của phần đoạn sanh tử nên trừ dẹp hết thấy bọn ác ma và bè đảng chúng. Trở lên trên đã giải thích danh hiệu tám vị Bồ tát trong đó có Kim Cang Thủ, lấy trí làm tên thiện. Quán Tự Tại lấy bi nhỏ sạch khổ làm hiệu, Hư Không Tạng cứu giúp kẻ nghèo làm tên tự, Kim Cang Quyền phá trừ ác, Diệu Kiết Tường làm thiện như con mắt, Đại Không Tạng biểu hiện pháp chân làm danh xưng, Chuyên Pháp Luân thuyết pháp làm lợi ích, Tội Phục Ma Oán sát tặc làm lợi lạc. Các Ngài hoặc lấy trí tuệ hoặc từ bi ứng xử hoặc bày pháp vọng hay pháp chân đối phó. Quyền như pháp vọng hoặc hiển như pháp hữu vi, vô vi để ứng đối. Hoặc tiến dùng thiện trừ ác và còn tùy từng trường hợp thích ứng mà hành xử nên nói biết là vậy.

"Có 800 vạn chúng đại Bồ tát bậc thượng thủ vây chung quanh như thế".

Tám trăm vạn là tám mươi ức; còn nói tiền hậu là lấy hướng làm đầu nên có trước có sau. Mỗi vị thấy Phật ngồi ở phía trước thuyết pháp cho họ nghe. Phật ngồi, đại chúng ngồi chung quanh hai bên không ai ngồi sau lưng như sao tỏ trắng sáng, như núi Kim Sơn cao thật cao. Nói Phạm chúng là vua trời Phạm Vương, như chư thiên vây chung quanh thiên đế, vì kính người, trọng đạo, khao khát giáo pháp hy hữu hiếm thấy nên lóng thần chú tâm lắng nghe Phật thuyết pháp.

Tuyên nói chánh pháp ban đầu, giữa, sau đều thiện, nghĩa lý hay đẹp thuần nhất viên mãn, phạm hạnh thanh khiết.

Đây là phần 6, tán thán pháp thù thắng. Sáu câu tổng quát tuyên nói chánh pháp. Hễ có tà thì không còn chánh, nên phân biệt hai tà pháp hay chánh pháp. Tuyên là nêu lên những gì chưa nghe, như mới nghe lần đầu trí hiểu biết còn bị chướng ngại nên phải nghe lâu để người nghe ngộ được nghĩa lý. Câu "ban đầu, giữa, sau đều thiện" nói chung có 10 đức việc giáo hóa vượt trội hơn hẳn. Du Già Sư Địa luận quyển 83 nói: một là sơ thiện, hai là trung thiện, ba là hậu thiện, bốn là văn hay, năm là nghĩa tuyệt, sáu là thuần nhất,

bảy là viên mãn, tám là thanh tịnh, chín là trong trắng, mười là phạm hạnh. Luận còn giải thích: sơ thiện là lúc đầu nghe, người nghe đã sanh tâm hoan hỷ. Do pháp vi diệu thù thắng nên mới được nghe liền khởi niệm vui thích. Trung thiện là trong khi tu hành không gặp trở ngại: khổ, nạn, bức ngặt mà nương theo giữa tiền tới trong sự tu hành hẳn tránh được hai thái cực khổ, vui. Tu hành không thiên lệch một bên mà đi vào trung đạo để cầu xuất thế nên gọi là trung thiện vậy. Hậu thiện là chót mãi sau rốt đều liả hẳn mọi cấu nhi-m và nhất là phải xa liả lòng dục bỏ lại phía sau. Phật thuyết pháp rốt ráo giải thoát xa liả mọi nhi-m ô, đạt đến Niết bàn chân thật. Nương theo pháp đây tu hành hẳn xa liả lòng dục. Văn hay là lời đẹp, câu gọn, ý khéo, nói chung tám từ này hoàn toàn trọn vẹn. Luận trên cuốn 81 nói rằng, phần đầu hay đẹp nêu lên tính trong sáng d- hiểu làm cho người thích muốn nghe, không đối nghịch không thiên lệch một bên ... là đủ 8 từ hay đẹp. Luận trên còn dẫn giải thêm: văn hay thì không dứt mà lời đẹp thì bất tuyệt. Nghĩa tuyệt, tức nghĩa lý xúc tích có thể dẫn tới nhiều lợi lạc tuyệt vời. Thuận nhất là chỉ có một không cùng chung với ngoại đạo; chẳng hạn như Phật nói pháp chỉ có Phật duy nhất mà thôi, bọn ngoại đạo không thể nói pháp được. Trong những pháp Phật nói không xen lẫn pháp tà ngoại đạo. Viên mãn là không còn hạn lượng nữa, đã đầy đủ rồi. Tột tôn thắng là giáo pháp rộng vô hạn, nghĩa lý sâu thẳm khôn dò mà người tu hành y theo pháp ấy đạt được công đức vô lượng không gì sánh bằng. Thanh tịnh là tự tánh trong sạch nên nghe pháp trong một tích tắc là ngộ liền không mắc lỗi lầm. Dứt hẳn ba độc, liả hết mọi sự ràng buộc nên nói tánh giải thoát. Nói cách khác hể còn ba độc khởi lên thì không thể thuyết pháp. Trong sáng là hết thấy mọi mối ràng buộc được giải thoát. Nếu không do nhứt niệm thì không thể dứt lỗi lầm liên tục, cũng không liả hết sai quấy, trước đã nói thanh tịnh thể tánh là xa liả, thì ở đây nói trong sáng là làm cho cả thân nữa cũng phải trong sáng. Phạm hạnh là lấy từ bát chánh đạo mà cái thể nó phải biết là do thực hành nhuần nhuyễn-n đường đạo này hiển lộ ra. Bát chánh đạo gọi là phạm hạnh. Như theo lối giải thích đây thì không giống lối giải xưa. Trở lên đã giải thích rõ 10 đức một cách tổng quát mà Kinh này nêu lên chỗ ưu thắng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì chúng Bồ tát mà nói pháp mầu vi diệu: Bát Nhã Lý Thú pháp môn thanh tịnh. Pháp môn này là cửa ngõ của hàng Bồ tát tu tập. Từ đây trở xuống nêu rõ phần 2: tùy căn cơ thuyết pháp. Trong đó, kinh chia ra 14 đoạn nhập chung thành ba phần: 6 đoạn đầu nêu lên cảnh giới của hàng Bồ tát, 6 đoạn kế nêu rõ hạnh Bồ tát và hai đoạn chót nêu quả vị Bồ tát. Tất cả giáo pháp chư Phật dạy nghĩa lý rõ ràng cũng không ngoài ba phần trên. Trước nhất nói về cảnh khiến người nghe phân biệt được các pháp nhi-m và tịnh, nhân quả, thiện ác ... pháp nào cần ngăn ngừa và pháp nào phải tu

để đoạn dứt. Kế đó nói về hành hay các pháp môn tu để đoạn dứt. Quả vị nói sau cùng khiến hành giả biết phần nào thực hành được đạt đến kết quả thù thắng. Sáu đoạn đầu nêu rõ cảnh mà trong đó còn chia ra 3 phần: hai đoạn trước nói rõ cái thể của cảnh. Thứ nhất nói về pháp môn thâm thâm vi diệu thuần thanh tịnh tức đối vọng hiển chân, tức là cảnh chân như. Thứ nhì nêu lên cảnh giới vắng lặng thuộc pháp tánh hàng Đẳng Giác, tức là cảnh trừ sạch tất cả hiển bày trí sáng. Chân như là tánh, chánh trí là tướng. Nói có trước, sau, sau đây sẽ giải rõ. Hai đoạn tiếp theo nêu rõ pháp thực hành. Thứ ba là pháp môn trừ diệt điều ác. Nhờ quán sát thật tướng mà diệt trừ điều ác. Thứ tư là pháp môn trí ẩn thanh tịnh bình đẳng. Do trí tuệ quán chiếu thông suốt rõ ràng. Hai đoạn sau nêu rõ quả vị. Thứ năm là pháp môn pháp vương quán đánh trí tạng, nêu rõ quả vị do tu tập đạt được. Thứ sáu là pháp Như Lai trí ẩn Kim Cang, nói rõ cách thực hành được tự thể quả vị. Sáu đoạn kế nêu rõ pháp thực hành lại chia ba phần: phần đầu 2 đoạn nêu rõ thật tướng, khởi tu đoạn dứt trừ tướng. Thứ bảy là pháp môn quán chữ vòng tròn, lia pháp hý luận, không nói bàn suông nhờ quán vô tướng đoạn hết phân biệt. Thứ tám là pháp môn bình đẳng quán vòng tròn rộng lớn, do quán sát bình đẳng mà ngộ được chân lý. Hai đoạn kế tiếp nêu rõ sức quán chiếu do tu tập đoạn dứt tướng. Thứ chín là pháp thanh tịnh cúng dường vô thượng do quán chiếu pháp chân thật cúng dường. Mười là pháp môn khéo hay điều phục tâm ý, do quán chiếu trừ dứt lòng căm giận. Hai đoạn sau nêu rõ hai pháp tu tập. Mười một là pháp tánh bình đẳng, tánh tối thắng, quán thật tướng các pháp về nhọn và pháp bình đẳng cùng khắp. Mười hai là pháp chúng sanh duy trì thắng tạng, tu tập quán chiếu về nhọn và pháp đầy đủ thiện duyên, nhờ quán sát sáu cảnh ở trước mà tu sáu hạnh; và hai đoạn sau cùng nêu rõ quả vị tu chứng. Mười ba là pháp môn rốt ráo không cùng vô tận. Khi đạt đến hai quả vị sau cùng thì thâm nhập một vị, vị giải thoát thù thắng. Mười bốn là pháp thâm thâm lý thú vô thượng đạt được hai quả vị, tự lợi, lợi tha đầy đủ làm chủ ba cõi, tùy theo chúng sanh mong muốn mà ban đức lợi tha. Nói chung đoạn 1 nêu pháp môn thanh tịnh thâm thâm vi diệu, dứt vọng hiển chân, chỉ rõ cái thật tướng chân như. Trong đây chia ba phần: phần tựa mở đầu: pháp Phật nói, tiếp theo Phật giải nghĩa lý sâu mầu và phần sau cùng là công đức Phật nói pháp. Đây là phần tựa thứ nhất xong. Lúc bấy giờ là tiếng chỉ thời gian thuyết pháp mà địa điểm tại thiên cung có đầy đủ chúng vân tập dự nghe tùy căn cơ Phật nói pháp hợp mọi trình độ để chúng lãnh hội. Thế Tôn là người nói pháp, tùy trình độ chúng Bồ tát không đồng mà nói pháp thích hợp. Pháp có hữu vi và vô vi. Vô vi là pháp tánh thâm thâm vi diệu - chân như - mà phạm phu khó thể đo lường nên nói là khôn dò. Hàng nhị thừa còn khó thấu hiểu được nên nói vi diệu. Bát Nhã lý thú là lý mầu nhiệm, còn gọi là pháp tánh, là đạo lý. Thứ là ý hướng, chỗ đạt tới đích.

Do ý đây Phật nói kinh Bát Nhã để hành giả đạt đến chỗ sâu mầu là ý thú quán chiếu tuệ giác siêu việt. Tự tánh trong sáng là thanh, lia mọi cấu nhiễm là tịnh. Môn là từ tạm gọi cửa nhập đạo, nhờ cửa này để hành giả hội lý, quán chiếu tu chứng mà muốn rõ nhị không thì cần phải lãnh hội lý Bát Nhã này. Ý pháp Bát Nhã tu tập mới có thể ngộ nhập được chân lý. Vì không còn từ nào khác khả dĩ nên phải dùng "môn" vậy. Môn chính là cửa, cửa này thế nào? Cửa này đi vào cảnh giới Bồ tát. Bồ tát có ba nghĩa như đã giải thích ở trên. Nghĩa của câu; câu là từ dùng phân biệt của các tiếng, không nói văn mà nói câu, vì câu chưa bao hàm được hết ý nghĩa thì không thể gọi văn được. Ý nghĩa pháp hoàn toàn khác biệt không nói cái thể mà chỉ nói nghĩa. Pháp có nghĩa là viên mãn không là cái thể. Câu có thể giải thích rõ ràng ý nghĩa muốn nêu rõ lời dạy mỗi mỗi đều đầy đủ hoàn toàn. Cho nên nêu chỗ rõ ràng cũng tức là nói sự hoàn bị. Tính chất rộng lớn có thể làm sáng và được soi sáng mà văn là pháp đã bao hàm câu được giác ngộ, chúng sanh phải khởi lòng đại bi mà trước nhất tu tập rồi mới mong giác ngộ. Người phát tâm Bồ đề dũng mãnh gọi là Bồ tát. Bây giờ về nghĩa thú lời dạy đã rõ ràng, tức là làm sáng tỏ nghĩa Bồ tát rồi vậy. Về lý của sự sáng tỏ tức là nghĩa Bồ tát đã được nói đến. Nếu nương theo lời dạy thực hành là đã xác chứng lý đây là Bồ tát. Sau khi tu đắc đạo viên mãn là Phật thì xả bỏ mọi danh. Bồ tát nói lược có ba giai đoạn: một là sơ phát tâm, hai là tu chánh hạnh, ba là ngộ các pháp. Ba giai đoạn này đều cần phải nương pháp tu tập mới có thể thấu đạt được pháp môn.

Thế nào là nghĩa thật Bồ tát ? Từ đây trở đi hai phần Phật nói rõ nghĩa Bồ tát, trong đó có ba điểm: 1/ Phật tự nêu nghi vấn, 2/ Giải đáp các nghi vấn, 3/ Khuyến khích tu tập. Giải nghi vấn đầu tiên này.

Nghĩa an lạc thanh tịnh hoàn toàn là nghĩa Bồ tát. Sau đây nói về nghĩa trong đó có hai: trước giải thích ý nghĩa và sau là hành trạng. Theo cách lý luận đơn giản người đời có thể nghĩa hơi khác không. Nay giải nghĩa rõ của "không" là vắng lặng. Nếu y giáo pháp phải giải thích như sau: ý nghĩa gồm có 41 nhóm từ. Phân tích Bồ tát trong đó có hai phần: phần trước 10 môn nêu rõ kết quả tu nhân thanh tịnh mà hiển lộ chỗ đạt ngộ. Phần sau về sắc, uẩn, vắng lặng có 31 cửa nương bản tánh các pháp và chỗ tu tập thanh tịnh, để nói rõ hơn những gì Bồ tát đạt được. Nói qua 10 môn Bồ tát tu nhân thanh tịnh biểu lộ 5 ý nghĩa của danh hiệu. Tiến trình tu tập Bồ tát qua 5 giai đoạn là: tu tập tổng quát, tu vô tướng, tu vô công dụng hạnh, cần tu nỗ lực, tu không thấy đủ. Tu tập tổng quát nói chung là tu sửa hành vi và đoạn trừ xấu ác, chuyên tu thiện, phát nguyện độ khắp chúng sanh; hoặc quán thân thể từ đầu tới chân, huyết mạch, gân tủy, hoặc quán xương cốt v.v... Tu quán

lìa 10 tướng trong pháp giới sai biệt này là tu vô tướng. Người tu tập từ từ phải quán vô tướng làm cho việc thực hành nhuần nhuyễn-an nhiên không gián đoạn, thứ thái hiện tiền là tu vô công dụng. Dù không dụng công sự tu tập vẫn còn chỗ hơn kém phải vượt qua trong việc nỗ lực thực hành. Một khi nỗ lực tu hành không sợ không đạt, thì đâu còn sanh tâm mừng lo. Tu như thế là không cần dụng công, cũng không bị ngăn che cho tới khi đạt giải thoát là không còn mừng lo nữa. Tướng cần nói rõ Bồ tát lúc được chuyển thức hiện tiền là phải dốc toàn lực có thể, vì quen tâm quý và thắng giải nên được thánh đạo lực trừ hai chướng (7), cũng có thể chia thành 5 quả vị tu tập mà Thập địa tu chánh hạnh phải trải qua 5 giai đoạn này. Những câu sau đây trình bày 5 quả vị tu chứng cần phải biết. Thứ nhất thuận thanh tịnh là không còn phân biệt, vô tướng hiện hành đến tương lai thành Phật là thanh tịnh phần. Đây là phần dẫn đến giải thoát nên gọi là thuận. Như Phật Luân Vương Tiên Bạch nói vô phân biệt, vô tướng hiện hành. Tu đạt được phần thuận thanh tịnh này thì không còn phân biệt nên ngộ được pháp lạc tức là trí vô lậu. Nếu còn phân biệt là không được thanh tịnh hẳn gặp quả khổ xấu ác. Không phân biệt là được thanh tịnh tất an lạc hẳn xa lìa khổ, cũng không còn tướng lạc nữa. Do không phân biệt nên rất an lạc được thanh tịnh thọ sanh. Có thể giải thích rõ câu này: Câu này tự nó đã rõ ràng tức là nghĩa Bồ tát. Bồ tát như đã giải nghĩa đầy đủ, lấy đó làm chuẩn, không cần giải thích thêm.

"Cái thấy hoàn toàn vắng lặng là thanh tịnh. Được thanh tịnh là Bồ tát, thanh tịnh vi diệu là Bồ tát". Câu này có hai nghĩa. Năm vị tu chứng đã lìa hết các tướng đạt pháp an lạc. Do chỗ thấy thanh tịnh nên lìa các tướng. Các tướng phần nhiều do thấy mà sanh. Vì được sự an lạc nên Phật vô cùng hoan hỷ. Vì chỗ thấy trong năm món kiến (8) mà từ hàng Thập địa trở lên đã đoạn dứt không còn thừa nên nói là hoàn toàn vắng lặng. Lấy pháp giới làm số nhiều để qua lại tự do trong đó mà được an lạc gọi là rừng an lạc. Chứng đắc là đạt được như ở ngoài cung vua có vườn ngự uyển, trong đó bày đủ thứ đồ chơi giải trí. Pháp giới cũng thế, khi thông suốt tất cả là tâm an lạc.

"Thanh tịnh dứt khát ái là Bồ tát, nghĩa pháp giới thanh tịnh siêu việt là Bồ tát, đủ các đức trang nghiêm thanh tịnh là Bồ tát". Trong đoạn này có 3 phần: khát ái là do tham dục mà sanh nên gọi là khát ái. Như con nai khát nước chạy tìm tung bụi mù mới thấy nước; tìm được nước tham uống thật nhiều cho bỏ công chạy tìm đó đây, thì chúng sanh cũng thế. Do phiền não, khát ái ... là những thứ bất tịnh lại cho là tịnh, rồi khởi tham muốn mong cầu là khát ái. Sự tham nhập này sanh hoặc do ái có trược hoặc do nghiệp phát ra. Tham là đầu mối của các thứ phiền não. - đây xin nêu lên một ví dụ: trước hiện tiền địa tham còn tiềm tàng, tới bất động địa thì trừ dứt hết nên

nói đoạn hẳn. Cái nhân tham diệt thì quả khổ không sanh, vì thế pháp giới thành thanh tịnh siêu việt. Chẳng hạn một thai nhi ra đời đã lia phần đoạn biến dịch, cái nhân quả sanh tử chấm dứt mới được quả dị thực thù thắng. Cho nên ở hiện tiền địa các tướng tốt do đó biến thành 8 tướng. Thập địa được các tướng tốt thanh tịnh trang nghiêm nơi thân, những phiền não xấu ác dứt sạch, quả vị sẽ đạt đến, tức mỗi niệm mỗi niệm tiêu trừ những xấu ác thô trọng của thân hữu lậu, còn nương thân hữu lậu này là còn mang những chứng bệnh bất trị như ung thư chẳng hạn. Ba thứ khổ (9) đeo đẳng bất an. Nếu ở hiện tiền địa được nghe kinh Bát Nhã tu vô tướng khiến cho sự nghe thâm nhập vào tạng thức thì những phiền não thô trọng như thuốc hay trị lành các chứng bệnh hiểm. Hàng Thập địa đã đoạn sạch phiền não là nói chung. Phiền não thô dứt hết thì khát ái diệt; khát ái diệt thì thành pháp giới bao la không còn niệm xấu ác, lòng thương bắt đầu phát khởi. Trong phần sau đây sẽ nói rộng thêm. Nói về thai tạng, Luận Du Già nói: bào thai qua 8 giai đoạn như sau: 1/ kết tinh như cục huyết ngưng, 2/ đặc như sữa hình vân cầu, 3/ tượng hình cục thịt mềm nhũn chưa có các căn, 4/ thân căn cứng chắc biết xúc chạm, 5/ các bộ phận lớn dần theo ngày tháng, 6/ bắt đầu tóc, lông, móng mọc ra, 7/ tai, mắt v.v... các căn sanh, 8/ bây giờ vóc dáng người đầy đủ. Do nghiệp đời trước hoặc do người mẹ hay tại ác duyên khiến thai nhi hình dáng, tóc, da hoặc tứ chi sanh ra khác thường. Do người mẹ ăn nhiều chất mặn, chất nhờn hoặc do nghiệp khiến tóc, lông thai nhi thưa thớt. Do người mẹ dùng nhiều đồ nóng hoặc do nghiệp khiến hài nhi sinh ra đen đúa; cũng như ảnh hưởng lạnh quá khiến da trắng chạch. Ăn nhiều chất cay khiến hình hài nhi đỏ lói. Người mẹ dâm dục quá độ khiến thai sanh bị ghẻ hoặc rụng tóc. Ảnh hưởng người mẹ chạy nhảy quá độ hoặc ngã hoặc khum làm cho hài nhi khuyết tật. Bé gái nép hông bên tả dựa lưng ôm lấy bụng mẹ. Bé trai nép hông bên hữu dựa bụng ôm lưng mẹ. Thai tới kỳ sanh sản người mẹ không thể chịu đựng nổi sức nặng như sức ép đau đớn biết là dường nào ! Do nghiệp đến kỳ thọ báo thác sanh, gió nghiệp đẩy khiến đầu chúc xuống chân quay lên, thai nhi nắm lấy cuốn nhau theo cửa mình mẹ chun ra. Lúc thai nhi chính thức chào đời cuống nhau tách rời hai bên nách ra. Lúc em bé chào đời khiến khắp toàn thân mẹ đau đớn không sao tả xiết !

Kinh Đại Bát Nhã quyển 589 nói: thân người có 36 thứ bất tịnh hợp thành như: 1/ tóc lông, 2/ móng, 3/ răng, 4/ da, 5/ máu, 6/ thịt, 7/ gân, 8/ mạch, 9/ xương, 10/ tủy, 11/ tim, 12/ gan, 13/ phổi, 14/ thận, 15/ lá lách, 16/ mật, 17/ tế bào, 18/ bao tử, 19/ ruột già, 20/ ruột non, 21/ cứt, 22/ đái, 23/ nước mũi, 24/ nước miếng, 25/ nước dãi, 26/ nước mắt, 27/ cáu, 28/ mồ hôi, 29/ đờm, 30/ mủ, 31/ mỡ nước, 32/ mỡ chài, 33/ óc, 34/ màng, 35/ tinh, 36/ khí. Khi lớn lên tiếp xúc 6 trần, tùy việc học hay gia thế; tạo nghề nghiệp mà thọ các

cảnh khổ hoặc vui. Cũng tùy nghề nghiệp đã tạo trôi lăn trong 5 đường rồi lại thọ thân người. Ngược lại, Bồ tát do nguyện lực thọ sanh nhập thai mẹ cho tới khi được chứng quả thì không còn ác nghiệp; cũng như không để mẹ tập quen gần việc ác thì mình không tổn hại. Bồ tát không để mẹ phải chịu các sự khổ, khi lớn khôn cũng không phạm phải điều ác như đã nói, chỉ dùng bi trí đi thọ sanh nên khác biệt người thường. Thân biến đổi không như thân thường, có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trông thật hết sức trang nghiêm, là nhờ tu tập bi, trí mà được thân này. Trong kinh nói: ý được thanh tịnh hoàn toàn là Bồ tát, đạt đến nghĩa mâu thuẫn thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Giải thêm câu này trong hai nghĩa: phải hiểu rõ rằng ánh sáng của đại pháp thì vô lượng, không hạn nơi hình tướng, là đạt tới pháp giới trong 10 phương trải thân tướng vô lượng vô biên cho nên nói rất thích hợp soi sáng hành động gọi là pháp quang minh. Đã thấu triệt được pháp tánh rộng lớn là ngộ chân lý, ý này rất thích hợp để hiểu một cách rõ ràng nên gọi là pháp quang minh. Hai phần này lia nhi-m nên được thanh tịnh.

Trong Kinh nói: thân an lạc thanh tịnh là Bồ tát, ngữ hay khéo an lạc thanh tịnh là Bồ tát, ý hay khéo an lạc thanh tịnh là Bồ tát. Đó là chân nghĩa Bồ tát. Giải thêm: trong ba câu trên thuộc phần năm làm cho pháp thân viên mãn hoàn toàn nhiếp thọ thắng nhơn sau này. Thập địa gọi là viên mãn địa, Phật địa để hoàn tất cái nhân tối thù thắng nên nói là thắng nhơn. Thắng nhơn đây nhắm tới nghĩa thanh tịnh của ba nghiệp mà trước hết cái nhân chính là ý thanh tịnh và hai nghiệp thân, khẩu giúp an lạc và về lâu xa sau pháp thân viên mãn thanh tịnh. Vì ba nghiệp bất tịnh thôi thúc khiến hiện tại mất an lạc và pháp thân sau này khó có thể thành tựu. Mười câu trên rất rõ ràng Bồ tát tu tập đạt quả thanh tịnh để nêu rõ chỗ sở hữu của Bồ tát. Thanh tịnh hoặc nhi-m, phải lia thanh tịnh, chẳng hạn người hay giỏi tu tập thì được thanh tịnh. Bồ tát tu tập không rời nghĩa thanh tịnh này. Cho nên các địa trước có chia thành địa thượng, chứng đắc, là nêu cái lực lợi lạc được tái sanh ở quả vị hiện tiền địa. Kinh nói: sắc uẩn vắng lặng là Bồ Tát thanh tịnh; thọ-tướng-hành-thức uẩn vắng lặng là Bồ tát thanh tịnh. Nhãn vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát thanh tịnh; nhi-tỷ-thiệt-thân-ý vắng lặng là nghĩa thanh tịnh là Bồ tát thanh tịnh. Sắc vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh; thanh-hương-vị-xúc-pháp vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh. Nhãn giới vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh. Nhi-tỷ-thiệt-thân-ý giới vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh. Sắc giới vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát; thanh-hương-vị-xúc-pháp vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát thanh tịnh. Nhãn thức giới vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh; nhi-tỷ-thiệt-thân-ý-thức giới vắng lặng là nghĩa thanh tịnh, là Bồ tát thanh tịnh. Từ đây trở đi nêu

phần hai nói về 31 môn nương các pháp đều vắng lặng là nghĩa thanh tịnh để hiển bày những gì Bồ tát sở đắc. Trong đây phân thành hai: trước nhất 26 môn nêu rõ pháp thế, xuất thế làm chỗ nương tựa, y nơi bốn tánh hoàn toàn thanh tịnh, để nêu rõ chỗ sở hữu của Bồ tát. Thứ hai thiện hay bất thiện phân năm gồm hai pháp nhi-m, tịnh bản tánh vắng lặng thanh tịnh khác biệt, để nêu rõ nghĩa thật của Bồ tát. Trong 26 môn phân làm ba. Đầu tiên hiển minh chỗ pháp thế tục vốn vắng lặng thanh tịnh, để chỉ rõ sở hữu của Bồ tát. Kế có 16 môn hiển pháp bày. Pháp xuất thế tùy thuộc bản tánh vắng lặng để nêu rõ sở hữu của Bồ tát. Sau hết một môn nêu chung pháp thế gian và pháp xuất thế làm chỗ nương tựa bản tánh vắng lặng thanh tịnh để nêu rõ sở hữu của Bồ tát. Trong 9 môn cũng phân thành chín phần, mỗi một lại chia thành ba tức là ba tiết. Lại phạm phu do tánh biến kế chấp ngũ uẩn: sắc, thọ v.v... bản tánh vốn vắng lặng mà vắng lặng là thanh tịnh. Chỉ tâm vọng tức cảnh không mà dựa vào các cửa khác bản tánh cũng không. Kinh cũng cho rằng sắc như bọt nhóm tụ cho bong bóng nước, tư tưởng giống ánh chớp lóe lên, thức như cây chuối đều là huy-n hóa. Sắc giống bọt nước tăng giảm nhanh chậm do nước mà có. Nghĩ tới ăn uống, nước bọt tiết ra không cần tiếp xúc vật, không giống như bùn sinh quây lên mới thành hình dáng. Lại nữa, không phải tụ thật cơ hồ có nhóm tụ là hiện hình cho chúng sanh nhận rõ, nên lấy bọt nước để dụ. Ba thứ hòa hợp sanh tồn tại không bao lâu cũng như pháp vậy. Dưới có nước, trên có trời mưa, có gió thổi mạnh nước sanh bọt nước. Ba thứ hòa hợp đầy đủ các duyên sanh pháp cũng thế. Năm món biến hành như xúc v.v... của tâm sở giản lược không thể nói hết, phát hiện nhanh chóng và tồn tại ngắn ngủi, cũng giống như ánh lửa. Tánh dao động cũng thế có vô số tướng hoại biến đổi, sanh khởi khiến cảnh bị duyên khởi, điên đảo làm cảnh giới phát hiện. Do đó phân biệt các tướng nam nữ khác nhau. Các loại hình tướng giống như cây chuối là để nói lên tính dòn bở không bền chắc của vật. Lá lớn thân cao lớn mà dòn bở d- bị gãy. Nếu người nào cầm dao thật bén chặt ngay gốc chuối đốn gốc chặt lá thì chuối không lên được nữa hưởng gì kết trái. Đệ tử Phật dùng dao huệ chặt đứt năm món thủ, tạo tác, ưa đắm, ngã, kiến là đốn chặt tận gốc, đoạn ngã kiến là nhổ trừ hết cành lá. Duy ở các loại tư, hành v.v... khác nhau, hưởng gì còn thừa cái ngã cố hữu mềm như chuối. Thức cũng huy-n giống như nhà thối miên đứng tại bốn góc phổ tạo ra những hình giả. Nhà ảo thuật ví dụ người có phước hay không phước không nói tới hành, thức. Dụ đứng bốn góc đường phố là trụ nơi bốn thức. Bốn việc giả như voi, ngựa, thú, người v.v... ta trông thấy nhưng không phải voi, ngựa thật. Như thế, nên biết rằng, theo phước đức thức trụ nơi bốn thức, cho dù các tướng tác tạo, thọ, ngã v.v... song đó không phải thật ta có thể nắm được. Vì thức trong ẩn thật tánh ngoài hiện tướng khác cũng như trò đùa. Nên biết y tha tánh vắng lặng cũng như thế. Pháp

huy-n thì vô tự tánh nên gọi là pháp không. Thể của viên thành thật thật lý là phi không chẳng không. Nhờ y theo hai không môn có thể ngộ được nên là không. Cho nên ba pháp đều gọi là không. Trên đây là ngài Hộ Pháp giải, ngài Thanh Biện chú thích. Thế gian vọng chấp cho rằng sắc v.v... là hơn hết khi nhập chân sắc đều không. Vì gốc không nên vắng lặng như mặt trăng thứ hai, là do vọng mà có chứ thật ra làm gì có. Gốc đã vắng lặng thì những cái theo sau vắng lặng đều lấy đây làm chuẩn để biết, đều ứng với hai cách giải thích. Chỉ giải pháp, không giải lý để làm sáng tỏ câu không tịch. Làm sáng tỏ không tịch là nghĩa câu Bồ tát rõ ràng theo đây mà hiểu danh Bồ tát.

Các pháp chứa nhóm là uẩn, sanh ra là xứ (nơi). Do tánh loại, dòng giống, nơi chốn khác nhau là cõi, biến hình là sắc, lãnh nạp là thọ, tướng tượng là tướng, tạo tác là hành, phân biệt là thức, tâm sở (12) lấy hai pháp: thọ, tướng để giúp tâm mạnh hơn. Tu thiền cõi vô sắc nhờ hai tác dụng tâm sở này hơn hết. Ngoại đạo cho là cái nhân sanh tử, nên gọi riêng là uẩn. Uẩn chỉ hàm pháp hữu vi, không bao hàm pháp vô vi. Thoát ly sanh tử thì xứ căn không hoại. Cảnh hiện tiền có thể sanh nơi thức. Cho nên căn và cảnh có cái danh riêng là xứ. Thức khởi sanh không thuộc vào xứ mà thông suốt vô vi, vì cảnh thức sanh khởi. Sáu căn mỗi căn đều có cảnh riêng nên khác nhau. Sáu cảnh làm căn mỗi căn khác nhau nên mang tên riêng. Sáu căn, sáu cảnh là xứ hợp sáu thức thành 18 giới cũng thông pháp vô vi để phá chấp trừ phiền não loài hữu tình gồm thượng hạ, trung căn sai biệt mà phân ba khác nhau. Ba phần cộng chung pháp hữu lậu, vô lậu, ngoài ra các phần khác như các luận có giải rõ. Kinh nói rằng mắt tiếp xúc cái vắng lặng "thanh tịnh là nghĩa của Bồ tát. Mắt xúc chạm là duyên sanh ra các cảm thọ vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc là duyên sanh ra các cảm thọ thanh tịnh vắng lặng, là nghĩa Bồ tát". Trong phần này có hai nghĩa. Trong phần tâm sở có hai cái đứng đầu để phân ba vị hay năm vị khác nhau. Các căn sanh thì tiếp cận có thể tâm sở sanh mà xúc là mạnh hơn cả. Xúc là tiếp xúc, tức tiếp cận đụng chạm tới vật khiến tâm hay tâm sở cùng chạm xác với cảnh. Xúc do ba thứ căn, cảnh, thức hợp nhau mà sanh là ba món hòa hợp mà trong các kinh luận gọi là tam hòa. Do các căn thay đổi dẫn tới xúc, lúc chạm xúc biết cảnh nên nói mắt tiếp xúc, (tai, mũi v.v...) cho đến ý tiếp xúc. Do xúc phân biệt dẫn tới ba món hòa hợp sanh mà một trong các tâm sở trước tiên là xúc. Thọ có thể cũng giống như xúc, là 3 trong 5 món biệt cảnh (13) tiếp cận thuận chiều nên chỉ nêu 6 món xúc làm duyên sanh ra sáu cảm thọ mà không nêu hết. Hai pháp đây cũng gọi là hữu chi và dị thực (14) nên giống như các uẩn khác. Nói không tịch (vắng lặng) cũng là sở hữu, tức ý nghĩa sở hữu của Bồ tát mà không nêu các tâm sở khác.

Kinh nói rằng cảnh giới vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Cho đến lửa, nước, gió, hư không, thức, giới cũng vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Trong một pháp đây là bao hàm 6 cõi chúng sanh. Biết tứ đại vốn không, tức trong thân là sắc của không giới. Thức gồm có tám thức. Trong đó chỉ nêu lên ba món căn bản mà sắc là chỗ nương gá nên chỉ nói tứ đại. Hành động nương theo lời nói là không giới; nội thân không có sắc của không này nên bất động. Tâm sở làm chỗ nương đối với thức. Luận chỉ nói phần căn bản nên giới hạn trong sáu căn, chứa nhóm những ảnh tượng nơi thân tứ đại. Thức hay phân biệt, tới lui, chuyển động tạo tác nên vắng lặng không tăng không giảm. Kinh nói: Khổ là nghĩa thật vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Tập, diệt, đạo cũng là chân lý mang ý nghĩa vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Chỉ có một pháp tứ đế này mà hàng nhị thừa (15) chủ trương sai biệt nên gọi là thế tục. Khổ là sự bức bách đoanh vây bất ổn, không an lạc, các pháp hữu lậu đều như thế. Các loài hữu tình và khí thế giới (cõi chúng sanh ở) đều là khổ, phiền não, nghiệp là khổ. Hệ quả khổ có ba hay tám thứ. Ba khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Tám khổ là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ghét nhau phải đối đầu là khổ, thương nhau mà chia cách là khổ, cầu mà không được là khổ, 5 uẩn tách rời hay hưng phát là khổ. Khổ về sanh có hai thứ: một, các khổ bên ngoài do hoàn cảnh bức ngặt; hai, các khổ trước còn thừa lại. Khi ở trong bào thai mẹ phải chịu đủ mọi bất tịnh vây hãm bức ngặt thật khổ vô vàn. Ngay lúc ra khỏi thai cũng chịu đủ mọi thứ cực hành làm thân thể đau đớn vô cùng. Vì sanh nên có già, bệnh, chết mới có các khổ đeo đẳng. Cái khổ về già là lúc thân thể bại hoại, biến đổi v.v... Cái khổ về bệnh là khổ lớn nhất làm kinh hoàng cả thân tâm đều biến đổi v.v... Khổ về chết là lúc mạng sống kết thúc không còn tồn tại ở đời v.v... Ngoài bốn thứ khổ ấy ra, các khổ khác phải biết mỗi thứ đều có những nỗi khổ riêng mà từ cổ chí kim người ta đã nói đến. Để có nghĩa là chắc thật. Khổ chắc hẳn không một ai tránh khỏi, không gì đổi khác nên nói là chắc thật. Người phạm không hay biết trước, nhưng bậc thánh nhân đã rõ khổ như thế nào. Bậc thánh chân thật nên gọi là Thánh đế. Tập có nghĩa là nhân mà phiền não, nghiệp hay tích tập sinh ra khổ. Khổ bao hàm các pháp hữu lậu mà tập dứt thì quả khổ dứt. Diệt là trạch diệt, tức là Niết bàn, có bốn tướng loại. Đạo là thánh đạo, con đường giải thoát, là Thánh hạnh, vô lậu và hữu vi. Hai pháp đầu (khổ, tập) thuộc về hữu lậu, hai pháp sau (diệt, đạo) là vô lậu. Bốn diệu lý này là một thể chân như, do chỗ nương khác nhau mà phân thành bốn loại, song tánh nó vốn thanh tịnh. Kinh nói: nhân duyên vắng lặng "nghĩa thanh tịnh là Bồ tát, gồm đẳng vô gián duyên (16), sở duyên duyên (17), tăng thượng duyên (18), vắng lặng thanh tịnh là Bồ tát". Thân cận các thể sanh các pháp làm nhân, lấy nhân làm duyên gọi là nhân duyên. Duyên kết chặt với bốn duyên nói chung, trừ Phật quả, nhân đặt trên 7 thức của

kiến phần, tướng phần huân tập chủng tử (hạt nhân) làm nhân duyên. Hạt giống cùng loại cùng sanh hay hiện sanh đều gọi là nhân duyên, đều là thân cận thể tự sanh quả. Đẳng vô gián duyên là tâm (vương), tâm sở mỗi mỗi tự hàm chứa. Trước trông vào sau là vô gián duyên v.v... có hai nghĩa: một là tên tương tự; vả, trong tâm sở trước cũng có một phần thọ, sau cũng có một phần thọ nữa dùng thể nó gọi là tương tự. Hai là lực bằng nhau gọi là đẳng loại như trước nghĩ một pháp và sau một pháp là vô gián duyên. Trước nghĩ tất cả có thể cùng so sánh với một pháp sau là vô gián duyên nên gọi là đẳng vô gián duyên. Đó là mở lối, trước tiên nghĩ tới cái biết của mắt sau hợp với tụ điểm mắt là vô gián duyên. Điều này không cùng với tai, mũi v.v... đồng thời sanh mà ít nhiều sanh khác nhau. Sở duyên duyên đồng cảnh có cái thể pháp sanh tâm làm duyên. Phần trên của tâm tải theo các tướng trạng mà cảnh lấy đi là bị sở duyên, có đầy đủ hai nghĩa được và bị khác nhau. Tăng thượng duyên có uy thế vững cùng với uy thế đó khiến tâm phát sanh. Thể của vô gián duyên do tâm vương, tâm sở, mà sở duyên duyên thì thông hết mọi pháp. Hai duyên này chờ tâm vương, tâm sở thành kết quả. Thể của nhân duyên thông tất cả pháp hữu vi và kết quả cũng vậy; thể của tăng thượng duyên thì quả cũng thông tất cả mọi pháp.

"Vô minh vắng lặng, thanh tịnh là nghĩa Bồ tát, thì hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử cũng vắng lặng thanh tịnh ..." là nghĩa Bồ tát. Mười hai nhân duyên này khởi từ vô minh do si làm thể mà có hoặc nghiệp (nghiệp mê lầm). Hành là chung ba nghiệp không phước, không phi phước mà là nghiệp bất động. Cả hai phần đều đưa tới chủng tử (hạt mầm) hiện hành. Thức là căn bốn thức, danh sắc thông năm uẩn, lục nhập (xú) tiếp xúc sáu căn; xúc và thọ tánh khác nhau nhận cái thể làm thể. Thức phân thành năm chủng tử. Ái nhận tham ái làm thể riêng; thủ nói chung gồm những phiền não làm tánh, cả hai đều hàm các chủng tử ở hiện tại. Hữu dung hợp sáu chi làm thể, nên hai chi ái, thủ không rời nhau. Hành v.v... ở trước và sáu chi tiếp theo đưa đến kết quả hiện tại. Sau hữu là sanh nên nói là có mà hữu chính là hạt mầm. Từ hữu đến hữu thể chưa qua sự biến đổi tới sở hữu thuộc ngũ uẩn gọi là sanh. Từ thay đổi đến chấm dứt những gì thuộc năm uẩn là lão tử hay già chết. Do vô minh tạo thiện hay ác chứa nơi căn bốn thức (tạng thức) cùng các thức khác mà năm cảm xúc tùy thuộc, nên ái, thủ không rời nhau. Sáu chi trước phải đưa tới kết quả là sanh chính là tên của hữu. Hình dáng tướng sanh ra là sanh; thay đổi tới chấm dứt là tử. Thể mười hai chi là hữu lậu như Duy thức có nói rõ tướng trạng mỗi chi. Kinh giải rằng, bồ thí ba la mật vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ (Bát nhã ba la mật) vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Từ đây trở đi phần 2 có 16 môn nói rõ pháp bị duyên mà bản

tánh nó vốn vắng lặng, để làm hiển lộ nghĩa sở hữu của Bồ tát. Trong đó phân ra làm ba: một nêu rõ hạnh có sáu môn, hai nêu rõ vị có hai môn, ba nêu rõ đức có tám môn. Trong phần hạnh lại chia làm ba: 1/ đề cập chung hạnh lục độ, 2/ hạnh lý sở quán, 3/ hạnh tu riêng biệt. Đây nói phần đầu bố thí, có ba loại: tài, pháp và vô úy thí, do tâm vô tham và chỗ phát khởi của nó do hai nghiệp thành. Trì giới có ba cách nhiếp luật nghi (19), nhiếp thiện pháp (20) và nhiều ích hữu tình giới (21). Lúc thọ giới Bồ tát dùng ba nghiệp lãnh thọ. An nhẫn hay nhẫn nhục có ba: 1/ an tâm thọ khổ, 2/ kiên nhẫn chịu oán hại, 3/ quán xét các pháp thâu đáo. Trong đây theo thứ tự thì không sân, tinh tấn, trí huệ phát khởi ba nghiệp thiện. Tinh tấn có ba: 1/ bị giấp, 2/ nhiếp thiện, 3/ lợi lạc. Trong ba loại này lấy tinh cần và chỗ khởi ba nghiệp làm thể. Tịnh lự hay thiền định có ba: 1/ an trụ, 2/ dẫn phát, 3/ biện sự. Trong ba môn này chỉ lấy đẳng trì làm tánh. Trí tuệ có ba: 1/ gia hạnh, 2/ chánh trí, 3/ hậu trí. Ba môn này lấy trạch pháp làm tánh. Như trên đã nói cũng chỉ nói tự tánh. Ngoài ra những mối liên hệ ràng buộc mỗi mỗi đều lấy hạnh công đức làm tánh. Tại sao tu sáu độ mà giác ngộ ? Đó là do bảy pháp tối thắng dẫn đạo 1/ an trụ Bồ tát hạnh, 2/ nương theo tâm đại Bồ đề, 3/ ý ưa thương xót chúng sanh, 4/ sự nghiệp hoàn thành các hạnh đầy đủ, 5/ khéo phương tiện vô tướng nhiếp độ, 6/ hồi hướng tối thượng hướng về Bồ đề, 7/ thanh tịnh tối thắng là lìa hai chướng nhi-m. Đầy đủ bảy pháp tối thắng đây là đạt đến giải thoát. Trái lại không thành tựu là không đến được bờ bên kia. Do thí đây v.v... hàm đủ bốn câu: 1/ thí không phải ba la mật thì không đầy đủ 7 pháp tối thắng, 2/ Ba la mật thì không người thí, vật thí và người nhận, tức là đủ 7 pháp tối thắng, 3/ cũng bố thí bằng ba la mật, tự thực hành hạnh bố thí đầy đủ 7 pháp như trên, 4/ không thí, chẳng ba la mật, cũng chẳng thực hành hạnh bố thí, thấy người bố thí không tùy hỷ. Tu pháp lục độ đây có năm: 1/ tu theo nhậm trì, 2/ tu dứt tác ý, 3/ nương ý vui tu tập, 4/ theo pháp phương tiện, 5/ ung dung tự tại. Trước hết, tu theo nhậm trì có bốn cách: 1/ dựa nơi nhận, tức y theo chủng tánh lực tu chánh hạnh, 2/ nương theo dứt báo tức thẳng thân tu chánh hạnh, 3/ nương nguyện tu chánh hạnh, 4/ y theo giản trạch tu chánh hạnh. Thứ hai dứt tác ý cũng có bốn cách: 1/ y sự hiểu biết vượt mọi đối đãi của khế kinh gia tăng sức tin hiểu. 2/ nương vào yêu thương vượt lên chỗ thấy có công đức để khởi tâm sâu sắc, 3/ tùy hỷ với chúng sanh trong việc thực hành lục độ, 4/ nương ý muốn tu đối với mình và người đời sau nguyện tu lục độ. Thứ ba nương nơi ý vui tu tập có sáu: 1/ không làm lu mờ ý hướng tu tập như việc bố thí chẳng hạn mà Bồ tát trong khoảng một tích tắc đem bảy món báu trong tam thiên đại thiên bố thí cho chúng sanh, cũng như đem vô số thân mạng bố thí. Bố thí vô số thân mạng như thế trong nhiều kiếp cho một cõi chúng sanh hay nhiều cõi chúng sanh, là đều muốn thành tựu hạnh nguyện Bồ tát mau chứng vô thượng Bồ đề. Lúc

ấy mới gọi là bố thí rốt ráo ý không ngăn ngại. 2/ ưa thích muốn làm việc bố thí rộng khắp mà hàng Bồ tát thực hiện liên tục không một giây phút gián đoạn thoái chuyển, cho đến khi đạt được vô thượng Bồ đề, 3/ ý hoan hỷ, Bồ tát lúc bố thí như thế đối với người đến cầu xin sanh tâm đại hoan hỷ. Người nhận của thí tuy vui song không như Bồ tát hoan hỷ bố thí. 4/ ân đức hoan hỷ: Bồ tát làm việc bố thí, quán sát đối tượng như chính bản thân, là một đại ân đức mà không thấy có mình thì ân cho người. Vì người nhận thí giúp ta thành tựu đạo vô thượng Bồ đề nên gọi là ân đức. 5/ tâm vui không nhi-m: Bồ tát làm việc phước đức đối với vô số chúng sanh mà không cầu báo đáp trong tương lai nên gọi là ý vui thí không nhi-m. 6/ ý vui hoàn hảo: Bồ tát dùng pháp tu bố thí rộng khắp là vì chúng sanh chứ không vì mình nên được kết quả tốt. Lại đem phước đức này hồi hướng cho tất cả chúng sanh thành đạo vô thượng Bồ đề, nên nói ý ưa thích bố thí. Ngoài ra năm độ khác đều có giảng rộng. Thứ tư, tu pháp phương tiện, do trí vô phân biệt quán sát tam luân (người thí, kẻ nhận, vật bố thí) đều thanh tịnh, do đó chóng thành tựu đạo quả. Thứ năm, tu tập ung dung tự tại có ba: 1/ thân tự tại: tức tự tánh thân thọ dụng, 2/ hành tự tại: tức thân biến hóa phi hành thị hiện, các loài chúng sanh cùng pháp tu hành, 3/ thuyết tự tại: nói lục độ mỗi mỗi sai biệt không ngăn ngại.

Chân như vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Pháp giới, pháp tánh đều chẳng hư vọng, không biến đổi, tánh bình đẳng, tánh vô sanh. Pháp định, pháp trụ thật tế khắp cùng cõi hư không, không thể nghĩ bàn, vắng lặng thanh tịnh, là nghĩa Bồ tát. Phần hai: quán lý thực hành trên nói hợp 20 pháp không. Mà không tức là vắng lặng, danh từ giống nhau nên không lập thêm, vì thể không nêu ra. Thể chân như này tuy vắng lặng mà có khác nên biệt lập. Trong chân như có tám danh gọi chung một thể tánh là chân như. Chân là chân thật hiển bày cái không hư vọng, như là thường hằng nêu lên tánh không biến đổi, tức hàm nghĩa như như bất biến, che vọng hiển thường là chân như. Pháp giới là tướng nương gá của ba thừa diệu nghĩa. Pháp tánh là bản thể chân thật của vạn pháp. Tánh không hư vọng xa lìa mọi vọng tưởng điên đảo là tánh chân. Tánh không biến đổi là hết thảy mọi thời không thay đổi. Tánh bình đẳng cùng khắp mọi pháp. Tánh vô sanh, sanh tức là đơm cành trở nhánh như cây trái sanh thức ăn v.v... Sanh đây do các pháp hư vọng hữu lậu mà có nên ly sanh là tánh bền chắc. Vã lại sanh tức là sanh diệt mà lìa thể sanh diệt là đạt tánh vô sanh. Thực tế không bị điên đảo ràng buộc mới chính thật đạt đến cứu cánh tận cùng, qua vô ngã và vô cầu. Trong đây tóm lược chỉ nêu lên có tám: thứ nhất gồm mười hai danh mà pháp đối pháp còn sáu danh. Thể của các pháp là một mà tên gọi có muôn sai; hạn chế đối pháp sai biệt nên thành nhiều loại.

Bốn pháp thiền định "nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát". Từ đây trở lui phần thứ ba hạnh tu riêng biệt gồm có bốn: 1/ thiền cõi vô sắc, 2/ Bồ đề phần, 3/ giải thoát môn, 4/ phân biệt đối trị. Giải phần thứ nhất: tịnh tâm chuyên nhất vào một cảnh định sanh công đức tuệ được thù thắng thì đạt đến cõi định xa lìa các điều ác những pháp bất thiện, gọi là ly dục ở cõi ly sanh hỷ lạc hay cõi sơ thiền. 2/ lìa khỏi tầm-từ-hỷ đạt đến nhị thiền, 3/ lìa hẳn hỷ-lạc đạt cõi định, 4/ xa lìa hết tầm-từ-hỷ-lạc đạt định xả niệm thanh tịnh. - đây chỉ nêu tổng quát cõi sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền các tên khác nhau, là không có tên khác, mà chỉ ở cõi sắc là gồm cả pháp hữu lậu và vô lậu. Bốn vô lượng tâm là: tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả hợp cùng tâm lạc, tức tâm từ ban vui, mà tánh nó lại không sân; tâm bi nhỏ sạch gốc khổ tánh nó là không si không làm tổn hại, tâm hỷ là ban vui mà bản tánh không đi ngược lại các thiện căn, tâm xả là làm cho người lợi ích mà vẫn không câu chấp việc thiện. Bốn tâm này gồm trong pháp hữu lậu và vô lậu ở bốn cõi thiền không thiếu nên gọi là vô lượng tâm. Bốn cõi sắc vô định là không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ gồm cả hữu lậu vô lậu chung cho cả ba thừa đều đầy đủ.

"Bốn niệm trụ vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Bốn chánh căn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát". Đây là phần hai: Bồ đề hạnh. Bốn niệm trụ: thân thọ tâm pháp lấy huệ làm tánh. Huệ hợp với niệm an trụ trong 4 cảnh này gọi là niệm trụ. Bốn chánh đoạn: 1/ luật nghi đoạn, tức điều ác đã sanh muốn mau khiến cho tiêu diệt, 2/ đoạn đoạn, tức ác chưa sanh muốn khiến đừng sanh, 3/ tu tập đoạn, việc thiện chưa sanh làm cho chóng phát sanh, 4/ phòng hộ đoạn: đối với việc thiện đã sanh khiến tồn tại làm cho tăng trưởng. Bốn tâm lấy tinh tấn làm thể phát trí tuệ dần dần để tự điều phục gọi là chánh đoạn. Bốn thần túc là tâm chuyên quán sát dục; do bốn pháp đây đưa tới định. Bốn thần túc lấy định làm thể. Do vận dụng sức tự tại tại thân diệu nhờ định mà đạt được nên gọi là thần túc. Năm căn là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Với pháp xuất thế nó đứng đầu nên gọi là căn hay cội nguồn. Năm lực là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực. Đối với pháp xuất thế nó sâu sắc hơn hết, với một sức tin bền bỉ nên nói sức mạnh. Thiên ma, ngoại đạo, và sa môn v.v... không thể sánh được. Năm pháp này tùy theo tên mỗi pháp thể nó không giống nhau. Bảy giác chi là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định và xả. Bảy pháp này thuộc vô lậu cần tu đạt kiến đạo mới có được. Giác là chọn pháp, chi là phần. Biết chọn pháp là giác cũng gọi là giác chi. Ngoài ra các pháp khác thì không cần biết tên và thể của nó. Bảy pháp này có thể

quán xét được các pháp nên dùng tên so sánh. Pháp so sánh nghĩa là phổ biến khắp tất cả. Tám chánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm và chánh định. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng ba phần do giữ giới mà được; những pháp khác do tu tập thành tựu. Các bậc thánh hữu học do tu tập tám pháp này mà đạt thành đạo giải thoát. Đoạn hết phiền não thì mới đạt đến giải thoát rốt ráo, nên tám pháp đây gọi là thánh đạo vậy. Cộng chung 37 phẩm trợ đạo này là 11 pháp làm tự thể như: 1/ huệ trong tứ niệm xứ, căn, lực, trạch pháp, chánh kiến, 2/ tinh tấn trong tứ chánh cần, căn, lực, giác chi, chánh tinh tấn, 3/ định trong tứ thần túc, căn, lực, giác chi, chánh định, 4/ tín trong ngũ căn, ngũ lực, 5/ niệm trong căn, lực, giác chi, chánh niệm, 6/ dục trong tứ thần túc, 7/ hỷ, thọ trong thất giác chi, 8/ khinh an là một trong thất giác chi, 9/ xả trong thất giác chi, 10/ tâm là chánh tư duy mà thật thể là huệ, 11/ sắc tức không nêu giới trong chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Trong 11 pháp trên phân chi tiết có giải riêng.

Không giải thoát môn, nghĩa thanh tịnh vắng lặng là nghĩa Bồ tát. Các tướng: không, vô nguyện, giải thoát môn nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Riêng về giải thoát môn thì gồm quán không, vô ngã, quán tướng diệt, tướng ly là vô tướng. Quán khổ, tập, đạo, các pháp hữu vi không sanh lòng mong cầu là vô nguyện. Do ba cửa giải thoát này mà nhận chân đúng thật gọi là môn. Thể nó là pháp vô lậu chứng quả giải thoát là môn giải thoát. Nếu chỉ nói không, vô tướng, vô nguyện thì bao hàm ba món huệ. Định và tán loạn gồm chung cả pháp hữu lậu và vô lậu. Tam muội là chỉ nói riêng tu huệ, chỉ có định không tán loạn thì chung cả pháp hữu lậu và vô lậu. Giải thoát môn cũng chỉ nói về tu huệ; duy chỉ định không tán loạn mới không hàm chung pháp hữu lậu. Ba món huệ này hoặc chung hoặc riêng mà thực tế ở những chỗ khác có nói rõ. Vả lại, để trừ kiến chấp nói là không, lia ái nói vô nguyện, lia vô minh nói vô tướng.

Tám môn giải thoát có đủ nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Tám thắng xứ, thứ tự 8 cõi định, 10 biến xứ nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Phân biệt thứ tự, đối trị hành, tám môn giải thoát là: 1/ trong sắc dùng quán sắc, 2/ trong vô sắc quán các sắc, 3/ tịnh giải thoát tự chứng nên, 4/ không xứ, 5/ thức xứ, 6/ vô sở hữu xứ, 7/ phi tướng phi phi tướng xứ. 8/ diệt tận giải thoát. Các bậc thánh thuận pháp vô lậu, lia hẳn các chương nên được giải thoát. Mười thắng xứ là: 1/ dùng nội sắc quán ngoại sắc có nhiều tốt hoặc xấu, kém hoặc hơn. Đối với sắc hơn biết hơn là thấy được như thật tướng, 2/ sắc dùng nội quán quán ngoại sắc nhiều như trên đã nói theo đây mà nhận biết, 3/ nội vô sắc quán ngoại sắc ít, 4/ nội vô sắc quán ngoại sắc

nhiều, 5/ nội vô sắc quán các sắc ngoài, sắc xanh hiện màu xanh hoặc xanh hiện màu sáng xanh, 6/ nội vô sắc quán sắc ngoài màu vàng, 7/ nội vô sắc quán ngoài sắc đỏ, 8/ nội vô sắc quán ngoài sắc trắng, vượt hết các duyên gọi là thắng xứ, 9/ định thứ tự tức là bốn quán định bốn vô sắc và diệt tận định có thô, tế, tiêm, thứ, trên, dưới. 10/ chu biến khắp nơi như đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không, thức, vô biên xứ. Quán xét khắp cùng sự rộng lớn gọi là biến xứ. Thể tánh của nó tăng giảm phát sinh vô số nghĩa như đã nói riêng ở một phần khác.

Cực hỷ địa nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Ly cấu địa, phát quang địa, diệm huệ địa, cực nan thắng địa, hiện tiền địa, vi-n hành địa, bất động địa, pháp vân địa, thiện huệ địa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Từ đây phân hai nêu rõ quả vị. Có hai: 1/ trước là quả vị Đại thừa 2/ sau là quả vị Tam thừa. Đây nói phần trước, chỉ nêu rõ nhân của hàng thập địa Bồ tát. 1/ Cực hỷ địa: sơ chứng nhị không đạt thánh hạnh đem lại an lạc cho mình và người đều được đại hoan hỷ, 2/ Ly cấu địa: đầy đủ tịnh giới, xa lìa phiền não vi tế, những sự hủy phạm, 3/ Phát quang địa: thành tựu pháp đại định tổng trì phát chiếu trí tuệ sáng suốt, 4/ Diệm huệ địa: an trụ đạo Bồ đề tối thắng siêu sạch phiền não, trí tuệ tăng trưởng, 5/ Cực nan thắng địa: trí hai phần chân-tục hỗ tương nhau hợp thành tương ứng nhau, 6/ Hiện tiền địa: pháp trụ, duyên khởi dẫn tới trí vô phân biệt, trí Bát nhã hiện tiền, 7/ Vi-n hành địa: đạt đến trụ vô tướng, vô công dụng, vượt ngoài thế gian, nhị thừa, 8/ Bất động địa: trí vô phân biệt nên việc đời liên tục vận dụng vẫn không dấy khởi phiền não, 9/ Thiện huệ địa: hoàn tất tuyệt vời bốn trí vô ngại biện tài (22) nên có khả năng khéo thuyết pháp khắp trong mười phương, 10/ Pháp vân địa: trí tuệ bao trùm như nước công đức chở tải việc thô xấu được pháp thân đầy đủ. Lên tới địa thứ 10 này dùng các công đức của pháp hữu vi, vô vi làm tự tánh dựa chỗ ưu thắng duy trì nương tựa để thiện pháp sanh trưởng, chỉ có địa này.

Tịnh quán địa nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Chủng tánh địa, địa thứ tám, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Xúc giác địa, Bồ tát địa, Phật địa hàm nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Phần hai đây giải rõ quả vị tam thừa. Trong hai địa đầu tiên phân hai để giải thích: 1/ Tịnh quán địa: an trụ địa vị giải thoát phần và ba thiện căn ở trước. Chủng tánh địa là pháp số một chỉ có ở đời như cõi Ta bà gọi như thế. Có thể nói chủng tánh địa mà cũng có thể nói là thoái địa, 2/ lời giải rằng tịnh quán địa chỉ mới là vị giải thoát mà chưa quán sát kỹ; chủng tánh chưa định cần tịnh tu quán tâm, quán thân kỹ là tịnh quán. Chủng tánh địa gồm trong bốn căn lành. Noãn vị trong chủng tánh mới định không thể chuyển đổi. Địa thứ tám

hướng tới quả dự lưu từ A La Hán hướng tới nơi kiến đạo 15 tâm nói trên. Hành giả đạt được kiến địa là quả dự lưu; Quả vị này đủ 16 tâm. Bộ địa là nhất lai (Tứ Đà Hàm) 9 phẩm mê lầm cõi dục đã đoạn dứt được sáu. Ly dục địa hay còn gọi là bất hoàn (A Na Hàm, không sanh trở lại nhân gian nữa) quyết định lia dứt các hoặc (mê lầm) cõi dục. Dĩ biện địa là quả A La Hán, ngã câu sanh (23) dứt sạch việc làm đã xong. Ba địa còn lại theo tên giải thích nghĩa. Trước nói như thừa gồm chung hai món sở trường sở đoản mà có 10 địa riêng biệt.

"Hết thấy Đà la ni môn (ấn chú) nghĩa thanh tịnh vắng lặng, là nghĩa Bồ tát. Các pháp định tam ma địa thanh tịnh vắng lặng là nghĩa Bồ tát". Từ đây trở đi phân ba nêu rõ các đức nhờ thực hành mà thành tựu. Đức gồm có tám là phần tiên quyết không thể thiếu của đời sống, đó là 1/ tổng trì môn, 2/ đẳng trì môn, lời tựa kinh trước đã đề cập. Các đức của Bồ tát cũng đã giải rõ. Hai đức đây dẫn đầu nảy sanh các đức khác. Kinh giải: ngũ nhân thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Lục thần thông thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Đây là phần hai quán sát đức hóa sanh. Ngũ nhân là 1/ nhục nhân, 2/ thiên nhân, 3/ huệ nhân, 4/ pháp nhân, 5/ Phật nhân (từ 3 tới 7) soi đường dẫn lối rõ ràng để hành giả đi đúng đích. Lục thần thông là 1/ thiên nhãn thông, 2/ thiên nhĩ thông, 3/ tha tâm thông, 4/ thần túc thông, 5/ túc mạng thông, 6/ lậu tận thông. Sự lui tới tự tại là thần, gặp việc không bị chướng ngại là thông. Hai phần này trong kinh có giảng rộng. Như trong Luận Du Già quyển thứ 14, phẩm 54 và 69 có giải thích rõ. Kinh giải: Mười lực Như Lai thanh tịnh vắng lặng là nghĩa Bồ tát. Bốn vô sở úy, bốn pháp vô ngại, bốn vô lượng tâm (đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả), 18 pháp bất cộng thanh tịnh vắng lặng là nghĩa Bồ tát. Phần thứ ba đây nói về đức của Phật không chung trong việc hàng phục. Mười lực của Phật là: 1/ trí lực biết hết xứ hay phi xứ, 2/ biết các nghiệp riêng, 3/ biết rõ thiên định giải thoát, 4/ biết các căn hơn kém, 5/ biết rõ mọi chủng loại, 6/ biết mọi cảnh giới, 7/ đi lại tự tại khắp nơi, 8/ biết kiếp trước d- dàng, 9/ lực biết được việc sanh tử, 10/ trí lực biết diệt sạch các lậu không còn thừa. Lấy công đức lợi sanh làm mục đích cứu cánh liên tục hàng phục ma chướng. Nói chung, đây lấy tín trong ngũ căn làm tánh. Đó là cả một đại oai dũng nên gọi là lực. Bốn vô sở úy là gì? là bốn điều không sợ sệt khiếp hãi: 1/ Đạt chánh đẳng giác không sợ sệt, 2/ dứt sạch các lậu hoặc không sợ sệt, 3/ bị chướng ngại không sợ sệt, 4/ thoát khỏi các sự khổ không sợ sệt. Giữa đám đông tiếng nói rỗng rang như sư tử mà hàng sa môn, quân ma, phạm chí không làm hại đến được nên gọi là vô úy. Tứ vô ngại giải là gì? Đó là bốn trí huệ thông suốt vô ngại: 1/ hiểu pháp vô ngại, 2/ thấu rõ nghĩa vô ngại, 3/ lời khuyên vô ngại, 4/ tài biện luận vô ngại. Thông đạt tất cả là hiểu biết vô ngại. Bốn vô lượng tâm: đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả cùng khắp ba cõi, tòa

rộng khắp bốn loài chúng sanh thấm nhuần sâu rộng nên nói đại. Hành tướng tâm, từ, bi v.v... như trên đã nói rõ. Nói hẹp thì bốn vô lượng tâm ở cõi dục, cõi sắc chung cả ba thừa. Dùng giả thật quán sát, duy chỉ có Phật mới đầy đủ bốn tâm này trong ba cõi, nếu chỉ thật quán. Mười tám pháp bất cộng là: 1/ thân không sai lầm vượt qua hầm lửa, 2/ không phát tiếng thô bạo, 3/ không quên mất việc đã làm, 4/ không tâm tán loạn mà hằng trụ trong định. 5/ không niệm sanh tử mà hiện tướng Niết bàn, 6/ không bám chắc mà xả lợi lạc. Sáu pháp trên đây do sở tri chướng kết tập thành, 7/ muốn không ngừng, 8/ tinh tấn không dừng, 9/ niệm không lui sụt, 10/ định không thoái chuyển, 11/ huệ kiên cường, 12/ giải thoát bất thoái. Sáu pháp trên y nơi sở tri chướng tu tập đoạn dứt không một niệm thoái lui. 13/ biết nghiệp thân dẫn dắt, 14/ biết nghiệp khẩu kéo lôi, 15/ biết ý nghiệp dẫn đường, 16/ biết quá khứ, 17/ biết vị lai, 18/ biết hiện tại thông suốt không trở ngại. Sáu pháp trên cũng do sở tri chướng kết buộc mà có. Chỉ Phật mới có được 18 pháp này, hàng nhị thừa không thể có nên gọi là bất cộng (không chung). Ngoài ra, thể của nó như bỏ-lập, tăng-giảm Luận Du Già có nêu rõ hành tướng. Song đây là kinh quan trọng nên cũng nói đầy đủ giải thích chỗ khác chỗ giống nhau. Ba mươi hai tướng vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát; tám mươi vẻ đẹp vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Giải thích: đây là phần thứ tư về các tướng tốt. Căn cứ Kinh Đại Bát Nhã quyển 381, Phật hỏi Ngài Thiện Hiện:

- Những gì là 32 tướng tốt của Như Lai bậc chánh đẳng giác ?

- Thiện Hiện: Ba mươi hai tướng tốt là: 1/ lòng bàn chân tròn đầy, ngay ngắn như bộ tán. Đất dù có chỗ cao chỗ thấp bàn chân vẫn nhẹ hẫng, 2/ bàn chân có nghìn đường xoáy tròn ốc đầy đặn, 3/ tay chân mềm mại như lụa mỏng, 4/ đầu ngón tay, chân có màng lưới giao tiếp, 5/ ngón tay, chân dài đẹp, 6/ gót chân đầy đặn mu nhô lên thật tuyệt vời, 7/ mu bàn chân cao tròn đầy mềm mại, 8/ vé đầy đặn như hươu nai, 9/ tay dài quá gối, 10/ dương vật ẩn kín như dương vật ngựa, 11/ lỗ chân lông sinh sắc xanh xoáy về phía bên hữu, 12/ thân sắc vàng ánh trông thật đáng ưa, 13/ da dễ mịn bóng không dính bụi nước, 14/ mình ứng sắc vàng tinh khiết, 15/ bảy nơi: 2 chân, 2 lòng bàn tay, 2 vai và đỉnh đầu đều đầy đặn bằng phẳng, 16/ vai tròn đầy, 17/ hai nách đầy đặn, 18/ thân hình đoan chính, 19/ thân tướng uy nghi, 20/ thân cao lớn đầy đặn cân đối, 21/ thân uy nghiêm như sư tử chúa, 22/ luôn luôn có hào quang phóng xa một trượng, 23/ có 40 cái răng đều khít, trắng như tuyết, 24/ bốn răng cửa đều trắng sạch sắc sảo, 25/ nước miếng trong cổ có chất thượng vị nên dẫn các mạch trong cơ thể không bị chứng cảm mạo nóng sốt làm cho thân tâm điều hòa, 26/ lưỡi rộng dài, 27/ tiếng phạm âm hòa nhã

vang xa ở đâu cũng nghe, như tiếng trống cõi trời, 28/ lông mi mắt cong dài đẹp như lông mi mắt trâu, 29/ mắt sáng trắng hồng, 30/ mắt tròn đầy như trắng rằm với chân mày vòng nguyệt, 31/ giữa chầng lông mày có tia hào quang trắng như tuyết, 32/ đỉnh đầu có nhục kế nhô lên như búi tóc. Đó là 32 tướng đại sĩ tức 32 tướng tốt. Và này Thiện Hiện, thế nào là 80 vẻ đẹp của Như Lai chánh đẳng giác?

- Thiện Hiện: 80 vẻ đẹp như: 1/ móng tay, chân mỏng bóng sáng sạch và đỏ như đồng đỏ, 2/ ngón tay, chân mềm mại đốt xương lặn khuất, 3/ tay chân ngón đều đặn không so le, 4/ tay chân tròn trịa trắng hồng như hoa sen, 5/ mạch lút không nổi lên, 6/ hai gót ẩn khuất, 7/ tướng đứng như voi chúa, 8/ tướng đi oai như sư tử chúa, 9/ dung mạo đỉnh đạc thanh thần như trâu chúa, 10/ đi, đứng, tới, lui như con ngan đầu đàn, 11/ khi quay lại toàn thân quay lại như voi, 12/ tướng đi thoăn thoắt, 13/ đầu các khớp xương giao khít nhau như dáng rồng uốn, 14/ đầu gối tròn, dãn và đẹp, 15/ thân trụ chỗ nào thì oai vệ không giao động, 16/ thân sáng rực rỡ không bụi bám ai thấy cũng ưa, 17/ thân chấp nhận mọi sự không sợ không khiếp, 18/ thân dẻo dai bền bỉ, 19/ thân kiên định gặp việc không giao động, 20/ thân tướng đoan nghiêm sáng rõ như tiên hơn, 21/ thân có hào quang bước đi sáng rực rỡ, 22/ bụng thon nhỏ không phình, 23/ rốn sâu đẹp, 24/ rốn nhỏ đầy đặn không lồi, 25/ da mịn láng, 26/ bàn tay mềm, bàn chân bằng phẳng, 27/ chỉ tay sâu, dài, rõ, ngay không dứt, 28/ môi đỏ như trái tần bà, 29/ mặt vừa phải không dài, không hẹp, 30/ lưỡi rộng dài như chất đồng đỏ, 31/ tiếng nói rỗng rang như voi rống, 32/ âm điệu ngọt như nước suối khe, 33/ mũi cao mà thẳng không thấy lông, 34/ răng đều ngay trắng sạch, 35/ răng sắc bén, tinh khiết, 36/ mắt sáng đẹp phân minh, 37/ mắt màu biếc như hoa sen xanh, 38/ hai mí mắt đều đặn, 39/ lông mi dài rậm, 40/ lông mi láng mượt như màu ngọc lưu ly, 41/ đôi mi cong vút như trăng non mới mọc, 42/ lỗ tai dài lớn, 43/ hai tai đều nhau không lớn nhỏ, 44/ dung nhan kỳ diệu khiến ai trông thấy đều sanh lòng kính mộ, 45/ trán rộng, 46/ thân tướng đầy đặn oai nghiêm như sư tử chúa, 47/ tóc mịn xanh mượt, 48/ tóc tỏa ra mùi thơm nhẹ nhàng, 49/ tóc ngay không rối cũng không dính chùm, 50/ tóc cứng không rụng rớt, 51/ tóc trơn bóng không dính bụi, 52/ thân dững mãnh như đại lực sĩ, 53/ thân cao lớn đoan nghiêm, 54/ lỗ chân lông sáng sạch, 55/ uy đức cao vợi không ai sánh kịp, 56/ nhìn thân tướng chúng đều muốn ngắm xem không chán, 57/ mặt đầy đặn sáng như mặt trăng, 58/ diện mạo thư thái tiếng trong trẻo, 59/ tướng oai vệ vượt ngoài thị phi, trần cấu, lỗi quấy, 60/ thân thơm sạch phát ra mùi hương nhẹ, 61/ từ nơi lỗ chân lông thường tỏa ra mùi thơm vi diệu, 62/ mặt thoảng mùi thơm tinh khiết, 63/ đầu như quả mật đà na, 64/ lông trên mình đẹp như chim sẻ, cổ hồng như chất đồng đỏ, 65/ tiếng pháp âm tùy

chúng nhiều ít không tăng không giảm, 66/ đánh đầu không thể trông thấy, 67/ ngón tay, chân đẹp bóng hồng như chất đồng, 68/ khi đi chân cách đất mà dấu ấn các ngón vẫn in sâu, 69/ thân tự giữ được không nghiêng vẹo, 70/ uy đức làm cho chúng sanh có ác tâm trông thấy cũng vui mừng, 71/ giọng không cao không thấp theo nhịp hòa vui của chúng sanh, 72/ tùy loại chúng sanh dùng ngôn ngữ thích nghi thuyết pháp, 73/ nói một giọng pháp âm mà tùy loại đều hiểu biết, 74/ thuyết pháp theo thứ tự nhân duyên lời chân thiện, 75/ xem chúng sanh thích thiện ghét ác vẫn không niệm yêu ghét, 76/ trước quán xét sau nêu gương để khuyến thiện diệt ác, 77/ thân tướng rực rỡ làm chúng sanh trông không biết chán, 78/ xương đánh cứng chắc, 79/ mặt tươi sáng đầy vẻ phân chân, 80/ nơi tay, chân, lưng, ngực đều có dấu chữ vạn (cát tường hay điềm lành). Nay Thiện Hiện, Như Lai chánh đẳng giác thành tựu các tướng tốt như thế nên thân phóng quang tới vô số thế giới, vì thương xót cứu độ chúng sanh, mỗi lần phóng chiếu ánh sáng đi xa một tầm. Khi Phật phóng quang ánh sáng làm át ánh sáng nhật nguyệt, chúng sanh không phân biệt được ngày đêm, năm tháng hay phân biệt đang làm việc gì. Pháp âm của Phật vang xa tới 3000 thế giới khi Phật phóng quang trùm khắp vô số cõi nước, vì muốn lợi ích chúng sanh mà tùy chúng thuyết pháp giọng không tăng không giảm. Nay Thiện Hiện, vì công đức lợi lạc ngàn ấy nên ta trước giảng nói cho chúng Bồ tát tu hành trí tuệ Ba la mật được thành tựu viên mãn. Nay thấy dung nhan tướng hảo Phật trang nghiêm tốt đẹp khiến chúng sanh rất lấy làm hoan hỷ và được lợi ích an vui thật sự.

Nay Thiện Hiện, hàng Bồ tát, đại Bồ tát thực hành sâu xa pháp trí tuệ rốt ráo đạt đến cứu cánh giác ngộ dùng hai món tài và pháp bố thí cho tất cả chúng sanh, là pháp thật vi diệu ít có vậy.

Pháp không mê vọng, nghĩa vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Thường trụ trong sự xả ly vắng lặng thanh tịnh, ấy là nghĩa Bồ tát. Phần thứ năm đây nói về tánh bình đẳng. Chư Phật tùy niệm nghĩ hoặc sự việc, nơi chốn, không gian hoặc thời gian việc làm đều do chánh niệm. Nói rộng tất cả sự nghiệp gì, ở phương xứ nào, hay phương tiện ra sao, thời gian khác nhau thế nào ... đều không quên mất. Trụ trong chánh niệm thì không bao giờ quên được. Bản chất tánh thường hằng gọi là 6 pháp thường trụ trong lục căn an nhiên tự tại, chỉ khởi niệm xả quán bình đẳng.

Hết thấy vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Đạo tướng trí, nhưt thiết trí vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Đây là phần thứ sáu biết rõ tánh không, hữu. Quán tánh không là nhất thiết trí, dùng chánh trí quán sát hữu phân biệt có hai: 1/ quán pháp vô lậu là quán xét tướng các pháp, 2/ quán tướng pháp

hữu lậu. Tướng là hình tướng các pháp hậu đắc trí. Quán pháp vô lậu là đạo tướng trí, quán pháp hữu lậu là nhất thiết trí; nhất thiết chủng trí phân hai. Kinh giải: Chư đại Bồ tát hành vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Chư Phật đạt vô thượng chánh đẳng giác vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Đây là phần bảy nhập vào nhị môn tức là nêu rõ nhân và quả đầy đủ. Bên trên đã nói rõ các công đức hoặc nhân là hạnh Bồ tát hoặc quả là Phật Bồ đề. Bồ đề có nghĩa là giác. Giác tức đoạn diệt phiền não thành Bồ đề, nên các công đức hữu vi, vô vi đều nằm trong đây.

Tất cả pháp dị sanh, vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Các quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Độc Giác Bồ Tát, Phật thanh tịnh vắng lặng là nghĩa Bồ tát. Đây là phần ba tổng nêu rõ pháp thắng nghĩa tục đế nương nơi bản tánh vắng lặng thanh tịnh thành lập để làm rõ thật nghĩa Bồ tát. Pháp dị sanh chỉ ở địa vị phàm phu, do nghiệp lực, phiền não mà luân hồi trong sáu nẻo. Bậc thánh sanh khác thường nên gọi là dị sanh. Từ quả Dự Lưu v.v... đều là các quả thánh. Quả Tu đà hoàn mới dự vào dòng thánh nên gọi là Dự Lưu. Tu không gián đoạn diệt hết phiền não kiến đạo là thoát khỏi ba cõi. Mười lăm tâm hướng về giác ngộ mà quả là tâm thứ mười sáu. Quả đầu tiên mới nhập vào thánh vị nên gọi là Dự Lưu. Đoạn hết kiến hoặc (thấy mê lầm) hướng tới ba cõi; cõi dục thì 5 phẩm trước đoạn trừ, khi phẩm 6 đoạn nốt kết quả chỉ sanh nơi cõi dục một lần nữa. Từ cõi người khi xả bỏ xác thân này sanh lên cõi trời được quả thứ hai. - cõi trời sau khi chết, kiếp sau sanh trong cõi người được vô học nên gọi là nhứt lai (còn một lần sanh trở lại nhân gian). Quả vị kế ở cõi dục đã đoạn kiến hoặc nghĩa là đã dứt hết bảy, tám phẩm mê hoặc nên nói là Bất Hoàn (không trở lại nhân gian nữa). Vì đã dứt mê lầm không sanh lại cõi dục nữa gọi là Bất Hoàn. A La Hán dịch là vô sanh hay Ứng có ba nghĩa: 1/ diệt phiền não, 2/ không bị sanh tử nữa, 3/ xứng đáng thọ nhận của cúng dường. Từ sơ thiên trở lên đã đoạn được một phần hoặc toàn phần kiến hoặc trong ba cõi. Tới cõi Phi Tưởng thì 8, 9 phẩm hoặc đã đoạn sạch hướng tới quả A La Hán giải thoát kiến hoặc ở ba cõi dứt sạch là chứng đạt quả A La Hán. Trở lên các quả hướng tới giải thoát không gián đoạn đều căn cứ theo ý này làm chuẩn. Độc Giác tu quán pháp mười hai duyên khởi như quán tiếng gió thổi, tiếng cây cối lay động mà giác ngộ, không nhờ qua các bậc thiện hữu hay một người nào khác. Đạt đến hàng Thập địa là Bồ tát; Pháp Vân Địa là Phật, cũng phải trải qua đầy đủ 26 môn đầu pháp thắng nghĩa để thể tục làm chỗ nương hay điểm tựa mà bản tánh thì vắng lặng thanh tịnh, làm nổi bật nghĩa Bồ tát. Sau đây là 5 trong 10 môn chung các pháp nhi-m tịnh mà bản tánh vắng lặng thanh tịnh khác nhau để làm nổi bật thật nghĩa Bồ tát.

Tất cả các pháp thiện hay bất thiện vắng lặng thanh tịnh đều là nghĩa Bồ tát. Các pháp hữu ký, vô ký, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, thế gian hay xuất thế gian vắng lặng thanh tịnh là nghĩa Bồ tát. Pháp nào thuận lẽ lợi người và vật là thiện chung pháp hữu vi, vô vi, và ngược lại là bất thiện mà bản tánh là vô ký. Pháp nào đưa tới quả hiện thực nhận ngay ra được là hữu ký. Pháp nào trái ngược không thiện không ác là vô ký. Phiền não mê lầm xen tạp theo nhau gia tăng có thể nhận diện thuộc về hữu lậu. Lậu có nhiều nghĩa như rỉ, roi rớt, lọt, chảy rịn, thấm, ở trong sáu căn nó lan rỉ khắp cùng làm tiêu hoại các thiện pháp. Vô lậu là trái lại với pháp trên. Pháp hữu vi còn gọi là làm nảy nở hay phát sanh, tức làm phát sanh là hữu vi; trái lại là vô vi. Thế gian có nghĩa hiện đang dòi dôi xê dịch trong sự luống dối không thật; trái lại nghĩa trên là xuất thế gian. Sự khác nhau giữa hai pháp ấy căn cứ nơi bản tánh chân như mà có, vọng tức chân, tánh tức tướng vắng lặng thanh tịnh để làm rõ thật nghĩa Bồ tát.

Tại sao như thế ?

- Trong toàn câu có hai ý: một là hỏi, hai là giải thích. Trước hết phân hỏi: các pháp có phải thật nghĩa thanh tịnh, tức là thật nghĩa Bồ tát ? Giải thích tại sao như thế ?

- Vì bản tánh các pháp vốn không nên phải xa lìa tự tánh. Sau là giải thích các pháp hư vọng mà thế gian vọng cho là chân thật. Vì biết các pháp không nên nói nghĩa vắng lặng thanh tịnh là thật nghĩa Bồ tát. Phần trên giải thích tự tánh các pháp vốn không, vì muốn nêu rõ trí tuệ Bát Nhã tột cùng để thấy được bản tánh không cần phải xa lìa. Các pháp thắng nghĩa này tự tánh vốn không vô tánh nên xa lìa các tướng hư vọng điên đảo. Do xa lìa nên tự tánh vắng lặng, do vắng lặng nên tự tánh thanh tịnh, do thanh tịnh nên trí tuệ siêu việt sâu thẳm tuyệt vời. Sanh tử là phiền não, chân như thì vắng lặng; phiền não tức nhi-m ô nên xa lìa tự tánh thanh tịnh. Tánh không thì thanh tịnh vì thanh tịnh nên thể nó vắng lặng. Nói tóm lại, do tự tánh các pháp vốn không nên vắng lặng, vắng lặng là thật nghĩa Bồ tát. Các pháp không nên không hư vọng, không hư vọng nên thể không động tức là bản tánh vắng lặng. Vì không động nên tự tánh vắng lặng. Tự tánh vắng lặng thì không nhi-m. Tự tánh thanh tịnh không nhi-m tức là trí tuệ Bát Nhã thanh tịnh. Quán sát ngộ được bản tánh thanh tịnh này là chân tướng, tự thể, bản lai đều thanh tịnh. Trí tuệ Bát Nhã thì vi diệu thanh tịnh: trí thanh tịnh tức là pháp thanh tịnh như hai cách giải thích trên.

Phải biết Bát Nhã Ba La Mật Đa như thế là nghĩa Bồ tát mà hàng Bồ tát cần tu tập. Phần ba đây khuyên tu học. Văn tự Bát Nhã là nghĩa Bồ tát. Cầu đạt được cái học này, cái danh này là cầu, ngoài ra bốn trí tuệ khác là nghĩa Bồ tát. Bồ tát giáo hóa đều căn cứ nơi bốn trí này. Bồ tát phải thành tựu năm món trí tuệ; năm trí này là Bồ tát có đầy đủ nghĩa năng, sở. Hàng Bồ tát bực dưới muốn tiến lên bực trên cần phải nỗ lực tinh tấn tu tập năm trí này.

Phật nói thật nghĩa Bồ tát là Bát Nhã lý thú thanh tịnh. Từ đây phần thứ ba Phật nói công đức nói pháp có hai phần: trước nói qua ý nghĩa kinh, sau nêu rõ những công đức nói pháp.

Phật bảo ngài Kim Cang Thủ, chư Bồ tát nếu có người nào nghe được pháp thâm sâu Bát Nhã lý thú vi diệu thanh tịnh này mà tin tưởng, thọ trì cho đến khi chứng được đạo quả Bồ đề vô thượng thì tất cả những chướng ngại, phiền não, nghiệp chướng, sở tri chướng đều không nhi-m, mặc dù tích tập lâu ngày. Dù tạo bao nhiêu ác nghiệp sâu dày cũng đều tiêu diệt không đọa vào ác thú. Trong câu trên có hai ý: Trước nói người nghe kinh tin một cách sâu sắc; sau khi nghe rồi thọ trì tức thực hành tinh chuyên là quả. Vì thế, Phật chỉ bảo ngài Kim Cang Thủ là vì muốn cho chúng sanh đều thành Phật - món báu vô giá. Người nghe kinh này thâm tín thọ trì tức ứng dụng tu tập, trân trọng cúng dường với niềm cung kính sâu xa. Tóm lược phần này như sau: Người nghe kinh tín thuận, lãnh thọ ân cần từ trước tới nay cho tới khi giác ngộ ba chướng, năm sự ngăn che đều không nhi-m. Cái tức ngăn che như người xuất gia mà tham dục đắm nhi-m, sân nhuế, thì 5 món: hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác và nghi ngờ. Cái cũng gọi là ngăn lấp, che đậy tâm; chướng là chướng ngại, chướng đạo làm cho không chứng quả. Có ba loại chướng như trên đã nêu. Như Tiểu thừa cho phiền não khó trừ gọi là chướng. Phạm 5 tội nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu gọi là nghiệp chướng. Với ba đường ác: cõi người, bắc cu lô châu, trời vô tướng gọi là dị thực chướng. Riêng về phần pháp chướng hay sở tri chướng không thấy đề cập tới. Song ở đây văn chướng là giải thoát các mê lầm gọi là phiền não chướng. Kinh Tát Giá Ni Kiên Tử nói hành động phá tháp hủy chùa là phạm năm nghịch tội. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói có bảy nghịch tội, song không ngoài Kinh Ni Kiên Tử nêu 5 tội nghịch ác là nghiệp chướng. Pháp chướng hay nói cách khác là dị thực chướng, tức nghiệp chưa tới thời kỳ chín muồi thọ báo như tội trong quá khứ phá hoại chánh pháp, ngăn cản người tu thiền định. Chúng tử không được nghe chánh pháp trước còn sót lại tới đời này, đối với pháp không nghe, không tin, không hiểu nên bị chướng pháp. Tích tập là tạo tác còn tồn đọng lại, tuy nhiều mà không nhi-m, vì hiểu pháp không nên không

ra sanh tử. Dù phiền não dấy khởi, nghiệp chướng sâu dày song nhờ oai lực của kinh nên không nhi-m. Nhi-m tức ô nhi-m đưa tới kết quả là thọ khổ. Tuy tạo nghiệp ác nặng nề mà biết bản tánh không, phiền não không bền nên d- tiêu diệt, vì nghiệp d- tiêu diệt nên không đọa vào đường ác. Nghiệp đã dứt thì quả ác không thành. Thể tánh các pháp vốn không nên không bị ba chướng ràng buộc.

Như người hay thọ trì kinh đọc tụng tinh chuyên mỗi ngày bền bỉ suy niệm nghĩa lý; người ấy chắc chắn đời này được pháp bình đẳng giữ tánh rắn chắc như kim cương. Đối với các pháp đều được tự tại nên được mọi điều an lạc thù thắng. Sau đây giải thích rõ kết quả việc tinh tấn thọ trì đọc tụng kinh. Thọ trì có nghĩa là mến thích, quý trọng lãnh thọ ghi nhớ trong tâm không xao lãng. Trong mỗi niệm tâm không quên lời kinh. Mỗi ngày đọc tụng, có nghĩa là thâm niệm không gián đoạn. Tinh cần là tinh chuyên cần mẫn dững mãnh cả thân tâm, đêm ngày không gián đoạn do sự thích thú suy nghĩ miệt mài không chán. Đời này người ấy chắc chắn được kết quả là bình đẳng như pháp chân thật. Kim Cang là dụ, đẳng trì là định. Định phá trừ phân biệt, phiền não chấp tướng, quán các pháp tánh bình đẳng chân như là không, nên định hay phá phân biệt chấp tướng điên đảo gọi là Kim Cang. Chân như như lý gọi là Kim Cang. Nên định cũng còn gọi là Kim Cang, tức là tâm năng thọ trì, tâm không quên niệm; hằng ngày đọc tụng kinh chuyên suy niệm các pháp như thế nên được định. Nhờ định phát huệ phá trừ phân biệt, điên đảo chấp tướng. Nay ngộ được Kim Cang định tức gồm văn-tư-tương ưng định. Trong đây có 5 pháp hành như: lắng nghe, thọ trì, đọc, tụng và suy nghĩ là 5 loại; lược bớt phần biên chép, cúng dường, di-n giảng cho người khác biết để tu hành làm tỏ rõ 5 pháp. Thật ra như pháp thực hành thì có mười pháp đều đưa lại kết quả này. Người đọc tụng kinh còn được công đức như thế huống gì còn di-n thuyết và tu tập; đối với mọi pháp đều được tự tại, sự lý đều là chân không. Thể chân này thông suốt nên được tự tại. Tự tại có nghĩa là vô ngại, còn thọ các sự hỷ lạc thù thắng là đối với các pháp còn chấp, còn lo, còn sân; đối với chân là không, đối với tục là vọng. Không còn lo, không sân nên luôn luôn được an lạc, tự tại, nghe được pháp chưa từng nghe là pháp tánh chân như.

Kinh nói 16 vị đại Bồ tát do định lực sanh nên được tánh Kim Cang Như Lai mau chứng được vô thượng Bồ đề. Đức Thế Tôn nói: khéo dùng thần túc một kiếp hay hơn một kiếp thì 16 đại Bồ tát sanh tức đồng với 16 kiếp. Tánh kim cương có nghĩa là tánh chân như phá diệt sanh tử, tội lỗi, thể của pháp là chân tánh. Chấp có nghĩa là nắm giữ dính thân thọ nhận nên gọi là chấp. Cái thể của trí năng duyên là không. Như chấp tánh Kim Cang là chân như, như

kinh nói 16 Bồ tát được tánh chân như này. Nếu theo y kinh này thực hành đúng pháp như đã nêu trên thì vượt khỏi sanh tử không cần trải qua 16 a tăng kỳ kiếp mới vào hàng sơ địa. Như kinh nêu rõ lý thật tướng thì hiệu quả vô cùng. Nghe kinh này mà vượt thoát được vô số kiếp sanh tử và mau chứng đạo vô thượng Bồ đề như thế. Kinh có nêu rõ hiện tại được định Kim Cang nên đối với pháp được an lạc tự tại, đời sau không bị các chướng nên không nhi-m, và vì thế không đọa đường ác, được chân tánh Kim Cang mau chứng quả Bồ đề.

HẾT QUYỂN HAI

QUYỂN 3

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương vào tướng sáng rõ của Như Lai. Như trên phần thứ nhất nói rõ thật tướng pháp. - đây phần thứ hai nói pháp tánh vắng lặng của hàng Đăng Giác, quán chiếu thể tánh, tiền cảnh; chân tánh này nêu rõ trí cũng có ba: 1/ phần tựa Phật nói tên của pháp môn. Môn phân làm hai: trước nói rõ thật tướng của Như Lai, sau nêu rõ tên của pháp Phật nói, đây là phần đầu. Không nói tướng mà nêu bản thể là tánh các pháp, phần sau là nghĩa nên gọi là tướng. Phật nói chung còn nói riêng thì rất đa năng. Giờ đây căn cứ một nghĩa là tướng Như Lai biến khắp. Tướng có nghĩa là tướng trạng, không nên nghĩ tướng như các tướng thường khác.

Trước nói pháp vô tướng, sau nói nghĩa vô tướng. Hết thấy trí hay tất cả chủng trí đoạn mê hoặc nên quán sát sâu hai trí này. Đối với các pháp hiểu rõ tướng tận nên nói biến chiếu cùng khắp. Trí biến chiếu này là tướng Như Lai hiện ra. Nay y theo thể tướng nói pháp nên nói y tướng nói pháp gọi là y tướng biến chiếu khắp.

Phật vì chư Bồ tát nói Bát Nhã Ba La Mật Đa là pháp tánh thanh tịnh của chư Phật làm cho hàng Bồ tát hiểu chỗ lý thú của đăng giác. Đây nêu rõ tên pháp môn muốn thuyết mà chư Phật do nơi pháp tánh vắng lặng nhiệm mầu lý thú. Trước nói thật tướng pháp vì diệu là chư Phật thanh tịnh vì diệu thậm thâm lý thú. Phật hiện đăng giác là hiển hiện cho trông thấy rõ nghĩa thật chữ "đăng" có nghĩa là khắp, giác là chiếu. Ý này nhắm vào trí vô phân biệt làm sáng tỏ pháp tánh biến chiếu khắp cùng. Thể của Đăng giác là trí vô

phân biệt. Môn có nghĩa thông suốt vào chỗ lý thú. Dùng pháp năng quán thâm nhập lý thú pháp tánh. Trí vô phân biệt do giáo pháp sâu màu đây mà nhập vào đẳng giác.

Kim Cang tánh bình đẳng thể hiện đẳng giác dùng đại Bồ đề kiên cố dụ như Kim Cang khó hư hoại. Phần hai nêu lên có bốn môn: 1/ tánh năng đoạn sanh tử kiên cố nên nói tánh Kim Cang bình đẳng. Hiện Đẳng giác để phá diệt sanh tử: hay đó cũng chính như là kim cương. Dùng trí tu pháp tánh chứng quả Bồ đề bền vững chân thật khó hư hoại như chất kim cương nên thâm nhập trí tức là trí kim cương. Kim Cang Bát Nhã gọi tắt là Kim Cang. Do chỗ tu chứng được chân tánh chân thật nên trí thông suốt như kim cương bền chắc hay phá diệt sinh tử.

Tánh bình đẳng cũng có nghĩa Đẳng giác cùng đại Bồ đề là một vậy. 2/ quán sát trí sở duyên, tức là tất cả pháp hữu vi, vô vi đều bình đẳng. Pháp tánh chân như, Bồ đề cùng một nghĩa vì bản tánh đồng không khác.

Pháp tánh bình đẳng là Đẳng giác mà tự tánh là đại Bồ đề thanh tịnh. 3/ quán sát trí năng duyên là nhờ ngộ được chân tánh đại Bồ đề tự tánh thanh tịnh, tức là ngộ được tánh bình đẳng. Kinh nói: tất cả pháp tánh bình đẳng "hiện Đẳng giác đạt đại Bồ đề đối với các pháp không phân biệt". 4/ Phần bốn nói trí thông suốt tất cả pháp. Tất cả pháp gồm pháp hữu vi, pháp vô vi đều hiện trong Đẳng giác. Bản tánh các pháp thì không có sự phân biệt. Ngộ được trí, hiểu rõ tất cả mọi pháp cũng không có sự phân biệt. Cho nên bản tánh pháp vốn bình đẳng, như mây mưa trong bầu trời gặp gió thì những hiện tượng nổi lên, hư không và gió không phân biệt được mây và những hiện tượng ấy.

Phật nói Bát Nhã lý thú thanh tịnh như thế là hiện Đẳng giác. Phần ba sau tóm lược công đức nói pháp như là phần kết thúc.

Phật bảo ngài Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát rằng: như người nào nghe được bốn loại Bát Nhã lý thú hiện đẳng giác này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập cho đến khi đạt được giác ngộ, dù đã tạo những nghiệp ác sâu nặng cũng thoát khỏi đường ác mau chóng vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Đây là tán thán công đức mà trong kinh có nêu rõ 10 pháp thực hành, song đây chỉ nói lược sáu pháp như sau: 1/ nghe, 2/ tin hiểu, 3/ thọ trì, 4/ đọc, 5/ tụng, 6/ tu tập.

Từ vô thi cho đến ngày nay thực hành 10 pháp ấy đến đời vị lai tới khi chứng quả thành Phật, dù có tạo những nghiệp ác cực trọng như tà kiến, ngũ

ngịch, phá hòa hợp tăng v.v... nhưng biết thức tỉnh những điều đã tạo thì không bị nhi-m mà thoát ra khỏi các đường ác. Nhờ nghe kinh thực hành tu tập mà có oai lực thần diệu làm tiêu những ác nghiệp đã tạo như thế không phát sanh nên không đọa trong ba đường ác. Đến khi chứng quả vô thượng Bồ đề thì công đức đây giống như đã nói trước không khác, song muốn tán thán công đức diệu dụng tuyệt vời của kinh này nên phải nói rõ thêm.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, đã hàng phục hết mọi việc ác, là tướng của Như Lai Phật Thích Ca Mâu Ni. Phần sau đây phân ra hai đoạn như trong Kinh có nói rõ. Hai đoạn ấy như sau: 1/ Pháp điều phục những việc ác hơn hết, do nhờ quán thật tướng các pháp nên dứt trừ được chúng, 2/ bình đẳng trí ẩn là pháp thanh tịnh do nhờ quán sát trí huệ sáng suốt. Trong đoạn một có ba: 1/ nêu rõ pháp môn đã thuyết. Trong đây lại chia thành hai: phần trước y tướng Như Lai. Tất cả pháp ác là hai chương: phân biệt nhân quả, phân biệt nhi-m tịnh mà h- có phân biệt đều phải dứt trừ. Thích Ca có nghĩa là năng nhân, Mâu Ni là tịch mặc. Năng là điều phục việc ác xa hẳn mọi xáo trộn. Mọi sự xáo trộn là pháp sanh tử, nên Phật hiện tướng là năng nhân tịch mặc. Y pháp đây điều phục tất cả việc ác thành tướng Như Lai thanh tịnh.

Vì chữ Bồ tát mà nói Bát Nhã Ba La Mật Đa bao hàm các pháp tánh bình đẳng là pháp tuyệt vời vô cùng lý thú. Phần này nêu rõ pháp môn Phật đã nói. Bao hàm các pháp tánh bình đẳng là nói chung pháp nhi-m, tịnh, nhân, quả đều nhập vào pháp giới tánh bình đẳng. Vì vậy nên vượt trên tất cả điều ác và pháp này gọi là pháp môn vượt trên tất cả.

Không thể nghĩ bàn tánh tham dục, cũng không thể bàn tánh nóng giận. Tánh nóng giận không thể luận bàn nên tánh ngu si cũng không luận bàn. Ngu si không thể luận bàn nên tánh do dự cũng không luận bàn. Tánh do dự không thể luận bàn nên tánh tà kiến cũng không luận bàn. Tánh tà kiến không luận bàn nên tánh kiêu mạn cũng không luận bàn. Từ đây trở lui phần thứ hai là phần chánh, trong đó gồm ba: 1/ nói về nghiệp khổ sanh tử vô vàn không thể luận bàn. 2/ nêu pháp nhi-m tịnh không thể luận bàn, 3/ nói về trí tuệ (Bát Nhã) cũng không thể luận bàn. Nói chung về nghĩa lý vô cùng thâm diệu. Phần hai cũng có ba: 1/ nêu rõ phiền não tánh không luận bàn, 2/ nêu rõ nghiệp, 3/ nêu rõ quả. Phiền não có hai: 1/ căn bản phiền não, 2/ tùy phiền não. Căn bản phiền não là gốc r-; sáu món căn bản này làm gốc cho những món phiền não khác nương đó sanh trưởng mà bản tánh nó là tham dục. Nói không thể luận bàn vì các pháp nhi-m tịnh đều là chân như. Thể của chân như là pháp vô hý luận. Hý luận bao hàm tướng phân biệt, tướng nói bàn suy nghĩ tìm tòi. Do hý luận nên chấp phân biệt nhi-m tịnh, vì phân biệt nhi-m

tịnh nên sanh tử sanh. Không hý luận thì nhi-m tịnh không sanh, nhi-m tịnh không sanh là tánh vô phân biệt, vô phân biệt nên sanh tử diệt; sanh tử diệt là trừ hết xấu ác, ba độc và như thế mà rõ biết. Do dự tức nghi; kiến chấp có hai: 1/ kiêu, tức kiêu ngạo, 2/ mạn có 7 thứ mà mục đích là lăng nhục người khác. Sáu căn vốn bản tánh chân như, tức tánh vô hý luận. Vì vô hý luận nên lia mọi phân biệt. Hợp tánh lia mọi phân biệt đây nên không còn hý luận thì phá trừ pháp ác.

Tánh kiêu mạn không thể luận bàn nên những sự buộc ràng cũng không thể luận bàn. Những sự buộc ràng không thể luận bàn nên tánh phiền não cấu nhi-m cũng không thể luận bàn. Đây là do mê hoặc. Triền là thắt buộc tăng dần lên quân chắc tâm nên gọi là ràng buộc. Có 8 thứ buộc như: đã dục, mê ngủ làm ngăn chướng; trạo cử, ác tác làm chướng đạo, tật và xan làm ngăn dứt xả, vô tầm, vô quý làm trở ngại việc giữ giới. Cấu nhi-m có 6 loại: hại, hận, não, si-m, cuồng, kiêu. Những món này làm ô nhi-m chúng sanh nên gọi là cấu. Sáu món phiền não này tương thô làm tiêu hủy thiện pháp đã có nên gọi là cấu nhi-m.

Bản tánh phiền não là ô nhi-m nên không thể luận bàn; những ác nghiệp cũng không thể luận bàn. Ác nghiệp không thể luận bàn nên mọi quả báo cũng không thể luận bàn. Như trên đã nói mê hoặc không thể luận bàn thì nghiệp quả cũng thế. Nói tóm lại, việc sanh tử thì không thể luận bàn suông. Lãnh hội được cái không luận bàn thì không sanh tử, và những pháp xấu ác.

Mọi quả báo thì không thể nghĩ bàn nên các pháp tạp nhi-m cũng không thể nghĩ bàn. Pháp tạp nhi-m không thể nghĩ bàn nên pháp thanh tịnh cũng không thể nghĩ bàn. Pháp thanh tịnh không luận bàn nên hết thảy các pháp đều không luận bàn. Phần này nêu rõ các pháp nhi-m tịnh không thể nghĩ bàn. Các pháp nhi-m nói chung là tất cả pháp phiền não hữu lậu phức tạp. Các pháp thanh tịnh nói chung là các pháp vô lậu. Nói tất cả pháp là bao hàm các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, sanh tử, chúng sanh. Trước nói pháp nhi-m sau là tịnh; trước riêng, sau chung mà nghĩa thì theo thứ tự.

Tất cả các pháp không thể luận bàn suông, nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa không luận bàn. Quán sát cảnh không thể luận bàn nên quán sát trí cũng không thể luận bàn mà biết nó là như thật. Cảnh trí đã không thể luận bàn nên lia hết mọi phân biệt sanh tử, các pháp xấu ác đều hàng phục.

Phật nói điều phục xấu ác bằng trí tuệ tinh vi như thế là pháp thù thắng hơn cả. Phần sau là tán thán công đức kinh này như phần tóm lược ở trước đã nói.

Phật bảo ngài Kim Cang Thủ: này chư Bồ tát, nếu có người nào nghe được trí tuệ Bát Nhã siêu việt lý thú này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập, giả như bị sát hại trong ba cõi thì những chúng sanh ấy không bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì đã chế phục căn bản phiền não và tùy phiền não, những nghiệp ác v.v... Nhờ thần lực của kinh này điều phục những việc xấu ác nên lỡ có phạm tội sát hại cũng tiêu trừ. Do ngộ được pháp mà khởi hạnh thù thắng như thế nên dù phạm tội nặng cũng không đưa đến quả xấu ác. Nhờ thần lực kinh này nên khéo điều phục được căn bản phiền não và tùy phiền não, ác nghiệp v.v... hoặc giả có bị tội cũng không đưa đến quả ác. Những mối kết buộc chắc chắn chúng sanh vào những nghiệp thô trọng bất thiện; nhờ tu tập thiện chỉ quán mới có thể giải thoát được mọi ác nghiệp do phiền não phát sanh ra. Tất cả phiền não do phân biệt khởi. Giờ xa lìa hý luận tức đoạn dứt các món phân biệt. Phân biệt đã đoạn thì các ác nghiệp cũng tiêu dứt. Nếu ác nghiệp phân biệt còn thì việc nghe kinh thâm hiểu chắc chắn không thể được.

Sanh vào cõi thiện được an lạc tuyệt đối tu hạnh Bồ tát, đại Bồ tát mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Phần trước nói về cách trừ điều ác, phần sau nói tu các pháp lành, có hai quả: 1/ quả thế gian, 2/ quả xuất thế gian.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương nơi thân tướng thanh tịnh của Phật mà nói pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa cùng chư Bồ tát. Tất cả pháp tánh bình đẳng vô ngại tự tại là pháp môn thanh tịnh lý thú trí ẩn vô ngại. Đoạn này là tự quán chiếu trí tuệ soi sáng để thấy rõ các cảnh giới. Toàn câu có ba ý như trước đã giải thích. Nhờ quán sát nên biết bản tánh các pháp thanh tịnh, hẳn xa lìa tướng phân biệt là hoàn toàn thanh tịnh. Mọi pháp tánh đều bình đẳng tức chân như quán thực hành lòng bi vô ngại. Trí ẩn vi diệu là trí hạnh; hay quán vô ngại tức là diệu trí ẩn, in sâu dấu ẩn mọi pháp đều bình đẳng như trên đã đề cập.

Nói mọi tham dục vốn thanh tịnh sáng suốt nên sân giận ở đời cũng thanh tịnh. Mọi sân giận vốn thanh tịnh rộng suốt nên ngu si cũng thanh tịnh. Ngu si bản tánh thanh tịnh vô cùng sáng suốt làm cho sự nghi hoặc đều thanh tịnh. Bản tánh ngu si hoàn toàn thanh tịnh sáng suốt làm cho mê lầm ở đời cũng thanh tịnh sáng suốt. Hết thấy mê lầm vốn thanh tịnh sáng suốt nên

kiến chấp ở đời đều thanh tịnh. Mọi kiến chấp vô cùng thanh tịnh sáng suốt làm cho tánh kiêu mạn cũng thanh tịnh. Đoạn này có ba ý cũng giống như trước đã nói. Đoạn trên đề cập về cảnh, đoạn này về trí soi sáng các phần trên. Nói bản tánh tham dục là chân như thanh tịnh thì cảnh vô cùng trong sáng. Tánh hay soi sáng là thuộc về trí, tánh tham dục thì sanh ra sân si v.v...

Hết thấy kiêu mạn bản tánh thanh tịnh vô cùng sáng suốt khiến những ràng buộc thế gian thanh tịnh. Những ràng buộc bản tánh thanh tịnh vô cùng sáng suốt làm cho cấu nhi-m thanh tịnh. - đây nêu rõ bản tánh tùy phiền não vô cùng thanh tịnh sáng suốt. Về triền cấu v.v... trước đã giải rõ. Gọi là kết gồm có 9 thứ: ái, khuê (nhuế), mạn, vô minh, kiến-thủ, nghi, tật, xan, kết. Kết là buộc chặt mà chỉ có hòa hợp mới có thể giải được khổ nạn.

Tất cả những pháp xấu ác bản tánh thật thanh tịnh sáng suốt khiến những việc ác ở đời cũng thanh tịnh. Mọi pháp ác thật vô cùng thanh tịnh sáng suốt khiến vấn đề sanh tử cũng thanh tịnh. Phần trên nói mê làm, phần này nêu nghiệp quả. Do nghiệp sanh tử bức bách đưa lại nghiệp quả là mọi xấu ác. Sanh tử là quả dị thực tức là ác nghiệp đã tạo đưa tới quả khổ hiện tại.

Sanh tử bản tánh thanh tịnh vô cùng sáng suốt khiến mọi pháp thế gian đều thanh tịnh. Pháp thế gian là pháp nhi-m bao hàm các pháp hữu lậu, như phần hai sau nói chung là hết thấy mọi pháp.

Mọi pháp bản tánh thanh tịnh vô cùng trong sáng khiến chúng sanh ở đời thanh tịnh. Do pháp hữu lậu mà thành chúng sanh, nên sau khi hữu lậu hết thì chúng sanh thanh tịnh. Tất cả chúng sanh bản tánh thanh tịnh vô cùng sáng suốt làm cho Nhứt thiết trí thanh tịnh. Nhứt thiết trí xuất thế gian vốn thanh tịnh nên mọi pháp đều thanh tịnh. Ba thừa cùng quán các pháp vô ngã bằng nhứt thiết trí này.

Hết thấy trí bản tánh thanh tịnh hoàn toàn sáng suốt làm cho trí Bát Nhã siêu việt thanh tịnh tuyệt vời. Phần này về trí tuệ Bát Nhã thanh tịnh có thể soi sáng các pháp bản tánh thanh tịnh nên trí tuệ quán chiếu thanh tịnh hơn hết hợp với cảnh duyên vô cùng thích ứng. Kinh giải: Phật thuyết trí tuệ Bát Nhã lý thú bình đẳng thanh tịnh là như thế. Phần sau nói rõ đức thù thắng của kinh. Trí bình đẳng là đối với các pháp không thể luận bàn mà dùng trí quán sát tức là bình đẳng trí ấy.

Phật bảo Bồ tát Kim Cang Thủ: như có vị Bồ tát nào được nghe trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật Đa lý thú thanh tịnh như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu

tập thì có bị những thứ tham, sân, si, hoặc trần lao phiền não, cấu nhi-m vẫn như đóa sen; không bị khách trần cấu uế làm ô nhi-m tội lỗi. Do trí quán sát xem xét các pháp nhi-m tịnh bản tánh thanh tịnh nên ở trong phiền não vẫn không nhi-m ô, nhận chân được bản tánh, nên ở đây nói là lia hết các lỗi lầm.

Thường phải chuyên tu tập hạnh nguyện Bồ tát ắt hẳn mau chứng được vô thượng chánh đẳng Bồ đề.

Phần giải thích đây nói về quả thiện là nhờ tu tập pháp lành mà ngộ được chân trí, ấy chính là thực hành hạnh Bồ tát, sau khi chết sớm chứng quả giải thoát.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương vào tướng Như Lai, bậc tam giới chủ siêu việt. Phần sau, sáu cảnh chia hai đoạn: quả tu chứng về cảnh giới. Trong đây chia hai phần: 1/ Pháp môn quán đánh của bậc Pháp vương (Phật) tu tập hai hạnh mà đạt được quả vị, 2/ trí ấn Phật là pháp Kim Cang biểu hiện hai hạnh đạt được chân tánh (tự thể). Phần thứ nhất có ba ý nghĩa tiêu biểu như đã giải. Trước hết nêu rõ pháp môn Phật thuyết, trong đó lại chia làm hai: 1/ tướng Như Lai nương vào chỗ sở y, 2/ nói rõ tên của pháp đem giảng. Đây là phần thứ nhất về ba cõi bất an như ngôi nhà tựa nơm gồm những phiền não, độc trùng, ác thú, khổ bức với lửa dữ hùng hực cháy; đủ thứ sợ hãi làm cho chúng sanh lo lắng bất an. Phật Thế Tôn như ông trưởng giả thương xót các con tìm mọi cách cứu giúp đưa chúng ra khỏi nhà lửa tam giới. Phật Thế Tôn vì thế được tôn xưng là chủ ba cõi. Phật là Pháp vương cũng gọi là thắng chủ, nương nơi địa vị tôn quý mà Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sanh.

Vì chư Bồ tát Phật thuyết trí tuệ rốt ráo siêu việt mà tất cả chư Phật hòa hợp quán đánh lý thú tuyệt vời là pháp trí tạng. Phần này nêu rõ tên pháp đã thuyết; hàng Thập địa đã được địa vị Pháp vương của Phật. Hết thấy chư Phật mười phương cũng hòa hợp trong pháp quán đánh, như vua Sát Đế Lợi nhận 1- đẳng quang. Các vị Bồ tát nay được thọ địa vị tôn quý của Phật thì dùng nước pháp gì làm 1- quán đánh để được an lành?

Vì trí tuệ chư Phật là trí siêu việt sanh ra các đức bao hàm hết thấy mọi đức như kho tàng vậy. Đem trí tuệ này quán chiếu lên đánh chư Bồ tát làm cho hai chướng tử vô thủy dứt sạch cấu nhi-m. Hết thấy chư Phật đều thành tựu đầy đủ kiết tường công đức. Nên nay nói pháp trí tuệ siêu việt này khiến người y theo chỗ lý thú mà vào gọi là môn vậy.

Dùng phép quán danh thông thường ban rải còn được ngôi vị pháp vương ba cõi, còn đem pháp xuất thế gian tối thượng ban rải thì được thành tựu mọi tâm nguyện. Đem pháp xuất thế gian vô thượng ban rải nơi mọi pháp thì được trí tuệ tại. Như đem các thứ của cải, thức ăn ... bố thí thì được thân, miệng, ý an lạc. Nếu đem cả tài lẫn pháp bố thí tâm không thoái chuyển thì mau được viên mãn Bồ Đề. Từ đây trở đi nêu rõ pháp môn đã thuyết: pháp lục độ. Lục độ không giống nhau tùy theo mỗi trường hợp mà phân thành sáu pháp. Riêng việc bố thí có 5 cách: 1/ vị thí, 2/ nghĩa thí, 3/ pháp thí, 4/ tài thí, 5/ vô úy thí. Trong 5 cách thí này mỗi thứ đều có một số kết quả, song ở đây chỉ lược nêu 5 kết quả thôi. 1/ Từ bỏ địa vị giàu sang tu hành cần thận đạt được Phật quả là Pháp vương ba cõi. 2/ Do bố thí hợp tình hợp lý mà đời sau mọi nguyện ước đều thành tựu viên mãn. 3/ Nhờ bố thí pháp nên hiểu tường tận Phật pháp. 4/ Do bố thí của cải, thức ăn mà ba nghiệp vẹn toàn, kiếp sau ba nghiệp được thanh tịnh. 5/ Nếu dùng các món tài, pháp v.v... bố thí, tức là đem của cải, giáo pháp trợ giúp chúng sanh khiến họ không sợ sệt là vô úy thí. Kinh Phát Bồ Đề Tâm nói: muốn thực hiện hạnh bố thí của cải cần yếu phải phát năm tâm này: 1/ chí tâm, 2/ tín tâm, 3/ tùy thời, 4/ tự tay mình làm, 5/ đúng pháp. Như phương ngôn có câu: người thí phải cương quyết, tín tâm đủ mãnh liệt. Trong lúc bố thí phải tỏ thái độ cung kính, hợp thời và chính tự tay mình làm việc này. Lại có câu phương ngôn:

Lợi tha ban rải khắp chúng sanh

Chẳng quản khó, giàu chỉ chút tình ...

Trong mọi lúc mọi thời việc bố thí tùy khả năng có thể nói pháp rộng cho nhiều người được lợi lạc nên bố thí năm loại sau đây:

- 1/ Không bố thí của cải phi pháp, những đồ bất tịnh,
- 2/ Không ban phát rượu và chất độc (độc tố) làm chết người,
- 3/ Không ban rải bẫy, động cơ, lưới làm tổn hại chúng sanh,
- 4/ Không ban dao gậy, cung tên để làm hại sinh vật,
- 5/ Không ban âm nhạc, nữ sắc làm bại hoại tâm trong sạch của người.

Bố thí được 5 điều lợi lạc:

1/ Thường được thân cận các bậc hiền thánh,

2/ Chúng sanh ưa thích muốn gặp,

3/ - trong chúng được mọi người tôn kính,

4/ Tiếng tốt đồn xa,

5/ Gieo nhân giải thoát.

Bồ tát Vô Trước nói: Nên tu theo sáu pháp tâm ý an lạc: 1/ tâm quảng đại, 2/ bền bỉ lâu dài, 3/ hoan hỷ, 4/ nhớ ơn, 5/ chí lớn, 6/ thuần thiện. Trong 6 pháp trên phải phát khởi ba tâm: 1/ mến trọng, 2/ tùy hỷ, 3/ ưa thích với niềm vui. Người nghe 6 pháp trên rồi phát tâm niệm nghĩ thì phát sanh vô lượng phước báu, bao nhiêu nghiệp ác cũng đều tiêu sạch, hưởng nữa chư Bồ tát ư ?

Thọ trì những giới răn thanh tịnh khiến trí tuệ siêu việt được thanh tịnh chóng thành tựu viên mãn. Nhấn nhục trong việc tu tập làm cho trí tuệ siêu việt sớm được thành tựu. Trong mọi lúc mọi thời tinh tấn tu tập làm cho trí tuệ siêu việt mau được viên mãn. - trong mọi hoàn cảnh tinh chuyên thiền quán làm cho trí tuệ siêu việt thanh tịnh thuần thiện chóng được viên mãn. Đối với các pháp cần dùng trí tuệ quán chiếu làm cho trí tuệ siêu việt chóng được thành tựu viên mãn. Ba loại giới pháp đều được viên thành, cho dù bện cỏ, kết ngọc cũng không cho hủy hoại. Giới đến những ba loại chẳng phải một nên nói nhiều loại. Tu hành là tất cả mọi sự mọi việc đều nên nhẫn, trong mọi lúc cần phải nỗ lực không biết chán mỏi. Trong mọi hoàn cảnh đều giữ thiền quán để tâm không tán loạn. Đối với các pháp phải vận dụng trí tuệ để chọn lựa cho thích hợp. Tu pháp lục độ sẽ đạt được 6 kết quả: 1/ giàu sang, 2/ sanh nhà tôn quý, 3/ quyền thuộc đông đúc, 4/ thành tựu đại sự nghiệp, 5/ không bị phiền não ô nhiễm, 6/ đạt được ngũ minh. Hay như trong Nhiếp Đại Thừa Luận nói thì có thể thực hiện được nhiều điều lợi lạc.

Phật nói pháp quán đánh Bát Nhã lý thú trí tạng pháp môn như thế xong liền bảo Bồ tát Kim Cang Thủ, nếu có người nào nghe được pháp quán đánh vi diệu lý thú trí tạng môn này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì sớm thành tựu hạnh Bồ tát, mau đạt được quả vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Do nghe pháp lục độ tu tập hạnh Bồ tát mong cầu đạt quả giải thoát ắt sớm được thành tựu.

Lúc bấy giờ đức Phật lại nương nơi trí ẩn của chư Phật hành trì những pháp môn ẩn mật của tất cả các đức Phật với thân tướng Như Lai, vì chư Bồ tát tuyên nói trí tuệ siêu việt mà tất cả chư Phật đều nương nơi trí ẩn tuyệt vời lý thú Kim Cang ấy.

Đoạn này luận về trí ẩn pháp môn Kim Cang của chư Phật nêu rõ hai pháp thực hành đạt đến kết quả. Trong kinh văn có ba phần như đã giải thích ở trên.

1/ Phần thứ nhất nêu rõ tên pháp môn Phật thuyết. Dùng diệu trí vận chuyển pháp vi diệu của chư Phật. Giáo pháp Phật cao siêu cũng khó mà lãnh hội hết được thể tánh nên nói bí mật. Dùng một môn trí ẩn đây thọ trì Phật pháp. Tất cả Phật pháp tụ vào trí ẩn này nên nói vận chuyển. Phật nói pháp khiến chúng hội ân cần thâm nhập để phá trừ sạch sanh tử đều do trí tuệ rắn chắc như kim cương này.

Nếu ai nhiếp thọ đầy đủ thân ẩn Kim Cang chư Phật hẳn chứng nhập pháp thân Phật. Nếu ai nhiếp thọ đầy đủ ngữ ẩn Kim Cang chư Phật trong các pháp thì được an lạc tự tại. Do nhân Phật thực hành ba nghiệp thuần thanh tịnh tới khi đạt kết quả là pháp thân Kim Cang vậy.

Nếu ai giữ gìn đầy đủ tâm ẩn Kim Cang chư Phật trong thiền định nên được sức tự tại. Nếu ai nhiếp thọ đầy đủ trí ẩn Kim Cang chư Phật thì được thân-khẩu-ý bền vững như kim cương bền chắc bất động. Từ trong nhân ứng dụng đầy đủ trí Kim Cang nơi ba nghiệp nên đạt được kết quả là thân-khẩu-ý thuần thiện tuyệt đối. Như kim cương cứng chắc không bị bạn xấu ác sách nhi-u; cũng không bị sanh tử làm hại được. Trong phần này ý nói rằng tu tập ba nghiệp riêng mà cái nhân thù thắng như thế ắt đạt được 3 quả cũng như vậy. Thực hành một trong ba nghiệp mà được kết quả như thế huống gì hoàn tất đủ cả ba nghiệp thì sức bền chắc như Kim Cang không thể hư hoại được.

Phật nói Bát Nhã Kim Cang lý thú trí ẩn xong bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát: nếu người nào nghe được trí ẩn Kim Cang lý thú này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì mọi việc làm đều được thành tựu, thường được những việc thù thắng hợp với ý nguyện tu tập trí tuệ và bao nhiêu phước nghiệp đều được thành tựu viên mãn. Phần này tán thán công đức kinh. Tất cả mọi việc đều thành tựu, nghĩa là không còn một việc xấu ác mà thuần hợp với việc thiện. Thường được những việc thù thắng cũng như được những việc thuần thiện ở hiện tại và tương lai, xa lìa những sự suy thoái hư

hoại, và việc tu phước huệ sớm thành tựu viên mãn. Đó là do cái nhân lành mà được quả thù thắng như thế.

Được thân, khẩu, ý thanh tịnh tuyệt vời bền chắc như Kim Cang khó thể hư hoại nên mau chứng quả vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Đây nói chỗ đạt được quả vị cao tột ở vị lai.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương pháp không hý luận, từ thân Phật vì chư Bồ tát nói trí tuệ siêu việt vô cùng lý thú này là pháp luân chuyển. Sáu đoạn kinh trên nói rõ cảnh giới thù thắng. Sáu đoạn sau nêu các hạnh thù thắng, cũng có thể phân thành ba. Hai đoạn trước nêu lên tướng phải đoạn, tướng cần tu, hai đoạn kế nêu rõ pháp quán chiếu tu tập để dứt các tướng, hai đoạn sau: y theo hai pháp phổ thông tu hành. Nói chung, hai đoạn đầu nêu thật tướng đoạn diệt trong đó có hai: trước nhất là lìa mọi hý luận, pháp tự luân, quán chân như đoạn trừ phân biệt. Sau quán tánh bình đẳng tu chứng pháp chân. Đoạn sau được phân làm ba phần: 1/ nêu rõ pháp Phật nói, lại phân làm hai: nói rõ tướng chư Phật nương tựa. Pháp tánh chân như lìa mọi phân biệt, 2/ xa lìa tất cả mọi ngôn thuyết, 3/ không hý luận là nương tướng pháp thân. Pháp tự luân, chữ luân có hai nghĩa: 1/ bao trùm khắp cả, 2/ thôi hoại. Quán sát tánh chân như không hý luận đến tất cả mọi pháp được châu viên. Do quán nên lìa hết phân biệt, chấp trước, phá diệt sanh tử gọi là thôi hoại. Chữ luân này đúng lý là pháp môn, tức tự luân, dạy rõ chỗ tu tập là môn do nghe lời giáo huấn đây mà khởi niệm tu hành. Đã khởi niệm tu hành ắt được quả viên thành, đã được quả lại được chuyển sang người khác và như thế cứ tiếp tục luân chuyển mãi.

Hết thấy các pháp đều không, vô tự tánh nên mọi pháp vô tướng. Lìa hết mọi tướng nên các pháp vô nguyện vì vô nguyện nên không mong cầu. Phần sau đây chia làm bốn nêu rõ chỗ Phật đã nói. Ba phần đầu về giải thoát môn với tánh biến kế chấp (24) thấy đều không, viên thành thật (25) vô tướng, y tha khởi (26) vô nguyện. Ba giải thoát môn thông với ba tánh. - đây chỉ nêu hai là chân và vọng, cả hai thông với ba tánh cho nên không còn ngã có tên không mà xa lìa luôn 10 danh vô tướng, cũng không còn danh vô nguyện.

Hết thấy mọi pháp xa lìa không còn vướng mắc nên hoàn toàn vắng lặng tự tại. Đây là phần nói về lìa chấp lìa sanh.

Hết thấy mọi pháp vô thường, bản tánh luôn luôn là không nên chúng bất an cũng như luôn luôn chẳng an. Các pháp vô ngã, không tự tánh nên bất tịnh, vì xa lìa bản tánh thanh tịnh. Đoạn trên nói lìa bốn lỗi chấp điên đảo.

Tất cả mọi pháp bất khả đắc, vì suy tầm bản tánh chúng không thể được cho nên pháp khó thể nghĩ bàn. Bản tánh các pháp vô sở hữu nên pháp không có chủ thể. Các pháp do các duyên giả hợp thành nên không thể luận bàn suông. Bản tánh các pháp vắng lặng lia hết nói năng cho nên thanh tịnh vì diệu Bát Nhã Ba La Mật Đa, là bản tánh vắng lặng. Đây nói về xa lia mọi chấp trước. Không chấp thì không có sở đắc. Tâm tìm cầu, luận về ngôn thuyết không thể nghĩ bàn mà mượn pháp giả lập không thực hữu. Pháp vốn lia nói năng, không nói bàn suông, vì bản tánh các pháp là thanh tịnh. Thật tướng trí Bát Nhã vắng lặng cho nên pháp tánh đây đối với mọi pháp bản tánh đều là không.

Phật nói, như thế phải xa lia nói bàn pháp trí tuệ lý thú tự luân, rồi bảo Bồ tát Kim Cang Thủ, cùng chư Bồ tát: nếu có người nghe pháp không thể nghĩ bàn trí tuệ lý thú tự luân này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập đối với mọi pháp được vô ngại thì mau chứng được chánh đẳng Bồ đề. Phần này tán thán công đức kinh thù thắng đạt được pháp tánh không, nên đối với các pháp được vô ngại trí.

Lúc đó đức Thế Tôn y pháp chư Phật mà hiện thân, vì chư Bồ tát nói trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật sâu vào đại luân, là pháp bình đẳng lý thú vô cùng. Phần này nói nhập vào quảng đại luân là pháp bình đẳng. Do quán sát bình đẳng đạt lý chân. Trong ba pháp tiêu biểu đã nói tên pháp môn, trước nói rõ tự luân mà chưa minh định pháp nào. Nay nêu rõ các pháp chân thật viên mãn xa lia mọi chấp trước. Các pháp chu biến cùng nên rộng khắp, không pháp nào không bao hàm nên nói bình đẳng. Pháp là bản thể nên còn gọi là tánh. Hiểu trí tuệ bình đẳng là có thể thâm hiểu Phật tánh cùng khắp. Hiểu đúng nghĩa bình đẳng là thấu triệt chân nghĩa Bồ tát sâu rộng. Thâm nhập tánh bình đẳng mới có thể ngộ được tất cả pháp tánh. Sau đây trình bày chi tiết những phần đã nói, trong đó có ba điểm đáng chú ý: trước nói tánh riêng biệt, sau nói tánh chung. Trong tánh riêng biệt lại phân ba: 1/ Tánh bậc Thánh rộng khắp, 2/ pháp tánh cùng khắp, 3/ tánh chúng sanh bao hàm khắp. Trong phần 1 lại chia thành ba: 1/ nêu rõ Phật tánh cùng khắp, 2/ Pháp thân Phật phá trừ sanh tử, bền chắc như kim cương khó có thể hư hoại, Pháp mà Bồ tát y theo lời giáo hóa đây tu tập thì sẽ chứng ngộ, 3/ chân nghĩa bình đẳng là tánh Bồ tát mà chư Phật thực hành. Kim Cang là tên riêng không phải là nghĩa Bồ tát, thấu đạt pháp này thì chưa viên mãn được tánh Kim Cang mà chỉ mới trên danh nghĩa, cả hai đều gọi chung là pháp. Pháp là giáo

pháp, muốn làm sáng tỏ nhân quả đã nói là pháp thù thắng giáo hóa rõ ràng để đi sâu vào vòng pháp tánh; theo đó nói tánh riêng để đạt chân tánh.

Đi sâu vào tánh bình đẳng của uẩn có thể hiểu, là tất cả các uẩn. Đi sâu vào tánh bình đẳng của xứ mới thâm nhập được mọi xứ. Đi sâu vào tánh bình đẳng của giới mới thông suốt phần pháp giới tánh. Hai phần sau nêu rõ vòng pháp tánh trong đó có ba: 1/ pháp riêng, 2/ pháp chung, 3/ pháp vị. Trong pháp riêng có bảy: đầu có ba mục nghĩa riêng biệt và ba thể chân pháp tánh.

Hiểu tường tận bình đẳng là có thể thông suốt tất cả pháp tánh. Hiểu tánh duyên khởi bình đẳng là hiểu suốt mọi pháp duyên khởi. Đi sâu vào tánh bình đẳng trên quý thì mới hiểu được pháp tánh quý. Đi vào thật tánh bình đẳng mới thấu rõ vòng thật tánh. Bốn pháp riêng này đúng là tứ đế. Duyên khởi gồm 12 món báu là Tam Bảo. Thực gồm có bốn thứ: đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Ba món hương, vị, xúc là đoạn thực. Xúc là đụng tới tiếp cận thức thứ sáu. Tư là nghĩ tưởng cũng thuộc thức thứ sáu. Thức là tàng chứa tức chỉ thức thứ tám. Tùy duyên nói bốn nhiếp pháp đưa về pháp tánh. Thấu hiểu thiện pháp tánh đều bình đẳng mới hiểu rõ tất cả vòng pháp tánh thiện. Thấu hiểu tánh phi thiện pháp bình đẳng mới hiểu được vòng phi thiện pháp. Thấu hiểu pháp hữu ký tánh bình đẳng mới hiểu được vòng pháp tánh hữu ký. Thấu hiểu pháp vô ký bình đẳng tánh mới hiểu được vòng pháp tánh vô ký. Thấu hiểu pháp hữu lậu tánh bình đẳng mới hiểu được vòng pháp tánh hữu lậu. Thấu rõ pháp vô lậu tánh bình đẳng mới hiểu được vòng pháp tánh vô lậu. Thông suốt pháp hữu vi tánh bình đẳng mới thấu rõ vòng pháp tánh hữu vi. Thấu triệt pháp vô vi tánh bình đẳng mới tường tận vòng pháp tánh vô vi. Hiểu rõ pháp thế gian tánh bình đẳng mới thấu triệt vòng pháp tánh thế gian. Thấu rõ pháp xuất thế gian tánh bình đẳng mới thấu triệt vòng pháp tánh xuất thế gian. Phần này nêu rõ thông đạt các pháp là thấu triệt vòng pháp tánh, trong đó có năm phần như ý nghĩa kinh văn dẫn giải. Năm phần này phổ thông trong cả hai môn và pháp.

Hiểu pháp dị sanh tánh bình đẳng mới hiểu được hết vòng pháp tánh dị sanh. Hiểu rõ pháp Thanh Văn tánh bình đẳng mới thấu triệt vòng pháp tánh Thanh Văn. Hiểu rõ pháp Độc Giác (Duyên Giác) tánh bình đẳng mới hiểu được hết vòng pháp tánh Độc Giác. Thấu triệt pháp Bồ tát tánh bình đẳng mới hiểu vòng pháp tánh Bồ tát. Ngộ được Phật tánh bình đẳng mới có thể thông đạt được vòng pháp tánh Như Lai. Đây là điểm ba nêu rõ các pháp vị sâu vào vòng pháp tánh, gồm có 5: một phạm và bốn thánh như ta đã biết.

Phải hiểu chúng sanh tánh bình đẳng mới thấu suốt được vòng pháp tánh các loài hữu tình. Phần này nêu rõ thông đạt bản tánh chúng sanh. Hiểu tất cả bản tánh bình đẳng mới thấu triệt được vòng pháp tánh. Điểm này nói chung vòng pháp tánh, Thánh hoặc phàm, nhơn hoặc pháp ... tất cả đều thuộc vòng pháp tánh. Muốn hiểu tường tận mọi pháp hẳn quy về bản tánh quảng đại luân (vòng tròn lớn).

Phật nói pháp tánh bình đẳng nhập quảng đại luân trí tuệ lý thú như thế xong bảo Bồ tát Kim Cang Thủ và chư Bồ tát rằng nếu có người nghe được pháp môn vi diệu lý thú bình đẳng này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập khéo ngộ được các pháp bình đẳng thì mau chứng vô thượng Bồ đề. Phần này tán thán công đức thù thắng của kinh. Do nghe kinh này mà trong hiện tại và vị lai ngộ được bản tánh các pháp bình đẳng. Tỏ ngộ tu chứng khéo thông đạt đến cứu cánh thì mau chứng đạo quả.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn y pháp thọ cúng dường rộng khắp tất cả, là Như Lai chân tịnh phước điền, vì chư Bồ tát mà nói trí tuệ rốt ráo siêu việt. Trong tất cả các pháp cúng dường là pháp môn vô thượng lý thú tuyệt vời. Đoạn trên phân ra hai phần nêu rõ pháp quán chiếu tu tập liả tướng. Phần thứ nhất: cúng dường là pháp vô thượng thật thanh tịnh; nhờ lực quán chiếu nên tu pháp cúng dường này. Phần thứ hai: khéo điều phục tâm ý, nhờ sự quán chiếu mà trừ dứt được nóng giận, cau có v.v... Trong đây có thể phân làm ba: 1/ nêu lên pháp môn thực hiện, 2/ thọ sự cúng dường sâu rộng, 3/ là món phước điền chân thật thanh tịnh. Đây là pháp Phật thực hành, là cúng dường chân thật đầy đủ, là chân pháp cúng dường trong các pháp. Khi thành Phật ba nghiệp thanh tịnh viên mãn thọ nhận của cúng dường một cách sâu rộng, đem pháp chân thật ban rải cho chúng sanh, làm rộng phước thanh tịnh nên nói là vô thượng (không gì hơn). Hàng nhị thừa tuy có phước đức song chưa đạt được vô thượng phước điền.

Phát tâm vô thượng Bồ đề nguyện cúng dường khắp tất cả chư Phật để hộ trì chánh pháp. Cúng dường chư Phật là cách tu tập trí tuệ Ba la mật, cúng dường chư Phật là tu tập các pháp giải thoát. Cúng dường chư Phật là tu tập các pháp thiền định, nhiếp niệm. Cúng dường chư Phật là tu tập các pháp ngũ nhãn, lục thông. Cúng dường chư Phật là tu tập các pháp trí tuệ, giải thoát. Cúng dường chư Phật là tu tập từ, bi, hỷ, xả. Cúng dường rộng chư Phật là tu tập các pháp bất cộng Phật pháp, là chân nghĩa cúng dường các đức Phật. Phần sau điểm chính nói do nhân tu pháp cúng dường chân chánh mà về sau được nhân thanh tịnh, trong đó có ba điểm: tu các hạnh quán xét tu hành, thực hành pháp hạnh. Trong phần một lại còn phân thành ba: hạnh

sơ phát tâm, hạnh nhiếp hộ (giữ gìn), hạnh tu tập. Trong tất cả các pháp cúng dường thì cúng dường pháp hơn cả. Sách Thiên Vương Hội nói: như hai người lánh xa vương tặc không xâm phạm của báu nhà vua, thì trong trăm nghìn vạn kiếp không nghe được pháp hẳn được nghe; không thọ trì pháp thì không biết bố thí. Người phát tâm đại Bồ đề hộ trì chánh pháp y theo lời dạy tu hành thì tâm vắng lặng, tâm bình đẳng lợi mình lợi người, đó mới là chân thật cúng dường. Phật dạy rằng người phát tâm đại Bồ đề như các vị Bồ tát sơ phát tâm thì một niệm dù nhỏ cũng có phước đức báu, trong trăm nghìn vạn kiếp cũng không cùng, hưởng nữa trải qua nhiều kiếp. Cũng như ban đầu đại dương có ít rồi dần dần dần chứa nhiều châu báu vô giá trở nên vô số. Những thứ châu báu ấy từ biển sanh. Ba ngàn đại thiên thế giới ban đầu là nơi nương tựa của hết thảy 25 loài hữu tình. Bồ tát phát tâm cũng như thế, lúc đầu hẹp rồi dần dần làm nơi nương tựa cho khắp mọi loài chúng sanh mà phát tâm từ bi là đứng đầu. Như hư không thì không vật gì che lấp, chúng sanh vô số lượng cũng như hư không vậy. Vì chúng sanh vô số nên Bồ tát cũng phát tâm như vậy để có thể bao trùm mọi thế giới đến hết thảy mọi loài. Nếu Bồ tát gần gũi các bậc thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập căn lành, cầu pháp cao thượng thì tâm luôn luôn nhu hòa, nhẫn nại chịu khổ. Bồ tát phát từ bi rộng lớn, tâm bình đẳng sâu xa, ưa thích đại thừa, cầu trí tuệ Phật. Nếu người nào đầy đủ 10 pháp như thế mới có thể phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, như trong kinh có nói đầy đủ. Nhiếp hộ pháp là gì ? Nhiếp là nhiếp thọ, giữ gìn như nàng Thắng Man giữ gìn chánh pháp vậy. Còn hộ là ủng hộ, hộ niệm, cũng có nghĩa là góp phần duy trì chánh pháp tồn tại. Duy trì, ủng hộ pháp như thành lũy, hy sinh cúng dường không tiếc thân mạng. Ba La Mật Đa là hạnh tu không thoái chuyển gồm có bảy tâm: 1/ tổng trì là ấn chú, 2/ đẳng trì là thiền định, 3/ tịnh lực là bốn pháp định tâm, 4/ giải thoát là 8 pháp giải thoát, 5/ tứ vô lượng tâm là từ-bi-hỷ-xã, 6/ hết thảy chư Phật là pháp bất cộng với Bồ tát địa, 7/ chư Phật Thế Tôn có 140 pháp bất cộng Phật pháp, chư Phật đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 4 pháp thanh tịnh, thập lực, bốn pháp không khiếm sợ, ba niệm an trú, ba niệm đại bi không quên pháp, xa lìa tập khí (thói quen xấu), có tất cả trí tuệ tuyệt vời ấy là những pháp mà chỉ Phật có, nên nói là pháp bất cộng. Ba mươi hai tướng tốt, 80 vẻ đẹp, mười lực, bốn pháp không khiếm sợ, đại bi, pháp không quên mất v.v... như trên đã nói. Đây nói rõ bốn pháp thanh tịnh: 1/ tất cả pháp được nương tựa thanh tịnh nên hết thảy phiền não sâu dày, tập khí (thói quen xấu) đều dứt hết. Đối với tự thân các món ham muốn riêng tự dứt bỏ mà trụ trong sự tự tại, 2/ tất cả các sở nguyện đều thanh tịnh, nghĩa là đối với các pháp như hóa như biến, như ẩn như hiện mọi chỗ duyên đều biến chuyển một cách tự nhiên, 3/ tất cả các tâm đều thanh tịnh, như tâm thô ác vĩnh viễn xa lìa, nên tích tập mọi căn lành, 4/ tất cả chủng trí đều thanh tịnh. Những vô

minh sâu dày vĩnh vi-n xa lia; biến chỗ hiểu biết thành trí vô chướng ngại, là trí tự tại. Ba niệm an trú nghĩa là trong đêm dài Phật có những ý muốn là làm sao khiến chúng sanh an trú trong pháp giải thoát mà không bị điên đảo lúc thực hành. Trong đêm dài hun hút như thế Phật muốn hóa độ chúng như những mong ước đó hoặc được thỏa mãn hay không đều không sanh tâm buồn lo. Ba niệm an trú đã lược nói rõ; và sau đây là ba pháp riêng khác. Thứ nhất: một hướng chánh hạnh, thứ nhì: một hướng tà hạnh, thứ ba: một phần chánh hạnh, một phần tà hạnh, không sanh mừng lo mà chỉ nghĩ tới đại xã. Ba nghiệp chur Phật thanh tịnh, nếu ai không giữ gìn ba nghiệp là thành nhi-m ô. Phật vĩnh vi-n đoạn dứt các tập khí như lúc đi, lúc ngắm nhìn, lúc nói năng, hoặc lúc đứng cơ hồ không dấy khởi phiền não do nghiệp tác động mà phần nhiều không thể hiện bằng hành động. Và hết thấy mọi tập khí đều đoạn dứt không còn thừa sót, các thứ diệu trí nói chung là các pháp, trí không điên đảo không ngoài Phật pháp như trên đã nói.

Quán xét các pháp hoặc thường hay vô thường đều không thể được. Cúng dường rộng khắp chur Phật mà quán các pháp hoặc vui hoặc khổ đều không thể được. Cúng dường khắp chur Phật mà quán các pháp hoặc ngã hoặc vô ngã đều không thể được. Cúng dường khắp chur Phật mà quán các pháp hoặc tịnh hoặc bất tịnh đều không thể được mới là chân pháp cúng dường rộng khắp các đức Như Lai. Phần sau quán sát hành tướng có ba: 1/ xa lia bốn món điên đảo, 2/ hành ba môn, 3/ lia chấp sanh diệt. Sanh ra đời khác phần nhiều người chấp có thân, tâm thọ pháp là thường-lạc-ngã-tịnh. Để phá trừ lỗi chấp ấy nên Phật nói pháp tứ đế quán vô thường, vô ngã, vô lạc, bất tịnh khiến chúng lia sanh tử hướng cầu pháp nhị thừa. Nhị thừa còn chấp bốn pháp: chân thật, đây, kia, vô thường. Họ chấp pháp nên ham tiểu thừa mà không muốn cầu đại thừa. Đức Thế Tôn về sau nói đại bát Niết Bàn với bốn đức thường-lạc-ngã-tịnh khiến môn đệ bỏ tiểu quả hướng Đại thừa; nghe xong lia bỏ bèn được Phật quả. Cả hai đều là dùng phương tiện dẫn dắt mà không phải thật. Các pháp thật thì không phải hai. Cho nên nói rằng chur Phật có lúc nói ngã lúc nói vô ngã; còn thật tướng mọi pháp thì không ngã cũng không phi ngã. Ngoài ra ba đức khác cũng vậy. Giờ đây quán thật tướng để thi thiết cúng dường mà quán các pháp là thường hay vô thường đều không thể được. Quán các pháp hoặc không hoặc chẳng không đều không thể được. Cúng dường khắp chur Phật mà quán các pháp hữu tướng hoặc vô tướng đều không thể được. Cúng dường khắp chur Phật mà quán các pháp hữu nguyện hoặc vô nguyện đều không thể được mới gọi là chân thật cúng dường các đức Như Lai. Đây là pháp nói về thực hành ba môn giải thoát. Như hàng nhị thừa quán khổ là không tức là thực hành cái không vô ngã, quán tập và đạo toàn là khổ đế là tu tập một phần vô nguyện, quán triệt

chân thật là thực hành vô tướng để hoàn thành tu tập trong niềm phấn khởi. Nếu hàng Đại thừa quán biến kế sở chấp thật ngã là thực hành cái không, quán tánh y tha khởi là hành vô nguyện, quán tánh viên thành thật là thực hành vô tướng, hay cả ba đều bổ xung nhau. Không, vô tướng, vô nguyện cùng phá vọng tưởng phân biệt của phàm phu, trừ hai món ngã chấp và pháp chấp. Cho nên không phải là không ngơ, hữu nguyện và hữu tướng cũng thế, là lỗi chấp của phàm phu. Thực hành không, vô nguyện, vô tướng đều nhắm vào pháp môn phương tiện. Dựa vào lý thật tướng thì không không, cũng chẳng phải không, hữu nguyện, vô nguyện, hữu tướng, vô tướng nay quán thật tướng thì không thể được. Suy một pháp trên thì rõ được tất cả các pháp. Nên ở phần lý luận có đề cập từ "thuần nhã đa" tức là tánh không. Song pháp tánh không phải tánh không ngơ.

Quán các pháp hoặc xa lìa hoặc không xa lìa đều là bất ổn không thể chấp nhận. Cúng dường chư Phật mà quán các pháp hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng đều không thể được mới chân thật là pháp cúng dường rộng khắp các đức Như Lai. Phàm phu vọng chấp tham đắm sanh tử tâm không thanh tịnh mà vẫn không chịu xa lìa, Phật muốn phá chấp của phàm phu nên bảo phải xa lìa để tâm được vắng lặng. Nương pháp xa lìa và vắng lặng để phá trừ bệnh chấp chúng sanh là cố đưa vào chân tánh để xa lìa và thanh tịnh. Căn cứ vào thật thể các pháp thì chẳng có gì phải xa lìa với không xa lìa, chẳng có gì vắng lặng với không vắng lặng cả. Tịnh hay bất tịnh đều là mới nhập môn, không phải là pháp tánh. Dùng cái thể thật tướng pháp thì tuyệt đường nói năng, dứt luận bàn suy tư đạo lý nên xa lìa cũng không thể chấp nhận được.

Nhìn sâu qua trí tuệ siêu việt thì việc nghe, sao chép (in ấn), thọ trì, đọc tụng, suy xét, tu tập là làm cho giáo pháp lưu truyền rộng khắp chúng sanh như tự mình cúng dường pháp hay chuyển nhờ người cúng dường rộng khắp đến các đức Như Lai. Từ đây trở đi nói pháp môn tu tập gồm có: 1/ in ấn, 2/ lắng nghe, 3/ thọ trì bằng cách yêu quý bảo trọng tâm không rời pháp, dù sống chết quyết nguyện theo đuổi, 4/ đọc, 5/ tụng, 6/ suy xét, 7/ tu tập đúng như lời dạy, 8/ giảng giải sâu rộng khắp chúng sanh cho pháp lưu truyền mãi, 9/ tự mình cúng dường pháp, 10/ giúp người cúng dường. Mười cách trên là phương pháp tu tập thực hành như tự mình làm hoặc dạy người khác làm, tán dương, tùy hỷ, chúc mừng v.v... Trong các cách cúng dường thì tự mình phát tâm hoặc khuyên người khác cúng dường. Căn cứ vào thực tế mà nói thì tự mình cúng dường, dạy người khác cúng, tán dương, tùy hỷ, chúc mừng v.v... đều gọi là pháp cúng dường. Trường hợp giúp người khác in ấn cho chí khuyến họ cúng dường, tán dương công đức v.v... đều gọi là thực

hành hay cúng dường pháp. Người tu tập mười pháp như thế sẽ đạt được phước báu thù thắng vô lượng hay là vô tận, như khuyên người khác tu tập không ngừng, như trong Trung Biên luận có giải rõ.

Phật nói pháp chân thật cúng dường như thế là pháp cao thượng lý thú, rồi bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát, nếu người nào nghe được pháp vô thượng trí tuệ lý thú như thế mà cúng dường tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì chóng hoàn thành hạnh nguyện Bồ tát, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Đây là phần tán dương công đức kinh thù thắng. Cúng dường pháp là thực hành hạnh Bồ tát nên hạnh Bồ tát chóng được viên mãn.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại nương tướng khéo điều phục của Phật vì chư Bồ tát mà nói trí tuệ siêu việt rất ráo để giáo hóa điều phục chúng sanh pháp diệu trí lý thú thâm sâu này. Căn cứ sự quán chiếu tu hành trong phần hai sau đây nêu pháp khéo điều phục trí tuệ. Do sự tu quán mà dứt trừ sân giận v.v... trong mạch văn có ba ý như trên đã giải thích. Phần 1 nêu tổng quát tên pháp đã giải thích. Hay khéo điều phục, tức trừ dứt nóng giận v.v... là người khéo điều phục thu nhiếp trí tuệ cẩn thận điều phục chúng sanh, dùng trí tuệ quán chiếu sâu sắc gọi là mật. Trí tuệ này là kho tàng giữ gìn Phật pháp và những công đức nên nói nhiếp thọ hay còn gọi là trí tạng. Dùng trí tạng này trừ những lỗi quấy: ta, người, giận, ghét ... nên nói là điều phục. Pháp này nghĩa rõ ràng do trí quán xét mà đạt được bản tánh của pháp, những tánh xấu cấu giận ... cũng có thể chế ngự. Tất cả chúng sanh đều giống nhau, tức là tánh giận dữ như nhau. Mọi chúng sanh chế ngự được bản tánh, tức là chế ngự được tánh giận dữ. Mọi loài hữu tình là chân pháp tánh tức tánh nóng giận thật hữu. Chúng sanh chân như tánh, tức tánh giận dữ có sẵn. Chúng sanh pháp giới tánh tức tánh nóng giận khắp pháp giới. Chúng sanh ly sanh tánh, tức không xa lìa tánh giận tức. Chúng sanh mang sẵn bản tánh thực, tức tánh giận dữ có thật. Chúng sanh vốn tánh không, tức bản tánh giận dữ vốn là không. Chúng sanh tánh vô tướng, tức tánh nóng giận vô tướng. Chúng sanh tánh vô nguyện tức không mong tánh giận tức. Chúng sanh tánh vi-n ly, tức xa lìa tánh nóng giận. Chúng sanh tánh vắng lặng, tức tánh nóng giận vắng lặng. Chúng sanh tánh bất khả đắc, tức không thể có tánh nóng giận. Chúng sanh tánh vô sở hữu, tức tánh nóng giận không ai làm chủ. Chúng sanh tánh khó thể nghĩ bàn, tức tánh giận dữ khó di-n đạt. Chúng sanh tánh vô hý luận tức tánh giận không thể bàn suông. Chúng sanh tánh cứng rắn như kim cương, tức là giận tức cũng chắc nịch như vàng lõi vậy. Phần sau giải rõ những điều đã giải trong đó có hai điểm: trước nêu 17 thật tướng tức nói hành tướng con giận tức, sau giải thích nguyên nhân. Phần một văn kinh phân làm 5 đoạn. Trước lấy pháp bất nhị trừ ba tướng không

biến đổi trong cơn sân giận. Trong cơn giận phải nghĩ điều này: các pháp bình đẳng làm sao có sân giận ? Các pháp không nhi-m, mà giận áp đảo được ta chăng? Pháp không thay đổi thì tánh giận cũng vậy. Sao còn phân biệt thấy người khởi nóng giận mà nổi tức bực ? Quán xét như thế thì tất cả sai lầm đều trừ sạch. Sau đây là những mẫu mực cần phải học. Thứ hai dùng đức chân thường phá trừ bốn tướng chấp cho là cảnh thật để khởi giận tức. Thứ ba dùng phi hữu tức lia hết các tướng không mong ba thật tướng để khởi giận tức. Thứ tư dùng pháp đoạn nhi-m lia hai món ly sanh khởi giận tức. Thứ năm dùng vô đắc, hư dối vi tế lia 5 loại nói năng chân thật, nên khởi tức giận. Theo thứ tự trên thì mỗi phần đều do giận tức làm chủ chi phối. Đây là các pháp như trên đã nói nên không giải thích nữa. Các phiền não trong đây đơn cử sân giận là nặng nhất; nói về thực tướng nó chứa đủ các thứ ô nhi-m. Tức giận như ta biết là gốc nhi-m ô. Chúng sanh vốn sân giận nên bản tánh sân luôn có sẵn. Nhơn và pháp bản tánh là thật tướng không thể phân hai, biết thế thì không thấy giận tĐc nên không sanh phiền não sai lầm.

Tại sao thế ? Vì tất cả chúng sanh đều phục được bản tánh là thành vô thượng chánh đẳng Bồ đề, là trí tuệ rốt ráo siêu việt, là nhưt thiết trí chư Phật. Phần sau đây giải thích nguyên nhân, vì chúng sanh đã chế ngự (điều phục) được bản tánh nên thật tướng là pháp thân vô thượng Bồ đề. Đây nói về thật tướng của bản tánh Bồ đề là dùng năng quán để quán chiếu trí tuệ thì thể của pháp tánh, pháp tướng không khác, cũng như con dao và sự sắc bén của dao thể không khác. Do đó nên biết rằng bản tánh giận tức cũng là nhưt thiết trí chư Phật. Có nhiều cách giải như chân trí, tục trí đều có tên riêng. Cách giải thứ hai nói nhưt thiết trí là Phật trí. Cũng có thể nói Phật là người đạt thành trí. Bản tánh trí tuệ siêu việt đây là Phật trí, nên tức giận trở thành chân như hay cũng gọi là Phật trí, cho nên phiền não tức Bồ đề hoàn toàn không khác. Lại nữa biết là phiền não thì chắc hẳn nó không phát khởi; pháp tánh vốn cũng như vậy, không có gì khác biệt. Hơn thế, điều phục bản tánh tức còn là thật tướng. Bồ đề cũng là thật tướng; Bát Nhã cũng là bản tánh chư Phật. Bản tánh là gốc của trí biết. Bốn trí có tên tuy khác nhau song thể nó là một tướng không khác. Trí và huệ trí đều gọi là Bát Nhã, ý nghĩa như nhau.

Phật phương tiện khéo nói pháp điều phục trí tạng lý thú vi diệu như thế xong bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát rằng, nếu người nào nghe được pháp như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập rồi tự kiềm chế được cơn nóng giận, những sai lầm, thì cũng có thể chế ngự được tất cả chúng

sanh. Đây là phần tán thán công đức thù thắng của kinh; nêu lên những thói nhi-m, giận tức v.v... thuộc về phần nhi-m ô.

Thường sanh vào cõi thiện, thọ hưởng mọi điều vui thú tốt đẹp; gặp những oán ghét đời này đều khởi lòng từ bi. Đây là cái quả thù thắng ở đời. Chỉ cơn nóng giận nổi lên chắc chắn sẽ thọ sự khổ. Nay lìa giận tức nên sanh vào cõi thiện được mọi sự an vui tốt đẹp. Do không giận tức, không phiền nhi-u người khác nên những oan gia đời nay đem lòng từ tiếp xử.

Nếu biết khéo tu Bồ tát hạnh thì mau chứng đạo quả vô thượng Bồ đề. Đây là quả xuất thế thù thắng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương nơi các pháp lành lập pháp tánh bình đẳng hiện thân Như Lai vì chư Bồ tát mà nói trí tuệ rất ráo siêu việt, là pháp vô cùng lý thú màu nhiệm tuyệt vời. Trong pháp thực hành nêu chung có sáu đoạn: hai đoạn chót nêu rõ hai pháp tu rộng khắp. Đoạn này nói tánh bình đẳng, là pháp tối thắng hơn cả. Quán chiếu thật tướng nhơn, pháp đều bình đẳng cùng khắp. Đoạn sau cùng nói chúng sanh nương nơi pháp mật tu tập quán chiếu khắp cả nhơn và pháp đều là pháp thiện. Trong 3 tiêu đoạn, đây là đoạn thứ nhất nói tổng quát về tên của pháp môn tu, khéo thiết lập tánh bình đẳng. Pháp chính là pháp tánh bình đẳng. Pháp cũng tức chân như cùng khắp ở nhơn và pháp nên gọi là tánh bình đẳng. Cái thật tánh thi vi này không thể dùng ngôn ngữ phân tích được. Bây giờ giả lập pháp bình đẳng gọi là kiến lập. Pháp tánh chân thật nên là pháp tối thắng khiến đi thọ sanh nên gọi là pháp môn.

Tất cả chúng sanh tánh bình đẳng nên trí tuệ rất ráo siêu việt tột cùng cũng bình đẳng. Tất cả pháp tánh bình đẳng nên trí tuệ rất ráo siêu việt tột cùng cũng bình đẳng. Tất cả chúng sanh tánh chế ngự nên trí tuệ rất ráo siêu việt tột cùng được điều phục. Mọi loài chúng sanh đều có thật nên trí tuệ rất ráo siêu việt tột cùng cũng có thật. Mọi pháp thật nghĩa như nó là nên trí tuệ rất ráo siêu việt tột cùng cũng như thế. Phần sau nêu lên những điều đã nói có 6 điểm: thứ nhất, nhơn và pháp cùng khắp nên lìa ba món nhi-m căn bản là được trí tuệ siêu việt, cũng giống như trên. Thứ ba là pháp không biến đổi. Đây gọi là chân lý mà ở trên nói là pháp chân thật đúng nghĩa. Thế gian hay xuất thế gian không ngoài hai thứ: pháp và chúng sanh. Ngộ hai pháp này là trí tuệ rất ráo siêu việt, là trí quán chiếu. Bản tánh cả hai đều là thật tướng của trí tuệ siêu việt nên đều bổ sung nhau.

Mọi loài chúng sanh là chân như nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng là chân như. Hết thấy các pháp là chân như nên trí tuệ rốt ráo siêu việt tốt cùng cũng là chân như. Tất cả chúng sanh là pháp giới nên trí tuệ thâm sâu rốt ráo cũng là pháp giới. Mọi pháp là pháp giới nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng là pháp giới. Tất cả mọi loài chúng sanh là pháp tánh nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng là pháp tánh. Tất cả pháp là pháp tánh nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng là pháp tánh. Mọi loài hữu tình là thực nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng thực hữu. Mọi pháp thực có nên trí tuệ rốt ráo siêu việt cũng thực hữu. Thứ hai, nhơn và pháp là tánh thường hằng; thể của pháp là bốn loại chân như cũng tức là Bát Nhã.

Tất cả chúng sanh vốn không nên trí tuệ siêu việt tốt cùng cũng không. Các pháp vốn không nên trí tuệ siêu việt cũng không. Hết thấy mọi chúng sanh là vô tướng nên trí tuệ siêu việt cũng vô tướng. Tất cả pháp vô tướng nên trí tuệ siêu việt cũng vô tướng. Tất cả chúng sanh vô nguyện nên trí tuệ siêu việt cũng vô nguyện. Tất cả pháp vô nguyện nên trí tuệ siêu việt cũng vô nguyện. Thứ ba, nhơn, pháp phi hữu, lia tướng vô nguyện ba pháp ấy tức là trí tuệ.

Tất cả chúng sanh đều xa lia nên trí tuệ siêu việt cũng xa lia. Tất cả pháp đều xa lia nên trí tuệ siêu việt cũng xa lia. Tất cả chúng sanh vắng lặng nên trí tuệ siêu việt cũng vắng lặng. Tất cả các pháp vắng lặng nên trí tuệ siêu việt cũng vắng lặng. Thứ tư, nhơn và pháp lia cả hai: lia nhi-m, lia sanh tức trí tuệ siêu việt.

Tất cả chúng sanh không thể được nên trí tuệ siêu việt tốt cùng cũng không thể được. Hết thấy các pháp không thể được nên trí tuệ siêu việt cũng không thể được. Tất cả chúng sanh vô sở hữu nên trí tuệ siêu việt cũng vô sở hữu. Hết thấy chúng sanh không thể nghĩ bàn nên trí tuệ siêu việt cũng không thể nghĩ bàn. Tất cả các pháp không thể nghĩ bàn nên trí tuệ siêu việt cũng không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh không hý luận nên trí tuệ siêu việt cũng không luận bàn suông. Các pháp không hý luận nên trí tuệ siêu việt cũng không hý luận. Thứ năm, nhơn và pháp đều vô đắc, hư dối hoàn toàn, lia nói bàn bốn loại tức là trí tuệ.

Tất cả chúng sanh không ngăn mé nên trí tuệ siêu việt cũng tốt cùng. Tất cả các pháp tốt cùng nên trí tuệ siêu việt cũng không ngăn mé. Tất cả chúng sanh có nghiệp dụng nên biết trí tuệ siêu việt cũng có nghiệp dụng. Các pháp có nghiệp dụng nên biết trí tuệ siêu việt cũng có nghiệp dụng. Thứ sáu, nhơn và pháp hai loại tác dụng rộng lớn tức trí tuệ. Cảnh rộng lớn thì trí cũng thế.

Cảnh đầy đủ các nghiệp lưu chuyển thì trí tuệ cũng dùng quán chiếu đoạn diệt cảnh giới.

Phật nói tánh bình đẳng, pháp cao siêu lý thú màu nhiệm như thế xong bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát rằng, nếu có người nghe được pháp trí tuệ bình đẳng lý thú thù thắng như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì có thể hiểu được pháp tánh bình đẳng trí tuệ siêu việt tốt cùng. Đây là tán thán đức tánh bình đẳng. Tánh thật tướng chân như, là thể tánh bình đẳng nhơn và pháp nên gọi là tánh bình đẳng tánh; thì có thể hiểu pháp tánh bình đẳng. Do oai lực nghe pháp tin hiểu tánh bình đẳng nên có thể thông hiểu thể nào là pháp tánh bình đẳng. Pháp tánh bình đẳng tức là trí tuệ siêu việt, là ý nghĩa sâu của Bát Nhã ba la mật, là dung hợp hai loại thật tướng và quán chiếu. Nay hiểu rõ thật tướng là nhờ quán chiếu bản chất nhơn và quả cùng khắp. Văn kinh trên nói thâm nhập Bát Nhã tức là quán chiếu. Nếu không, làm sao biết được thật tướng Bát Nhã cũng có nghiệp dụng.

Đối với tất cả mọi chúng sanh tâm không còn ngăn ngại thì chóng đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Được nương nơi pháp tánh mà còn thông đạt huông nữa tự mình thấu triệt nhơn và pháp không bị ngăn ngại. Quái là ngăn che, ngại là khuất lấp. Hiểu tường tận nhơn và pháp thì không còn gì ngăn che, thấu đạt được sở y nên cũng hiểu thông năng y.

Lúc đó đức Thế Tôn lại an trú trong tướng ẩn tàng của Phật vì chư Bồ tát mà nói Bát Nhã ba la mật đa cho tất cả chúng sanh an trú trong pháp thắng tạng lý thú vi diệu này. Đoạn hai đây nói chúng sanh an trú pháp môn thắng tạng dùng sức quán quán chiếu nhơn và pháp đều cùng khắp. Đoạn văn kinh phân ba phần, đây là phần thứ nhất nêu tên pháp đã nói mà trong đó lại chia hai: trước nói tướng, sau nêu tên pháp. An trú trong tạng pháp là sao? Trụ là đình chỉ, dừng, dứt, từ vô tri chúng sanh an trú nơi Như Lai tạng này. Hay nói như thế này: trước trụ trong chúng sanh, trì là trì Như Lai tạng, là an trú trong chúng sanh tánh. Vì chúng sanh vốn sẵn Phật tánh nên an trú trong chủng tử Phật pháp. Tạng pháp là Như Lai tạng thuộc vô vi hàm tàng vô biên Phật công đức nên gọi là tạng. Chúng sanh an trú cùng khắp nên Như Lai tạng biến khắp thân tâm chúng sanh để duy trì Phật pháp. Đây là những công đức thù thắng quý báu mà hiểu rõ lời dạy này là một pháp môn. Như Lai tạng là phần căn bản (chính) nên ngoài ra không nói Kim Cang tạng.

Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh, có Bồ tát Phổ Hiền biến khắp. Sau đây nêu lên những điều đã thuyết gồm bốn điểm: thứ nhất: tất cả mọi chúng sanh đều có Như Lai tạng. Như Lai tạng là tên của chân như còn trong ràng

buộc. Khi ra khỏi ràng buộc là pháp thân. Tạng là kho chứa, gồm hết tất cả sở hữu công đức chư Phật trong đó nên gọi là Như Lai tạng. Hiện tại công đức chưa phát khởi nên chưa gọi là pháp thân. Lại nữa, bản tánh này đúng là Phật tánh mà còn trong ràng buộc nên gọi là Như Lai tạng. Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh như Kinh Thắng Man nói: "luận về sanh tử thì Như Lai tạng cũng là tự thể Bồ tát Phổ Hiền biến hiện". Phổ là cùng khắp, Hiền là thiện. Biến thể ba nghiệp thuần thiện là Phổ Hiền. Bồ tát chứng ngộ được lý chân này nên gọi là Phổ Hiền. Hơn nữa, tự thể Bồ tát khắp cùng đều là hiền thiện. Hết thấy ba nghiệp đều thiện do đó Bồ tát thấu đạt chân lý, nên ngộ được tự thể pháp hữu vi. Tất cả tốt đẹp đều thiện lương, do tánh thiện này biến khắp ba nghiệp làm cho ba nghiệp đều thiện nên gọi là Phổ Hiền Song bản tánh Bồ tát Phổ Hiền bây giờ là Phật tánh nên nói tự thể Phổ Hiền biến khắp nơi chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng bị bỏ phước, nên phổ hiền là tự thể cùng khắp.

Thứ đến, tất cả chúng sanh đều có Kim Cang tạng tức Như Lai tạng. Tánh này bền chắc khó phá hoại nổi nên có thể phá trừ gốc sanh tử nên gọi là Kim Cang tạng. Bồ tát ngộ được lý Kim Cang này cũng đạt được trí Kim Cang là Kim Cang tạng. Nhưng mà hiện tất cả chúng sanh bản thể đều là Kim Cang tạng. Song dùng trí Kim Cang rải khắp thân tâm thì được bền vững, pháp kiên cố phá diệt sanh tử. Như ta biết chúng sanh có tánh Kim Cang. Quán nghĩa là rưới vào thân tâm, đánh là phá nghiệp sanh tử. Lấy trí Kim Cang tạng tuần tự xem xét lời dạy kia lúc ban rải thì phá diệt được sanh tử.

Tất cả chúng sanh đều có chánh pháp tạng, đều tùy thuộc nơi chánh ngữ. Thứ ba, tất cả chúng sanh đều có chánh pháp tạng. Chánh pháp là chân trí tuệ siêu việt: Tạng là kho chứa, chúng sanh đều là kho tàng chứa chánh pháp. Vì mỗi chúng sanh đều phải tùy vào chánh ngữ chuyển hóa. Lời nói chánh ngữ là lời nói hợp lý, lời nói đúng thật. Khế kinh nói rằng chúng sanh đều thuận theo chánh ngữ mà chuyển hóa. Chuyển là chuyển động dựa vào chánh ngữ thực hành giáo pháp với sự nhất tâm kiên quyết. Tánh tướng chúng sanh đều là hữu tình, do mỗi chúng sanh khởi chánh ngữ nên tất cả có chánh pháp tạng.

Hết thấy chúng sanh có tất cả sự nghiệp diệu nghiệp tạng nương nơi gia hạnh. Thứ tư, tất cả chúng sanh đều có diệu nghiệp tạng. Diệu nghiệp là ba thiện nghiệp mà Bồ tát có được như đã nói trên: tất cả chúng sanh đều là kho tàng diệu nghiệp Bồ tát. Bồ tát muốn phát khởi mọi nghiệp lành là vì chúng sanh, hoặc vì bản tánh hoặc muốn vén bạt sanh tử, vì chúng sanh khổ mà phát gia hạnh, cho nên chúng sanh nương theo gia hạnh, là nơi nương tựa

sâu kín mà chúng sanh phát khởi diệu nghiệp. Trở lên là bốn loại, thứ nhất, cái thể các pháp bản về tánh ẩn tàng, thứ nhì, cái dụng của pháp để phá diệt sanh tử, thứ ba: dạy nương theo gốc không điên đảo, thứ tư: đức tánh tốt nương theo gốc các đức tốt. Nếu không hiểu như thế thì làm trái những điều này.

Phật nói pháp lý thú vi diệu như thế chúng sanh an trụ xong, bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chư Bồ tát rằng, nếu có người nào được nghe pháp trí tuệ lý thú vi diệu cùng khắp này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì có thể hiểu được pháp tánh thắng tạng mau chúng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phần ba tán thán công đức kinh này. Pháp thắng tạng tức là Như Lai tạng. Có bốn loại thắng tạng, là bản tánh các pháp. Do bây giờ nghe pháp nên về sau thông đạt rất ráo.

Lúc bây giờ đức Thế Tôn y pháp rất ráo vô tướng, Như Lai vì chư Bồ tát mà nói trí tuệ siêu việt rất ráo, an trú nơi pháp bình đẳng Kim Cang. Phần này có hai đoạn, nêu rõ tu tập đắc quả trong đó chia làm hai phần: phần đầu là pháp sâu rộng, vô cùng rất ráo. Khi đạt được quả vị thứ hai thì thông đạt một pháp vị thù thắng, là đức tự lợi đã thành. Phần sau là pháp môn sâu nhiệm vô cùng lý thú. Đạt đến quả thứ hai là đã được tự lợi lợi tha làm chủ ba cõi và đáp ứng nguyện vọng chúng sanh mong cầu là đức lợi tha. Trong đoạn này kinh văn có chia ra ba tiết: tiết 1/ nêu chung tên pháp môn đã nói. Trong đó lại chia làm hai: về chỗ được nương theo và nêu rõ tên pháp. Cứu cánh nghĩa là rất ráo. Đệ nhất nghĩa là vô thượng, tức là cùng cực: Vô biên là rộng, vô tế là sâu như ý này nói; Thân Phật là vô cùng sâu rộng, hoàn toàn an trụ trong pháp bình đẳng cứu cánh như trên đã giải thích. 2/ Trụ là dừng, trì là duy trì. 3/ Pháp là giáo nghĩa thành văn tự. Nghĩa là làm rõ ý nghĩa lý thú. Bình đẳng là giống nhau, là không khác. Kim Cang là rắn chắc, có nghĩa là sức phá vỡ. Pháp tối thắng là chỗ an trụ pháp bình đẳng để phá diệt sanh tử. Đây gọi là pháp vô biên không cùng. Lại nữa, rất ráo an trú là an trú nơi pháp của chư Phật. Pháp nghĩa là bình đẳng, đồng thuận không hai. Kim Cang có thể phá diệt sanh tử là pháp môn kiên cố vững chắc.

Trí tuệ sâu thăm siêu việt tốt cùng nên hết thấy chư Phật cũng vô cùng. Tiết hai nêu rõ những điểm đã trình bày. Tánh đề cập ở đây là tánh bình đẳng trong pháp tối thắng. Nói rằng tất cả chúng sanh vô cùng tận nên trí tuệ thâm sâu rất ráo cũng vô cùng. Trí tuệ thông suốt thật tướng pháp quán chiếu pháp thứ năm là văn tự Bát Nhã mà ba thân Phật theo đó cũng vô cùng. Lý thật tướng của pháp thân thì không cùng, quán chiếu báo thân cũng không cùng. Nương hai thân ấy mà hóa thân tùy nhân duyên ứng hiện, tức là nghiệp dụng

hiện hữu cũng vô cùng. Vô cùng tận là rộng lớn khó đo lường được. Tướng tốt nơi thân Phật rực rỡ vô cùng, mà vô số căn lành thể hiện rõ rệt.

Trí tuệ thâm sâu siêu việt tột cùng thì vô tận nên chư Phật cũng vô tận. Vô cùng tận là sâu thăm khó lường được, cần phải trải qua ba kiếp khổ tu mới thành tựu. Trí tuệ thâm sâu nên nói là vô cùng, đạt được ba thân cũng vô cùng. Trừ nhị thừa và phàm phu, hàng thập địa Bồ tát mới có thể hiểu thấu suốt.

Trí tuệ thâm sâu siêu việt rốt ráo là một vị nên tất cả các pháp đều là một vị. Đây dùng năng quán để quán chiếu và lý các pháp được quán làm phương tiện đều là một vị nên nói là bình đẳng. Một vị nghĩa là một tướng; không có tướng khác xen vào, cũng có nghĩa là không phân biệt. Lại nữa, một vị là chắc thật nên xa lìa tướng khổ, vui, cũng không mừng. Các pháp hoặc giáo hoặc nghĩa cũng cùng một vị, tùy hai trí tuệ không trái nhau. Kinh Phật Địa nói: ví như trời thứ ba mươi ba chưa đi vào rừng rậm, thì không thể biết hoặc làm gì hoặc nhận gì, không có ngã và những gì thuộc về ngã mà hòa hợp thọ dụng. Khi đi vào rừng hoang rồi thì không còn phân biệt mà tùy tiện tự nhiên. Rừng có những đặc tính như thế để chư thiên đi vào đó. Các quả báo cõi trời hoặc sự việc hoặc thọ nhận đều không thể suy lường mà hoà hợp tự nhiên. Bồ tát cũng thế khi chưa đạt được pháp vô sanh nhẫn thì không có được tâm bình đẳng, xã bình đẳng. Còn đối với Thanh Văn, Độc Giác thì hai tư tưởng đó không có gì khác biệt nhau. Họ không thể an trú tự nhiên hòa hợp giữa tuệ giác và sự việc cùng một vị. Khi đã đạt được pháp vô sanh nhẫn làm cho hai tư tưởng tự do bình đẳng. So với Thanh Văn, Độc Giác thì khác biệt nhau. Do tâm bình đẳng mà an trú trong xã thọ, tuệ giác và sự việc hòa hợp một vị. Kinh còn luận giải rằng, trời thứ ba mươi ba có một khu rừng hoang mà chư thiên dù hòa phước lực oai đức lại khiến chúng trời cũng không thể vào được khu rừng ấy. Các cung điện ở đó, mọi sự thọ khổ vui, hơn kém có khác nhau. Nhận có ngã và những gì thuộc về ngã khác nhau. Nếu đã vào khu rừng này rồi thì dù sự việc dù thọ dụng hoàn toàn không còn thấy có sự hơn kém mà hoàn toàn giống nhau tuyệt đối không có ngã và những gì thuộc về ngã được hòa hợp, thọ nhận tự nhiên, có thể khiến làm cho hòa hợp bình đẳng nên gọi tên là rừng hoang. Việc này do chư thiên mỗi vị tu tập hòa hợp bình đẳng làm phước lực gia tăng khiến các trời biết được sự biến hiện đồng nơi cùng lúc, cùng một tướng. Do khu rừng hoang kia gia tăng sức bền bỉ làm cho vị trời ấy nhận thức cũng thay đổi theo, dù mỗi vị trời thọ nhận giống nhau. Như thế sự khác nhau giữa Bồ tát và các địa khác không sai biệt cũng thế. Hai tướng hay không tướng đều dẫn đi thọ sanh nên chưa đạt vô sanh và người đạt được khác nhau. Cho nên cũng Kinh Phật Địa

nói: như nhiều dòng nước lớn nhỏ khác nhau khi chưa tới biển mỗi dòng theo một lối riêng. Có nhiều loại nước khác nhau ít nhiều tăng giảm tùy chỗ phát nguyên mà tác dụng của mỗi dòng không giống nhau. Hầu hết mọi loài nương vào nước duy trì mạng sống. Nước đã vào biển rồi thì không thể phân biệt chỗ phát nguồn, nước giống nhau không có khác biệt. Nước cùng khắp, nước không tăng giảm, do chỗ tạo nghiệp sâu dày mọi loài nương vào nước để duy trì mạng sống. Bồ tát cũng thế, nếu chưa ngộ được pháp giới thanh tịnh của Phật thì biển cả là từ các dòng nước đổ dồn về. Trí sai biệt, thiếu trí, đa trí tăng giảm tùy nghiệp chúng đã tạo mà mỗi mỗi khác nhau. Một phần nhỏ chúng sanh đã an trụ căn lành thuần thực. Nếu đã ngộ được biển pháp giới rộng lớn thanh tịnh của Phật thì không còn phân biệt. Trí không hạn lượng, không tăng giảm nên việc thọ dụng hòa hợp cùng một vị. Việc và trí vô lượng nên chúng sanh đã an trụ căn lành thuần thực. Kinh còn luận rằng, nước theo nhiều địa phương khác nhau làm chỗ nương theo nên Bồ tát dựa chur Phật làm chỗ nương tựa. Nói nhiều loại nước khác nhau gồm trong, đục, dơ, sạch mỗi thứ riêng biệt. Bồ tát trí khác nhau do chỗ tu mà thành hơn kém sai khác. Ngoài ra các pháp thí dụ khác tùy nghĩa có thể biết được. Bồ tát hẳn nhiên khi tu thành tựu quả vị Phật thì ba thân, vạn đức là một vị - vị giải thoát.

Vì trí tuệ thâm sâu siêu việt rốt ráo nên tất cả pháp cũng rốt ráo. Đây là phần năm quán chiếu về văn tự Bát Nhã tối thắng gọi là rốt ráo đệ nhất. Các pháp và ý nghĩa tùy thuộc thì trí tuệ cũng thế, trong đó lấy ý hiển bày. Do trí tuệ sâu sắc biết nhân vị, văn tự, quyền thuộc, các cảnh giới vô biên vô cùng rốt ráo cùng một vị. Hành những việc cần hành đạt được ba thân, nói những pháp đáng nói tùy lúc cũng vậy, là nhờ có trí tuệ sâu xa hiểu rõ bản tánh các pháp. Bản tánh là một vị giải thoát nên các pháp cũng vậy.

Phật nói pháp Kim Cang lý thú rốt ráo vô biên vô tận như thế xong bảo Bồ tát Kim Cang Thủ cùng chur Bồ tát rằng, nếu có người nghe được pháp Kim Cang Bát Nhã lý thú rốt ráo như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì hết thấy mọi sự chướng ngại đều được tiêu trừ, ắt được trí kim cương của Phật mau chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phần này tán thán công đức thù thắng của kinh. Đã hiểu trí tuệ và ba thân Phật có ý nghĩa vô cùng vô tận thì hết thấy mọi sự chướng ngại đều tiêu trừ, ắt được trí Kim Cang của Phật. Vì có trí Kim Cang nên phá sạch sanh tử, là bản tánh chân thật pháp giới chân như, mau chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đó phải đủ hai đức tánh cao cả là diệt ác và tu thiện.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nương nơi tướng biến hóa của Phật vì chư Bồ tát mà nói trí tuệ siêu việt tốt cùng được chư Phật gia trì mật pháp. Cũng như tất cả mọi pháp không thể nói bàn suông. Đại Lạc Kim Cang là thần chú bất không; là pháp Kim Cang ban đầu, giữa, sau đều ưu việt, là pháp môn vô thượng lý thú vi diệu đệ nhất.

Đoạn này nói tu pháp môn vô thượng lý thú đạt được hai kết quả: tự lợi và lợi tha làm chủ ba cõi, tùy theo nguyện vọng chúng sanh đều được thỏa mãn đức tự lợi và lợi tha. Trí biến chiếu là gì? Trí biến chiếu là nhưt thiết trí, nhưt thiết chủng trí. Như trong lúc ngủ nằm mơ thấy hoa sen nở. Hiểu rõ các pháp có thể hàm thông tự lợi và lợi tha một cách thấu suốt gọi là biến chiếu. Được chư Phật gia trì mật pháp tức ngộ được tánh Kim Cang. Pháp môn này gọi là pháp bí mật đáng quý đáng trọng vì là pháp tạng khó hiểu nên nói là mật, tức là các pháp hữu vi cùng tất cả pháp vô vi thù thắng khác, là pháp giải thoát. Cũng như tất cả các pháp không luận bàn suông, tức là chân pháp giới, lia hết nói năng và phân biệt. Đại lạc là được cái vui vô lậu: Vui có năm thứ: 1/ nhân vui, 2/ thọ nhận vui, 3/ trị dứt khổ: vui, 4/ đoạn dứt thọ vui, 5/ vui không làm tổn hại. Trong đó lại chia làm 4 loại: a/ ra khỏi vui, b/ xa lánh vui, c/ vui giác ngộ, d/ vui Niết bàn. Bây giờ đã đạt được 5 thứ hay bốn thứ vui nên nói đại lạc cùng khắp pháp giới thấy đều vui. Kim Cang nghĩa là năng phá, phá trừ mọi sự chướng ngại đều có thể phá hết. Bất không là nêu pháp mâu nhiệm tánh không phải không ngờ mà thật linh diệu thù thắng đưa tới kết quả phi thường nên gọi là "chẳng không". Thần chú là gì? Thần là thánh đức lý sự tự tại; chú là tổng trì, là gom sức tinh anh thánh đức mười phương chư Phật mà thành. Dùng một lời mà hàm đủ cả Phật pháp, nó có công năng phá diệt hết các oán đối sanh tử, tổng hợp các đức lại là tổng trì, tức là chú vậy.

Kim Cang là trí tuệ kiên cố của chư Phật, trong các pháp đây là pháp kiên cố đệ nhất. Trên đây đã nói các pháp tu sở đắc. Và sau đây nói chung pháp tu năng đắc (tự mình đạt được). Kinh này Phật nói gồm ba phần: phần đầu (sơ), phần giữa hay chánh văn (trung), phần sau hay lưu thông (hậu), vì người phát tâm tu chứng được ba bậc, hoặc kẻ nghe kinh tu tập ly dục chứng ba quả vị. Đây là kinh cao thượng không có hai khác, là pháp vô thượng đệ nhất. Vì pháp này cao tột đệ nhất nên có thể ngộ được các pháp bí tàng của chư Phật.

Nói đại tham là thành tựu việc lớn tức đạt đại Bồ đề, hoàn thành đại an lạc. Phần sau đây nêu rõ những điều đã nói trong đó có hai phần: phần trước lại phân ba: nói về Bồ tát hạnh, mười nghiệp ác và những kết quả đạt được.

Phần sau phân ba nói về Đà la ni hay ấn chú. Trước nêu rõ nghiệp ác mà tham v.v... là nhân, phải có kết quả của nó. Sau nêu rõ nghiệp lành mà trí tuệ là nhân phải có kết quả của nó. Rõ ràng tham là nhân kết quả hẳn phải tự lợi. Phần sau nêu rõ quả lợi tha và tự lợi. Trong đó nêu rõ do tham là nhân dần dần đưa tới bốn loại hậu quả: 1/ do nhân tham được đại lạc, 2/ nhân đại lạc được đại giác, 3/ nhân đại giác chinh phục bốn loài ác ma, 4/ nhân hàng phục bốn loài ác ma mà được tự tại. Tại sao gọi đại tham mà thành tự lớn lao như thế ? Vì Bồ tát đối nghịch trong nhân đi ngược dòng sanh tử, 10 ác nghiệp, thực hành đạo xuất thế. Mười ác nghiệp là: sát sanh, tức làm mất mạng chúng sanh nên xoay vần trong sanh tử. Đoạn có nghĩa là giết hại làm mất mạng sống, 2/ trộm cắp của người không cho mà cố lén lấy để mưu lợi cho mình, 3/ ham muốn tà dâm, biết rõ ham muốn không chánh đáng là tà thì phải giữ chánh hạnh. Nên phân biệt chánh dâm với tà dâm như bài tụng:

Tham-sân-si do phân biệt sanh

Tịnh bất tịnh bởi điên đảo thành

Do nhân duyên thành tịnh, bất tịnh

Đều chẳng thật vốn là tự tánh.

4/ vọng ngữ: như hư dối nói lời không chân thật là vọng, như có bài tụng rằng:

Trong những lời gian dối,

Như Lai nói lời thật

Trong các pháp không thật,

Các hành hư dối nhất.

5/ lời nói ly gián: tại sao nói Phật thường ở cõi không tối thắng ? Vì Phật nói lời rõ ràng sâu kín, mắt lia sự ly gián thường vượt thắng không. Cù nghĩa là thắng, mâu là không, ni nghĩa là thường. Đây dùng nghĩa bóng chỉ Phật. 6/ lời nói thô ác là nói cộc cằn thô lỗ, mắng nhiếc chưởi rửa. Phật nói lời ái ngữ, an trụ trong thiện ích nên đạt giác ngộ. Giác ngộ là toàn trí hay nhất thiết trí. 7/ lời nói ngọt ngào trau chuốt cốt làm lung lạc lòng người. 8/ tham dục. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: nếu người ít ham muốn thì tự mình ngộ pháp

định cao siêu. Ý nói tham dục thì tâm loạn nên chỉ nghĩ tham. Định là khởi đại tham dục muốn thành đạo vô thượng Bồ đề. Tham ở sanh tử muốn độ thoát chúng sanh, ấy chính là tham dục. 9/ sân hận: nơi tâm phát ra ghét gỡng đủ thứ phiền não, làm đứt đoạn, tiêu diệt là nghĩa oán hại. 10/ tà kiến: như ở mọi nơi tà kiến phổ thông mà thấy cho là đúng. Tức lấy hết thấy hư vọng phân biệt, tà loạn cho là chánh. Dù Bồ tát có mật hạnh thì mười ác nghiệp đó, ý nghiệp quan trọng mà đại tham đứng đầu. Y cứ nơi sự liên hệ giữa ba nghiệp làm nhân nên Bồ tát thành tựu được hạnh tối thắng. Đây là 10 nhân như trên nói được 5 loại an lạc, vượt hơn các thứ an lạc trong cõi phàm phu nên gọi là tối thắng. Ngoài ra, đại lạc còn có nghĩa là năm quả tu chứng đã lìa hết mọi tướng được pháp lạc, như trên giải rõ.

Thành tựu được cái vui lớn khiến đại Bồ tát giác ngộ thành Phật tối thắng. Ngộ được năm pháp lạc thật an lạc mới có thể đạt được tự giác, giác tha theo sự và lý trong nghĩa đại giác. Quả vị Bồ tát được nhân Phật, địa vị Phật nên được đại giác viên mãn.

Tất cả chư Phật thành tựu đại giác tối thắng khiến chư đại Bồ tát chế phục được đại ma quân hoàn thành viên mãn. Do hiểu rõ sự-lý, tự tha, tà-chánh nên vĩnh viễn dứt đoạn bốn loài ác ma. (27)

Hàng phục các loài ác ma thành tựu viên mãn khiến chư đại Bồ tát độ khắp ba cõi được thành tựu tự tại. Do hàng phục bốn loài ma vượt ngoài ba cõi được quả vị cao quý nên rộng độ khắp ba cõi. Bồ tát không còn bị sanh tử, và bốn loài ma làm hại, nên luôn được an lạc tự tại. Nói tóm lại, tự tại có 10: 1/ thọ mạng tự tại, 2/ tâm tự tại, 3/ chúng đầy đủ tự tại. Ba loại này do nhân bố thí viên mãn mà thành tựu. 4/ nghiệp tự tại, 5/ sanh tự tại. Hai loại này do giữ giới đầy đủ mà có, 6/ thắng giải tự tại - do tu nhẫn nhục thành, 7/ nguyện tự tại - do tinh chuyên tu tập viên mãn, 8/ thần lực tự tại - do tu thiền định, 9/ trí tự tại, 10/ pháp tự tại - do trí tuệ viên mãn. Như Nhiếp Đại Thừa luận quyển 9 nói: mười loại tự tại này lấy ý nói là thành tựu quả tự lợi, đến khi chứng ngộ đã có phần, nên Phật độ sanh tự tại trong ba cõi. Có bài tụng rằng:

Thiên địa cõi này nhà đa văn

Thiên cung xứ xứ mười phương không

Trượng phu, ngư vương, đại sa môn

Đất đai, núi rừng biển hư không.

Cứu độ ba cõi Phật Thế Tôn.

Lược nói về pháp giới thanh tịnh thì đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí, có đầy đủ hai loại phước đức, trí tuệ trang nghiêm nên nói là tối thắng.

Độ khắp ba cõi là thành tựu tự tại khiến chư đại Bồ tát độ chúng sanh lợi ích an lạc không còn thừa sót một ai. Hết thấy mọi loài chúng sanh rốt ráo được đại an lạc là thành tựu tối thắng. Trên nói tự lợi, dưới nêu lợi tha trong đó có hai: 1/ trước nêu rõ tâm quảng đại độ nhứt về hạnh lợi tha, 2/ sau nêu thường tâm, tâm không điên đảo làm hạnh lợi tha, cứu vớt tất cả mọi loài mà không bỏ sót một chúng sanh nào. Chúng sanh gồm bốn loài: loài đẻ trứng, sanh bào thai, loài sinh nơi ẩm ướt và loài hóa sanh, hoặc có hình hoặc vô hình, có tướng, vô tướng hoặc phi hữu tướng, phi vô tướng thấy đều vén bạt sạch khổ để ban vui cho chúng. Không một chúng sanh nào mà không dùng trí bi độ nên nói không còn thừa sót. Như các từ: Di là lưu lại, sót thừa lại, dư là thừa, bỏ sót. Trương tàn nghĩa là bất tận. Bạt là nhổ sạch, vớt cứu lên; vớt hết mọi loài không còn một chúng sanh nào còn sót mà không cứu vớt. Niềm vui ban rải khắp mười phương, ba cõi, năm đường và bốn loài nên gọi tâm quảng đại là như thế.

Nói về lợi ích, an lạc, rốt ráo, đại lạc, thành tựu tối thắng. Lợi ích có 10 món như Kinh Bồ Tát Địa nói: 1/ thuần lợi, 2/ cộng lợi, 3/ lợi ích nhiều loài, 4/ an lạc cho tất cả, 5/ nhân nhiếp lợi, 6/ quả nhiếp lợi, 7/ lợi đời này, 8/ lợi nhiều đời khác, 9/ lợi rốt ráo, 10/ lợi không rốt ráo. An lạc có năm thứ như trước đã nói. Ngoài ra, nhiếp thiện là làm lợi ích, lìa ác là được an lạc. So sánh 10 loại ích lợi như Duy Thức Sớ nói rõ. Kinh Kim Cang, Niết Bàn nói rốt ráo đại lạc như sau: Ta đều khiến nhập vô dư Niết bàn, kia hiểu ba thừa nên chỉ nói Niết bàn mà không nói "dư". Bây giờ được giác ngộ và an lạc Niết bàn là các pháp hữu vi vô vi, tất cả những công đức có được thuộc vô lậu làm cho chúng sanh vui thích hài lòng không một mảy may thương tổn. Không bị bức xúc nên gọi là đại lạc tức là lòng dục số một khiến chúng sanh an trú nơi thắng địa nên gọi là độ nhứt.

Tại sao thế ? cho chí ở trong dòng thác sanh tử cũng có trí tuệ thù thắng đem giáo pháp cao siêu lợi lạc hữu tình mà không nhập diệt? Phải tìm nguyên nhân, cứu vớt chúng sanh không còn bỏ sót một ai cho đến khi chứng Niết bàn là thế nào? Là cho đến đời vị lai vô cùng tận, có bất cứ chúng sanh nào

trong mười phương bị trôi lăn trong dòng sanh tử cũng kịp thời cứu vớt. - mười phương thế giới bất cứ chỗ nào cũng thể hiện tâm từ rộng lớn cứu độ chúng sanh. Kẻ thắng trí là sao ? Là kẻ đã lia được ngã và ngã sở (cái thuộc về mình), nhơn và pháp đều không chấp là thắng trí. Nhơn và pháp hai trí đều viên mãn như kinh nói: tâm không điên đảo nên kẻ thắng trí xa lia hai pháp chấp đó. Có đủ pháp thắng trí để làm lợi ích chúng sanh nên không vội nhập Niết bàn. Khắp mười phương cùng tận đời vị lai trong sanh tử ngút ngàn thường dùng pháp cao diệu đệ nhất không thể so sánh này làm lợi lạc cho chúng sanh. Chúng sanh vô số lượng nên thời kỳ nhập Niết bàn cũng không cùng tận. Kẻ thắng trí độ mọi loài hữu tình nên không vào tịch diệt. Tại sao ? Vì không còn chấp có pháp và có chúng sanh được độ, không còn có tướng ta, tướng người mới có thể đem lại lợi lạc chúng sanh rốt ráo vô tận. Như ở đời cha mẹ thương các con tâm không phân nam nữ, không còn thấy mình và con, không nề khó nhọc nên luôn luôn sanh lòng thương giúp. Bồ tát cũng thế, có tâm quảng đại thương hằng, bốn tâm viên mãn độ chúng sanh không kỳ hạn tới khi thành Phật. Thường nhỏ sạch sanh tử trong mười cõi pháp giới, dùng bốn tâm Kim Cang nên đạt được bốn quả giải thoát.

Lại nữa dùng trí tuệ rốt ráo siêu việt làm phương tiện khéo đạt được thắng trí, hay hoàn thiện tất cả mọi sự nghiệp rốt ráo thanh tịnh khiến chúng sanh đều thanh tịnh. Phần trên từ chỗ "Lại nữa đến thượng lai" lấy đại tham làm nhân nên được quả lợi lạc. Đây lấy trí tuệ làm nhân nên được quả tốt đẹp. Phương tiện là do trí tuệ giúp chữa bệnh chúng sanh nên thuyết pháp hợp thời, cho nên gọi là phương tiện uyển chuyển thích thời làm cho chúng sanh gia tâm tu tập là phương tiện. Như đi đường gặp người thợ săn đuổi theo con thỏ; y hỏi có thấy không ? Trả lời là không thấy để giữ giới không sát sanh. Mặc dù có thấy con vật vẫn trả lời không thấy. Nói sai không thấy vẫn không phạm nói dối mà vì muốn bảo trọng việc sát sanh. Bồ tát cũng thế, muốn làm cho chúng sanh bỏ tà theo chánh, đối với pháp vô danh đặt tên để thuyết làm cho chúng sanh tội nặng nhẹ đều hợp thời thích nghi tu tập. Tùy hợp căn cơ mà nói pháp khiến chúng sanh nhập đạo. Dùng hình ảnh tiêu biểu những cái vô hình, lấy lời lẽ bày tỏ cái vô ngôn, không xưng tên thật của vật gọi là phương tiện, cốt đạt chỗ tuyệt diệu thâm sâu, tùy thời tiếp vật trong việc xử sự mà không hề lỗi lầm là thiện xảo. Thắng trí thành tựu do phép thiện xảo này làm nhân nên được quả thù thắng. Thắng trí tức bao gồm hai trí: thiện xảo, phương tiện Ba la mật. Sự khác nhau của trí có hai loại: một là hồi hướng, hai là cứu vớt. Đây nói về trí hồi hướng, rốt cuộc quay về nhưt thiết trí. Trên nói khéo thành tựu sự nghiệp thanh tịnh gồm có ba loại: thần thông, tâm thọ ký, phiền não vi tế dứt sạch. Nhân tu phước trí nên được quả tự lợi lợi tha, nói chung là hết thấy việc thiện đều làm xong tốt đẹp

khiến cho loài hữu tình đều thanh tịnh. Nhân quả ba cõi 9 loài cũng đều dứt, sanh tử nhi-m ô đều sạch là được thanh tịnh, có nghĩa là tất cả việc ác đều trừ sạch. Trước nói tham là nhân tuy có hai việc lợi song chính vẫn là lợi tha. Muốn có lợi tha phải khởi bốn tâm, lấy trí tuệ siêu việt làm nhân dốc lòng tu thiện mới có thể tận trừ việc ác. Tâm Bồ Đề có ba loại nên kết quả lợi lạc cũng có ba. Tuy trên đây nói tham là nhân mà tánh là trí tuệ gọi bằng tên khác. Tất cả lấy trí tuệ làm tánh. Từ đây trở lên là giải thích từ đầu ... lại nữa xong. Lại nữa, lấy tham v.v... nhiếp phục thế gian mọi thời đến mọi loài khiến được thanh tịnh, là nhiếp phục một cách tự nhiên. Phần sau chú trọng giải thích tham đạt được lợi ích có hai phần: trước nói lợi tha, sau nói tự lợi. Đây về phần lợi tha, như lấy tham nhiếp phục thế gian mà chư Phật, Bồ tát quán sát chúng sanh phần nhiều keo kiệt che lấp cho dù có của báu cũng không chịu lo tu phước, cũng như không tự dùng mảnh như cắt thân, xẻ thịt ... thì sanh tâm thông thiết lẫn tiếc biết chừng nào ! Chư Bồ tát nhận thấy chúng sanh do tâm keo kiệt lấp mờ làm gia tăng ác nghiệp phải đọa ác thú không có kỳ hạn ra khỏi. Các Ngài khởi lòng đại tham (bi) chứa của báu làm cho chúng sanh bỏ keo lận không khởi ác nghiệp. Trong hậu đắc trí Bồ tát thực sự do tâm đại bi nên khởi lòng tham, không vì mình, vì danh lợi, không vì những người thân thuộc. Cho nên phát khởi một niệm tham là tăng thêm trăm nghìn việc thiện ích. Do đó mà Thiện Tài tham học các bậc thiện tri thức, như khi gặp một ông vua giết vô số chúng sanh, trói đánh bằng roi gậy. Thiện Tài khởi lòng hối tiếc nói với vua: "Các chúng sanh này ngu muội, giận dữ hoặc không biết đau xót trọn không thể chịu nổi, tôi chịu khổ thay cho". Thiện Tài dẫn giải như quốc vương Tiên Dục giết 500 người Bà la môn mà lại càng thêm công đức. Đây cũng thế, tất cả 10 điều ác nên biết do nghiệp hình thành, nên lúc khởi tham Bồ tát được đại lợi ích.

Như màu hoa sen sáng sạch không bị những chất bùn dơ làm ô nhi-m. Cái tham cũng thế vì lợi lạc cho đời dù lỗi quấy mà vượt qua lỗi quấy nên không bị xấu ác chi phối. Đây nêu rõ tham v.v... là tu hành tự lợi. Tâm Bồ tát khởi niệm tham này là bản sắc thanh tịnh sáng sạch không bị những phiền não làm ô nhi-m. Cho nên các Ngài lấy phiền não làm nguyện lực đi thọ sanh được hoàn toàn tự tại. Như một vị Phật cũng giống Bồ tát khởi niệm tham dùng đó làm lợi lạc chúng sanh. Giả như cái tâm ở trong phiền não lỗi lầm, hữu dư, hữu lậu, che tâm thiện vô ký gọi là có lỗi. Lỗi lầm nghĩa là lậu, mà ở trong ba tánh trong mọi lúc không bị nhi-m ô. Như hoa sen tuy mọc trong bùn mà không bị dính bùn. Tâm Bồ tát cũng y hệt như thế.

Lại nữa đại tham v.v... được thanh tịnh đại lạc trong ba cõi tự tại với tâm kiên cố làm lợi lạc chúng sanh. Phần này từ "Lại nữa ... giải thích thêm" là

nói về đại tham tức là Ngã tham v.v... Tham tức ham cái tốt, sợ thân tạo ác rơi trong đường sanh tử. Tham vì mình tu hành để lìa khổ, nên Kinh Duy Ma nói: "Thà khởi ngã kiến to hơn núi Tu Di, còn hơn khởi không kiến nhỏ như sợi tóc". Vì người khởi chấp không, tà kiến không một niệm tu hành. Như tham chấp ngã tăng thêm điều ác làm cản trở con đường đạo. Nhân khởi tham v.v... mà được quả đại an lạc là bảy pháp thánh tài, vật báu trong pháp giới, là vua trong ba cõi. Không lỗi làm nhi-m ô thì được 10 việc tự tại. - mọi thời, mọi nơi chốn, mọi việc đều đem lại lợi lạc mọi loài chúng sanh một cách vững chắc. Lợi ích chúng sanh tức là lợi ích Bồ tát. Có ba loại lợi ích, do nhân trước hoặc do kết quả mà tham là chính trong việc tu tập cho nên được quả vị rất ráo. Trước tiên thực hành dứt trừ xấu ác cũng là tham, thứ hai khởi lòng đại bi thương giúp cũng ví như tham, thứ ba mong đạt kết quả tốt đều là tham cả. Song việc chính mà tâm phát khởi là muốn diệt trừ phiền não, ác nghiệp của sanh tử. Cho nên mọi ô nhi-m tham ... tất cả đều tiêu sạch như trên đã nói.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền nói thần chú: Nạp mộ bạt già phiệt đế nhưt bát thứ nhượng ba la nhĩ đa duệ, Bạt đế phiệt sát la duệ. Án bạt phú nhĩ đa lâu nô duệ, tát phược đát tha yết đa bạt phú bố thị đa duệ, tát phược đát tha yết đa nô nhượng đa nô, nhượng đa bí, nhượng đa duệ, đát điệt tha, bát thứ khoa, bát thứ khoa mặt ha bát thứ khoa, bát thứ nhượng bà bà yết lệ, bát thứ nhượng lộ ca yết lệ. Án đà ca la tỳ đàm mặt nê tất đệ, tô tất đệ. Tát điện đô mạn bạt già phiệt đế, tát phòng già tôn đát lệ. Bạt đế phiệt sát lệ. Bát thứ sa phú đa yết tất đế, sâm ma thập phược sa yết lệ bột đà bột đà, tất đà tất đà, kiếm ba kiếm ba, triết la triết la, hạt la bạt hạt la bạt. A yết xa, a yết xa, bạt già phiệt đế, ma tỳ lam bà, sá ha.

Thần chú này ba đời chư Phật đều tuyên thuyết cùng hết lòng hộ niệm. Người thọ trì thần chú thì mọi chướng ngại đều trừ sạch, tùy tâm mãn nguyện không điều mong muốn nào mà không thành tựu, nên mau chứng chánh đẳng chánh giác. Lúc bấy giờ đức Như Lai lại nói thần chú:

Nạp mộ bạt già phiệt đế, bát thứ nhượng ba la nhĩ đa duệ, đát điệt tha, mâu ni đát mê, tăng yết lạc ha đát mê, kiết nô yết lạc ha đát mê, tỳ mục đế đát mê. Tát đà nô yết lạc ha đát mê. Phê thất lạc mặt noa đát mê, sâm mạn đa nô bà phú phiệt thứ đát na đát mê. Lâu noa tăng yết lạc ha đát mê, tát phược ca la bà phú ba thứ na đát mê, sa ha.

Thần chú này các đức Phật mẫu chuyên trì tụng, nên hết thảy tội chướng đều tiêu sạch thường dùng trí quán chiếu biết kiếp trước của chư Phật, mau

chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc đó Phật lại nói tiếp thần chú:

Nạp mộ bạt già phiệt đế, bát thứ nhượng ba la nhĩ đa duệ, đát diệt tha, thất lệ duệ, thất lệ duệ, thất lệ duệ, thất lệ duệ tuế, xá ha.

Thần chú có oai lực lớn làm cho người trì tụng nghiệp chướng tiêu trừ, nên nghe chánh pháp nhiếp tâm không quên sót, chứng được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đoạn sau nói mỗi câu thần chú cần trì tụng ba lần. Lần thứ nhất ca ngợi công đức, chư Phật miệng nói chú, tâm hộ niệm người trì tụng. Hộ niệm là gia trì bằng sức mạnh tâm linh, chư Phật gia trì không dứt, tùy tâm người mong muốn điều ác tiêu trừ, việc thiện thành tựu. Tụng lần thứ nhì cũng tán thán công đức nên thấy chư Phật hiện là Phật mẫu. Vì đây chính là thần chú gốc chư Phật nói ra. Người túc trí đều nhờ thần chú này được diệu trí, biết rõ kiếp trước, những việc quá khứ của mình; việc nhân quả thiện ác đều nhận chân thông suốt, là trí biết về kiếp trước. Tụng lần thứ ba thần chú đủ oai lực được các đức trang nghiêm khiến mọi loài kính nể. Lực là sức mạnh làm cho tất cả nễ phục, được nghe giáo pháp để định tâm. Luôn luôn hằng nghĩ tới pháp bằng ký ức không một niệm xao lãng qua đoạn văn tán thán thần chú vừa giải thích. Những phần khác còn lại có thể giải nghĩa chính như sau:

Nói thần chú xong lúc đó đức Thế Tôn bảo Bồ tát Kim Cang Thủ, chư Bồ tát rằng nếu có chúng sanh nào mỗi ngày từ sáng sớm chí tâm đọc tụng chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, pháp vi diệu lý thú cao siêu này không gián đoạn thì những nghiệp xấu ác đều tiêu diệt; những niềm vui cao đẹp hiện tiền. Phần sau tán thán công đức thù thắng của kinh gồm có hai phần: phần đầu tán thán riêng về môn Trí Tuệ trong một đoạn. Phần sau tán thán chung công đức toàn quyển kinh Bát Nhã. Phần đầu văn kinh chia làm ba đoạn: thứ nhất, ca ngợi trừ tánh ác và công đức tu thiện, thứ nhì: tán thán việc gieo nhân tốt mới gặt quả đức về sau, và thứ ba tán thán công đức cao quý đạt được. Phần thứ nhất đoạn thứ nhất: tán thán công đức dứt ác, tu thiện. Phần thứ nhì của đoạn thứ nhất: tán thán riêng việc thọ sanh các cõi lành.

Đại lạc Kim Cang là thần chú chẳng phải không mà hiện thân ắt được thành tựu rất ráo pháp Kim Cang bí mật của chư Phật nên chẳng bao lâu đạt được đại trí Kim Cang và Phật tánh tối thắng. Phần sau tán thán riêng việc thọ sanh nơi cõi thiện, có ba phần: 1/ hoàn mãn chú Kim Cang với việc đại an lạc, 2/ thành tựu pháp Kim Cang bí mật, nhờ giới hạnh và thực hiện tu tập pháp Kim Cang mà đạt được, 3/ được trí Kim Cang là Phật tánh. - địa vị

Phật trí Kim Cang, là trí tuệ chân thật mới được Phật tánh là pháp thân, thật là quý báu. Sau nói về 2 phần nhân quả chưa thành nên nói phải đợi đến thành Phật mới đạt được.

Nếu có chúng sanh nào chưa gieo thiện căn nơi Phật mà đã phát đại nguyện thì đối với môn trí tuệ siêu việt lý thú vi diệu tối thắng này không thể nghe, biên chép, đọc tụng, cúng dường, suy niệm, tu tập với lòng thành kính. Phần sau do hai nhân lành mới được quả thiện. Phạm tu phải đầy đủ nhân tu tập và hạnh nguyện. Nếu lúc đầu không có hai nhân đây thì không thể khởi được 10 pháp lành mà ở đây chỉ nêu 7 pháp như: 1/ nghe trong sự chú tâm, 2/ biên chép, 3/ đọc, 4/ tụng, 5/ thành tâm cúng dường, 6/ suy niệm, 7/ tu tập. Ba pháp thực hành còn lại cũng như thế. Đó là bố thí pháp, thọ trì và quảng bá pháp. Phần biên chép nói trên còn phải do nhân duyên gặp được kinh, hướng nữa là việc thọ trì. Đây nói rõ không do nhân thì không gặp được kinh.

Điểm quan trọng đối chư Phật đều có là gieo trồng các căn lành phát đại nguyện lâu dài, thì có thể nghe được một lời một câu pháp cao siêu vô cùng mâu nhiệm này, hướng gì còn được đọc tụng, thọ trì đầy đủ. Phần sau điểm chính nói có nhân mới gặp được kinh, các đoạn trước đã giải thích tường không cần phải nêu đầy đủ 10 pháp ở đây.

Nếu có chúng sinh nào thành tâm cúng dường, tán thán tôn trọng kinh trải qua 80 ức hằng hà sa cõi Phật mới có thể nghe được pháp trí tuệ vô cùng siêu việt này một cách đầy đủ. Trên nêu rõ nghe một câu một lời kinh mà còn được nhân lành dường ấy, hướng gì từ đầu chí cuối gia tâm tu hành qua bốn sự cúng dường ân cần đầy đủ. Ba nghiệp thành tâm cung kính đầu đội ân cần lại hết lòng tôn trọng nữa, tức là không ngớt tán thán như trên đã nói.

Khắc già là tên của một vị thần dùng chỉ số nhiều. Cõi Phật nhiều như số cát, như cát của sông thuần cát không lẫn lộn đá. Nay ví như con sông Vị nước trong thuần cát không có đất đá pha trộn. Phật dạy phải cúng dường 80 ức hằng hà sa cõi Phật mới nghe được kinh này đầy đủ. Nếu không như thế thì không thể nghe được đầy đủ nghĩa mâu của kinh. Nghĩa lý kinh sâu xa hàng tiểu trí mông muội khó biết được cho nên nói do nhân duyên lớn gặp được kinh này lại tu tập nữa thật quả là một sự hạnh ngộ hy hữu !

Như ở các nơi chỗ nào lưu hành kinh này thì được trời, người, A tu la v.v... đều cúng dường; như Phật dạy để kinh nơi thân hoặc nơi tay thì chúng trời, người kính l-. Phần sau, công đức có được cần phải tôn trọng. - khắp nơi nơi đều tôn kính, người người đều quý trọng, tùy theo văn mà giải. Từ Phật "ché

đa" theo cựu dịch là chi đề, tức là tháp miếu (chùa tháp). Chùa tháp an trí Phật tượng, Phật cốt hóa thân của Phật còn phải nghiêm kính, huống nữa pháp thân Phật (kinh) lại không cúng dường ư ?

Nếu có chúng sanh nào thọ trì kinh này trong vô số kiếp thì được túc trí, thường hằng tinh tấn tu các thiện pháp thì ác ma, ngoại đạo không thể phá quấy. Được bốn vị đại thiên vương và thiên chúng thường theo ủng hộ không bỏ rơi. Khi chết không bị oan ức, nạn tai, bệnh hoạn ... Chư Phật, Bồ tát thường gia hộ khiến mọi lúc việc thiện gia tăng, việc ác tiêu diệt. - các cõi Phật tùy nguyện được vãng sanh cho đến khi chúng quả giải thoát không đọa vào đường ác. Sau đây tán thán chung công đức thù thắng của toàn kinh gồm có hai phần: tán thán riêng, tán thán chung. Trong phần tán thán riêng có 10 đức: 1/ qua nhiều kiếp được túc trí, 2/ sanh ra đời thường tinh tấn tu tập, 3/ truyền bá pháp rộng không giữ riêng, 4/ chư thiên thường ủng hộ, 5/ không chết oan, 6/ không tai ương, bệnh hoạn, tức những mối họa phát sanh làm tan nhà mất mạng và những chứng bệnh ung thư nguy hiểm, 7/ chư Phật và Bồ tát thường hộ niệm, 8/ làm cho việc ác tiêu trừ, việc thiện gia tăng, 9/ nguyện sanh cõi Phật, 10/ từ nay trở đi cho tới khi chúng quả không đọa ba đường ác. Nói đường ác có ba trong đó có con người, hình kẻ huỳnh môn (bán nam bán nữ), thân, thân đàn bà, đều không mắc phải.

Các chúng sanh thọ trì kinh này như định được vô biên công đức thù thắng, nay ta lược nói một ít. Đây là phần tán thán chung, được sáng tỏ chân tướng cùng bản tánh sâu xa mới có thể hiểu rõ chỗ vi diệu của tông yếu. Người thọ trì kinh được lợi lạc vô cùng không thể nào nói hết được nên chỉ nói một ít. Người tu hành luôn luôn phải tinh tấn tu học nghiên cứu nếu muốn đạt những đức ấy mới biết kinh này thù thắng vô cùng.

Lúc đức Bạc Già Phạm nói kinh rồi Bồ tát Kim Cang Thủ, chư đại Bồ tát và chư thiên nghe Phật nói xong đều lấy làm hoan hỷ tin tưởng phụng hành. Phần ba đây nói về tu hành chứng ngộ. Các bậc đại Bồ tát là hàng thượng hơn (28) của mọi người và của thiên chúng những bậc đại sĩ hóa thân đều cảm niệm lời Phật thuyết ngộ được tông yếu ý chỉ từ thâm tâm thuận phát tu hành không gián đoạn.

HẾT

KINH BÁT NHÃ LÝ THỨ PHÂN THUẬT TÁN

CHÚ THÍCH

(1) Hữu vi, vô vi (pháp): pháp hữu vi hay pháp thể gian hoặc pháp sanh diệt chỉ mọi hiện tượng, vật thể biến thái không ngừng ở cõi này và nhiều cõi khác. Những sự vật nào ta có thể dùng mắt quan sát thuộc pháp hữu vi. Ngược lại pháp vô vi hay còn gọi là pháp xuất thế, khó hình dung hay di-n tả đúng dưới mắt phàm nên gọi là vô vi. Tuy nhiên, có sáu khái niệm về pháp vô vi như sau: hư không vô vi, tịch diệt vô vi, phi tịch diệt vô vi, bất động diệt vô vi, tướng thọ diệt vô vi và chân như vô vi hay cũng gọi là Niết Bàn tịch tịnh.

(2) Ngũ thừa: năm cỗ xe chuyên chở hay năm cõi chuyên chở giáo pháp của Phật. Đó là: thiên thừa, Nhơn thừa, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa.

(3) Thập địa: mười địa vị hay thứ tự tu chứng theo Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ Tát thừa giải khác nhau. Đây riêng nói thập địa của Bồ Tát thừa. 1/ Hoan hỷ địa, 2/ Ly cấu địa, 3/ Phát quang địa, 4/ Diệm huệ địa, 5/ Cực nan thắng địa, 6/ Hiện tiền địa, 7/ Vi-n hành địa, 8/ Bất động địa, 9/ Thiện huệ địa, 10/ Pháp vân địa.

(4) Đà la ni: nghĩa là trì hay giữ gìn, có sức gom nhóm các pháp lành không để tản lạc mất, như món đồ tốt dùng chứa nước, nước không thể chảy ra ngoài. Có bốn loại Đà la ni: 1/ Văn hay pháp đà la ni, 2/ Nghĩa đà la ni, 3/ Chú đà la ni, 4/ Nhân đà la ni. Pháp đà la ni đối với giáo pháp của Phật nghe rồi thu nhiếp lấy không để quên mất. Nghĩa tức nghĩa lý ý thú các pháp, giữ gìn, ghi nhớ không quên. Chú hay chơn ngôn, thần chú. Những câu nói bí mật của chư Phật, Bồ Tát trợ lực cho việc tu hành trừ dứt những sự độc hại xấu ác, thì thọ trì cả thầy không quên cũng gọi là pháp ấn hay linh phù. Nhân đà la ni là nhân thật tướng vạn pháp mà hành nhẫn nhục thì thân tâm an trụ không xao động.

(5) Tam ma địa: Dịch là chỉ, quán, định hay đại định hay tổng trì. Nhập đại định tam ma địa có nghĩa nhập sâu trong chánh định, có khi 1 tuần, 1 tháng hoặc 3 tháng ... mà tâm trí vẫn sáng suốt mở rộng như hư không.

(6) Vô sanh pháp nhẫn hay vô pháp nhẫn, tức pháp giải thoát hay pháp dứt sanh tử.

(7) Nhị chương: Hai sự cản ngăn chương đạo là: 1/ phiền não chương là những điều bất như ý, những sự bất an, suy nghĩ lảm lạc, những ý kiến sai quấy. 2/ sở tri chương: sự hiểu biết do trí khôn làm chương ngại. Do chấp mê chỗ biết, chỗ thấy của mình làm ngăn ngại trí tuệ.

(8) Năm nón kiến chấp: Chấp thiên một bên, tà vạy của người phạm phu. Đó là 1/ thân kiến: chấp thân ngũ ấm giả hợp này là có thật nên chấp ngã, chấp những cái của ta, 2/ biên kiến: chấp thiên về một bên như chấp thường còn hay đoạn diệt (dứt hẳn), 3/ tà kiến: cứ khư khư giữ lấy ý kiến của mình, không tin nhân quả, tội phước, 4/ kiến thủ: tự cho chỗ hiểu biết của mình là tuyệt rồi sanh ra chấp trước, tự cho chỗ sở đắc của ta hơn hẳn người khác, 5/ giới cấm thủ: chấp giữ cấm giới cách cực đoan cho là thắng diệu, không biết rằng đó là sự lảm lạc của kẻ chẳng biết tùy nghi để học hỏi.

(9) Ba khổ: 1/ khổ khổ là cái khổ này chưa dứt lại tiếp cái khổ khác ập đến, 2/ hoại khổ: những hư hao, tan nát làm cho người ta quên ăn mất ngủ, 3/ hành khổ: thấy mọi sự mọi vật ở thế gian vô thường nên trong lòng phát sanh lo âu buồn khổ.

(10) Y tha tánh: hay y tha khởi tánh: tất cả vạn pháp do nhân duyên sinh. Lấy thức A lại da (thứ 8) làm nhân và nhờ nhiều trợ duyên khác mà sinh. Đó là lia vọng tình để tự tồn, tức giả hữu.

(11) Viên thành thật tánh: tánh thành tựu viên mãn hay pháp tánh cũng gọi là thực hữu hay chân hữu.

(12) Tâm sở: tâm có hai phần: tâm vương và tâm sở. Tâm sở tâm sở hữu là những gì thuộc về tâm như cảm thọ, xúc, tác ý, tưởng, tư, tầm, quí, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất hại, hành xả v.v...

(13) Biệt cảnh: cảnh riêng thuộc 5 món tâm sở là dục, thắng giải, niệm, định, huệ.

(14) Dị thực: (thức) là tên gọi khác của thức A lại da. Thức thứ tám này có 3 tên gọi như:

- Từ địa vị phạm phu đến hết đệ thất địa gọi là tàng thức,
- Từ địa thứ tám đến Đẳng giác gọi là Dị thực thức,

- Đến quả vị Phật thì gọi là "vô cấu thức" (thức không cấu nhi-m) hay "Bạch tịnh thức".

(15) Nhị thừa: hai cỗ xe dùng chuyển tải giáo pháp của Phật tu đạt giải thoát là: Thanh Văn tu pháp Tứ Đế đắc quả A La Hán, và Duyên Giác tu pháp 12 nhân duyên đắc quả Độc Giác hay Bích Chi Phật.

(16) Đẳng vô gián duyên hay thứ đệ duyên: tâm vương, tâm sở theo thứ tự nối nhau sanh khởi không hề gián đoạn nên gọi là đẳng vô gián.

(17) Sở duyên duyên: tâm vương, tâm sở mượn các duyên mà sanh khởi, là sở duyên của tự tâm.

(18) Tăng thượng duyên: do 6 căn chiếu cảnh phát thức. Lúc pháp sanh khởi có lực dụng không hề chướng ngại, là một trong tứ duyên (xem chú thích 16 và 17 trên).

(19) Nhiếp luật nghi: là một trong ba tự tịnh giới: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình (chúng sanh) giới. Như giữ giới sát thì lìa bỏ được điều ác việc sát sanh là giữ luật cẩn thận, làm tăng trưởng tâm từ bi.

(20) Nhiếp thiện pháp: là giữ gìn các thiện pháp và làm cho các pháp thiện tăng tấn mãi.

(21) Nhiều ích hữu tình: làm lợi lạc cho các loài hữu tình, tìm cách bảo hộ tất cả chúng sanh.

(22) Trí vô ngại biện: là bốn trí biện thuyết của Bồ tát vô ngại: 1/ thuyết pháp vô ngại, 2/ nghĩa lý thông suốt vô ngại, 3/ lời (từ) lẽ tự tại ở bất cứ mọi phương sở nào, 4/ biện thuyết hay nhạo thuyết vô ngại. Dem trí mẫn nhuệ vì chúng sanh ưa thuyết pháp một cách tự tại để đem lại an vui mọi loài.

(23) Ngã câu sanh: chấp ngã gồm có hai phần: câu sanh ngã chấp và phân biệt ngã chấp. Ngã câu (cụ) sanh tức là ngã chấp chứa sẵn trong tâm từ bao nhiêu đời trước, vừa sanh ra là đã có sẵn lòng câu nệ, ích kỷ ấy.

(24) Tánh biến kế chấp: do thói chấp của phàm phu vọng cho là thực. Chấp hết thấy mọi pháp do vọng tình biến bố cùng khắp. Ví dụ: ban đêm trông lầm sợi dây thừng tưởng là con rắn...

(25) Tánh viên thành thật (xem chú thích 11 ở trên).

(26) Tánh y tha khởi (xem chú thích 10 ở trên).

(27) Tứ ác ma hay bốn loài ma làm chướng ngại sự tu hành. Đó là: 1/ ma phiền não gồm: tham-sân-si, kiêu mạn, nghi ngờ, tà kiến ...

2/ ma ngũ âm là ham mê sắc, ưa sự hưởng thọ không chịu buông xả, ý tưởng bao la vũ trụ rơi vào không tưởng, thực hành những việc phi pháp, lỗi quấy. Thức không nhận chân được chánh tà, chân giả nên d- bị phương hại nhiều mặt.

3/ ma chết (tử ma): người nào lúc sinh thời tạo nhiều ác nghiệp, khi chết thần thức không siêu thoát đi đầu thai được, nên theo phá quấy nhi-u kẻ khác.

4/ ma thần tiên (thiên ma): ma ở cõi thượng thiên, cũng gọi là ma vương, vị thiên chủ từng trời thứ sáu, cáo nhất ở cõi Dục giới. Nói chung, các loài ma hay thiên thần, tiên thường dùng sức biến hóa tự tại để ngăn cản đường tu của bậc hiền giả.

(28) Thượng nhân: người đạo cao đức trọng, tài năng xuất sắc, xử sự với mọi người một cách bình đẳng, nên được mọi người tôn xưng.

---o0o---

Hết